

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
KỸ THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 052503/26/CV-TCBS

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương
- Mã chứng khoán: TCX
- Địa chỉ: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: Fax:
- E-mail: baocao_tcbs@techcombank.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS) công bố: Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương.

(Chi tiết như tài liệu đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/03/2026 tại đường dẫn: <https://www.tcbs.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Người được ủy quyền công bố thông tin



NGÔ HOÀNG HÀ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

HIỆU QUẢ VƯỢT TRỘI CÔNG NGHỆ DẪN LỐI

TCBS

An aerial night view of a city skyline, likely Shanghai, with numerous illuminated skyscrapers and a river. The TCBS logo is overlaid in the center of the image.

Mục lục

01

Thông điệp 2025

- 08 Dấu ấn doanh nghiệp 2025
- 10 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị

02

Về chúng tôi

- 14 Thông tin doanh nghiệp
- 16 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 18 Lịch sử hình thành và phát triển
- 20 Chiến lược phát triển
- 26 Giải thưởng tiêu biểu
- 28 Cơ cấu công ty và bộ máy tổ chức
- 30 Thông tin cổ phần và cơ cấu cổ đông

03

Báo cáo hoạt động

- 36 Tổng quan nền kinh tế và Thị trường chứng khoán
- 40 Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát
- 46 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

04

Quản trị doanh nghiệp

- 88 Báo cáo quản trị
- 100 Quản trị rủi ro

05

Phát triển bền vững

- 112 Thông tin chung
- 120 Báo cáo tác động môi trường và xã hội

06

Báo cáo tài chính

- 132 Báo cáo tài chính kiểm toán 2025 của TCBS



Danh mục thuật ngữ và từ viết tắt

Lĩnh vực tài chính	
AFS	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CIR	Tỷ lệ chi phí trên thu nhập
CSAT: Customer Satisfaction Score	Điểm hài lòng của khách hàng
CW: Covered Warrant	Chứng quyền có bảo đảm
Darkpool	Hệ thống giao dịch chứng khoán riêng tư không công bố thông tin lệnh trước giao dịch
DFI: Development Finance Institution	Tổ chức Tài chính Phát triển
Digital Asset Exchange	Sàn giao dịch tài sản kỹ thuật số
Digital custody	Lưu ký tài sản số
ESOP: Employee Stock Ownership Plan	Kế hoạch sở hữu cổ phần dành cho nhân viên
ETF: Exchange Traded Fund	Quỹ hoán đổi danh mục
EPS: Earnings per Share	Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu
FinTech	Công nghệ tài chính
FTSE	Chỉ số thị trường chứng khoán toàn cầu FTSE Russell
FX	Thị trường ngoại hối
HOSE/ HSX: Ho Chi Minh Stock Exchange	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX: Hanoi Stock Exchange	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HTM: Held-to-Maturity Investments	Đầu tư giữ đến đáo hạn
IFC: International Financial Centre	Tổ chức Tài chính Quốc tế
IPO: Initial Public Offering	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng
KPI: Key Performance Indicator	Chỉ số đo lường hiệu quả công việc
KRX	Hệ thống công nghệ thông tin thị trường chứng khoán do Sở Giao dịch Chứng khoán Hàn Quốc (Korea Exchange) cung cấp cho thị trường Việt Nam
M&A: Mergers and Acquisitions	Dịch vụ tư vấn mua bán & sáp nhập
Margin	Giao dịch ký quỹ
MarketVector	Công ty cung cấp các chỉ số thị trường MarketVector
MSCI	Công ty cung cấp các chỉ số thị trường MSCI
Non-Prefunding	Cơ chế giao dịch không yêu cầu nhà đầu tư có đủ tiền hoặc chứng khoán trước khi đặt lệnh
Omnibus	Tài khoản tổng do công ty chứng khoán quản lý thay mặt nhiều nhà đầu tư
One-stop shop	Mô hình dịch vụ một điểm chạm
OTC: Over-The-Counter	Thị trường giao dịch chứng khoán phi tập trung
P2P Lending: Peer-to-Peer Lending	Cho vay ngang hàng
ROA: Return on Assets	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản
ROE: Return on Equity	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

Lĩnh vực tài chính			
VBMA: Vietnam Bond Market Association		Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam	
VN-Index		Chỉ số đại diện cho biến động giá của toàn bộ cổ phiếu niêm yết trên HOSE	
VSD: Vietnam Securities Depository		Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	
WealthTech		Mô hình quản lý tài sản ứng dụng công nghệ số nhằm tối ưu hóa trải nghiệm và hiệu quả đầu tư	
Lĩnh vực công nghệ thông tin và khoa học dữ liệu			
Agile		Phương pháp quản lý dự án nhấn mạnh sự hợp tác và cải tiến liên tục	
Algo: Algorithm		Thuật toán	
AI: Artificial Intelligence		Trí tuệ nhân tạo	
AI scoring		Đánh giá và chấm điểm dựa trên AI	
API		Giao diện lập trình ứng dụng	
Big Data		Dữ liệu lớn	
Blockchain		Công nghệ chuỗi khối	
eKYC: Electronic Know Your Customer		Xác minh danh tính khách hàng điện tử	
eLearning: Electronic Learning		Học tập và đào tạo trực tuyến	
Engine		Công cụ xử lý/ Bộ máy vận hành	
eVoting: Electronic Voting		Bỏ phiếu điện tử	
GenAI: Generative AI		AI tạo sinh	
ML: Machine Learning		Học máy	
One Click Research		Báo cáo phân tích chuyên sâu chỉ với một chạm	
Sandbox		Môi trường thử nghiệm có kiểm soát	
Scrum		Khung quản lý phát triển phần mềm theo Agile	
Squad		Nhóm làm việc đa chức năng	
Tokenized		Mã hóa bằng token	
Lĩnh vực kinh tế		Lĩnh vực quản trị doanh nghiệp	
Affluent	Khách hàng có tổng thu nhập hộ gia đình cao	BKS	Ban kiểm soát
CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm	CTCK	Công ty chứng khoán
CPI: Consumer Price Index	Chỉ số giá tiêu dùng	ĐHĐCĐ	Đại Hội đồng Cổ đông
ESG	Bộ tiêu chuẩn đo lường phát triển bền vững	HĐKD	Hoạt động kinh doanh
FDI: Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	HĐQT	Hội đồng quản trị
FTA: Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do	QTRR	Quản trị rủi ro
GDP: Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội	TCBS	Techcom Securities
SME: Small & Medium Enterprise	Doanh nghiệp vừa và nhỏ	TCX	Mã cổ phiếu TCBS

C H Ư Ớ N G

01

THÔNG ĐIỆP 2025

08 Dấu ấn doanh nghiệp 2025

10 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Dấu ấn doanh nghiệp 2025

Thương vụ IPO của năm

Năm 2025 là năm bản lề, đánh dấu bước chuyển mình chiến lược của TCBS với thương vụ IPO thành công và sự tái định vị mạnh mẽ trên thị trường vốn. Kết quả kinh doanh không chỉ tăng trưởng ấn tượng mà còn vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, khẳng định năng

lực thực thi nhất quán và hiệu quả. Đây là nền tảng vững chắc để TCBS bước vào giai đoạn phát triển mới với tầm nhìn dài hạn, kỷ luật tài chính và cam kết gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông.



Huy động hơn

10.800

TỶ ĐỒNG



Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

231.150.000

CỔ PHIẾU



Tổng lượng nhà đầu tư đăng ký mua

26.215



Số lượng đăng ký mua cao gấp số lượng chào bán

2,5 LẦN



Giá trị vốn hoá tại 31/12/2025 dẫn đầu ngành chứng khoán

108.631

TỶ ĐỒNG



Công ty chứng khoán đầu tiên của Việt Nam có vốn hoá trên 100 nghìn tỷ đồng

Đầu tiên



THƯƠNG VỤ IPO TỐT NHẤT VIỆT NAM VÀ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Bình chọn bởi Finance Asia Achievement Awards 2025



AA- (RẤT TỐT) TRIỂN VỌNG "ỔN ĐỊNH"

Fiinratings xếp hạng tín nhiệm TCBS ở mức cao nhất trong các CTCK được xếp hạng tại Việt Nam

Khẳng định vị thế Tiên phong dẫn đầu

Duy trì quán tính tăng trưởng bất phá, trong năm 2025, TCBS thiết lập nhiều kỷ lục tài chính mới và tiếp tục củng cố vị thế dẫn đầu ngành. Những kết quả kinh doanh tích cực này phản ánh năng lực

vận hành hiệu quả, chất lượng sản phẩm vượt trội và sự tin tưởng mạnh mẽ của khách hàng cũng như thị trường vốn dành cho TCBS sau IPO.



Lợi nhuận năm 2025, hoàn thành 123% kế hoạch cả năm

7.109

TỶ ĐỒNG



Tổng tài sản tại 31/12/2025, tăng 51% so với năm trước

80.632

TỶ ĐỒNG



Lượt truy cập TCInvest trung bình mỗi tháng của khách hàng

17 triệu



Lợi nhuận trước thuế/nhân viên, cao hơn trung bình top 10 CTCK lớn nhất ngành

13,2

TỶ ĐỒNG



Công ty chứng khoán có lợi nhuận lớn nhất liên tiếp trong 7 năm

Top 1



Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025, đạt 44.100 tỷ đồng

Top 1



Dự nợ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt 43.860 tỷ đồng

Top 1



Thị phần phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt 38%

Top 1

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng,

Năm 2025 đánh dấu một cột mốc quan trọng không chỉ đối với TCBS mà còn với toàn thị trường chứng khoán Việt Nam. VN-Index đã vượt đỉnh lịch sử, tăng 40,9% so với cuối năm 2024, trong khi giá trị vốn hóa tại HOSE đạt 8,31 triệu tỷ đồng, tương đương 72% GDP. Thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao với giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 29.328,2 tỷ đồng/phiên, tăng tới 39,8% so với bình quân năm 2024. Những con số ấn tượng này phản ánh sự phát triển sôi động của thị trường, đồng thời khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của chứng khoán trong việc dẫn dòng vốn hiệu quả cho nền kinh tế.

Năm 2025 cũng khép lại chu kỳ chiến lược 5 năm của TCBS (2021 – 2025), đánh dấu bước chuyển quan trọng trong hành trình phát triển của Công ty. Một trong những dấu ấn nổi bật của năm là việc TCBS chính thức niêm yết trên HOSE vào tháng 10/2025. Đợt chào bán lần đầu ra công chúng – IPO đã thu hút hơn 575 triệu cổ phiếu đăng ký mua, cao gấp 2,5 lần lượng chào bán, qua đó huy động thành công 10.800 tỷ đồng và tiếp tục củng cố vững chắc niềm tin của nhà đầu tư đối với chiến lược phát triển dài hạn của TCBS.

Kết quả kinh doanh năm 2025 của TCBS không chỉ vượt xa kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, mà còn khẳng định sự vượt trội và vị thế dẫn đầu trong ngành chứng khoán Việt Nam. Với lợi nhuận trước thuế đạt mức cao kỷ lục, công ty đã hoàn thành vượt 123% mục tiêu và ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ, tiếp tục duy trì

sự bền vững và khả năng sinh lời vượt trội trong bối cảnh thị trường đầy biến động. Các mảng kinh doanh cốt lõi của TCBS đã ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ và đồng bộ, từ môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, đến ngân hàng đầu tư. Hệ sinh thái TCInvest không chỉ mở rộng đáng kể, mà còn mang đến những trải nghiệm vượt trội cho khách hàng, góp phần gia tăng thị phần và củng cố vị thế vững chắc của công ty trong ngành. TCBS tiếp tục dẫn đầu trong việc ứng dụng công nghệ tiên tiến và tạo ra những sản phẩm đột phá, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Đặc biệt, với chiến lược phát triển bền vững và minh bạch, TCBS đã ghi dấu ấn sâu sắc trong lĩnh vực trái phiếu doanh nghiệp, tiên phong ứng dụng công nghệ Blockchain để nâng cao tính an toàn và hiệu quả cho các giao dịch, mang đến giá trị thực sự cho khách hàng và cổ đông.

Công nghệ tiếp tục là trụ cột trong chiến lược phát triển của TCBS. Chúng tôi ứng dụng Blockchain, Trí tuệ nhân tạo - AI, Machine Learning và Generative AI - GenAI trong phân tích đầu tư, quản lý danh mục và dịch vụ khách hàng, qua đó tối ưu hiệu suất vận hành, cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng và tăng cường năng lực quản trị rủi ro theo các chuẩn mực cao nhất. Song song với tăng trưởng, TCBS kiên định theo đuổi định hướng phát triển bền vững khi tích hợp các yếu tố ESG vào hoạt động quản trị và vận hành, hướng tới cân bằng hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm dài hạn với Cổ đông và Đối tác. Những thành tựu đạt được trong năm qua là kết tinh từ nỗ lực bền bỉ, tinh thần đổi mới và sự đồng lòng của

toàn thể cán bộ nhân viên TCBS. Bước sang năm 2026, chúng tôi tiếp tục kiên định với chiến lược phát triển dài hạn, tập trung mở rộng hệ sinh thái Wealthtech nhằm nâng cao trải nghiệm và giá trị cho khách hàng, đẩy mạnh đầu tư công nghệ và AI để nâng cao năng lực phân tích, vận hành và quản trị rủi ro, duy trì hiệu quả sinh lời bền vững gắn với kỷ luật chi phí, đồng thời tăng cường quản trị minh bạch và phát triển bền vững.

Với nền tảng tài chính vững mạnh, năng lực công nghệ tiên phong và đội ngũ nhân sự chất lượng cao, TCBS sẽ tiếp tục khẳng định vai trò **Nhạc trưởng của dòng chảy vốn tại Việt Nam**, kiến tạo giá trị bền vững cho Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và Cộng đồng. Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành và ủng hộ quý báu của Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác cùng toàn thể cán bộ nhân viên TCBS, những người đã góp phần mang lại những thành tựu nổi bật trong năm 2025.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Xuân Minh

“

Những thành quả của TCBS là kết tinh của nỗ lực bền bỉ và tinh thần đổi mới của ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên. Bước vào chu kỳ kinh doanh mới, chúng tôi kiên định với chiến lược phát triển dài hạn: mở rộng hệ sinh thái Wealthtech, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và AI, từ đó củng cố vị thế Nhạc trưởng của dòng chảy vốn tại Việt Nam, đồng thời kiến tạo giá trị bền vững thông qua quản trị minh bạch và vận hành hiệu quả.

Ông Nguyễn Xuân Minh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

C H Ư Ớ N G

02

VỀ CHÚNG TÔI

- 14 Thông tin doanh nghiệp
- 16 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 18 Lịch sử hình thành và phát triển
- 20 Chiến lược phát triển
- 26 Giải thưởng tiêu biểu
- 28 Cơ cấu công ty và bộ máy tổ chức
- 30 Thông tin cổ phần và cơ cấu cổ đông



Tổng quan TCBS

Thông tin chung

TÊN CÔNG TY
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Kỹ Thương

TÊN TIẾNG ANH
Techcom Securities Joint Stock Company

MÃ CHỨNG KHOÁN
TCX - Niêm yết ngày 21/10/2025 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

CƠ CẤU VỐN TẠI NGÀY 31/12/2025
Vốn điều lệ: 23.113.080.210.000 đồng
Vốn chủ sở hữu: 44.099.580.183.375

GIẤY PHÉP ĐĂNG KÝ KINH DOANH
0102935813

TRỤ SỞ CHÍNH
Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội
Tầng 20, tòa nhà Techcombank số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 8, Tòa nhà Techcombank Sài Gòn, 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa bàn hoạt động
TCBS có địa bàn hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam

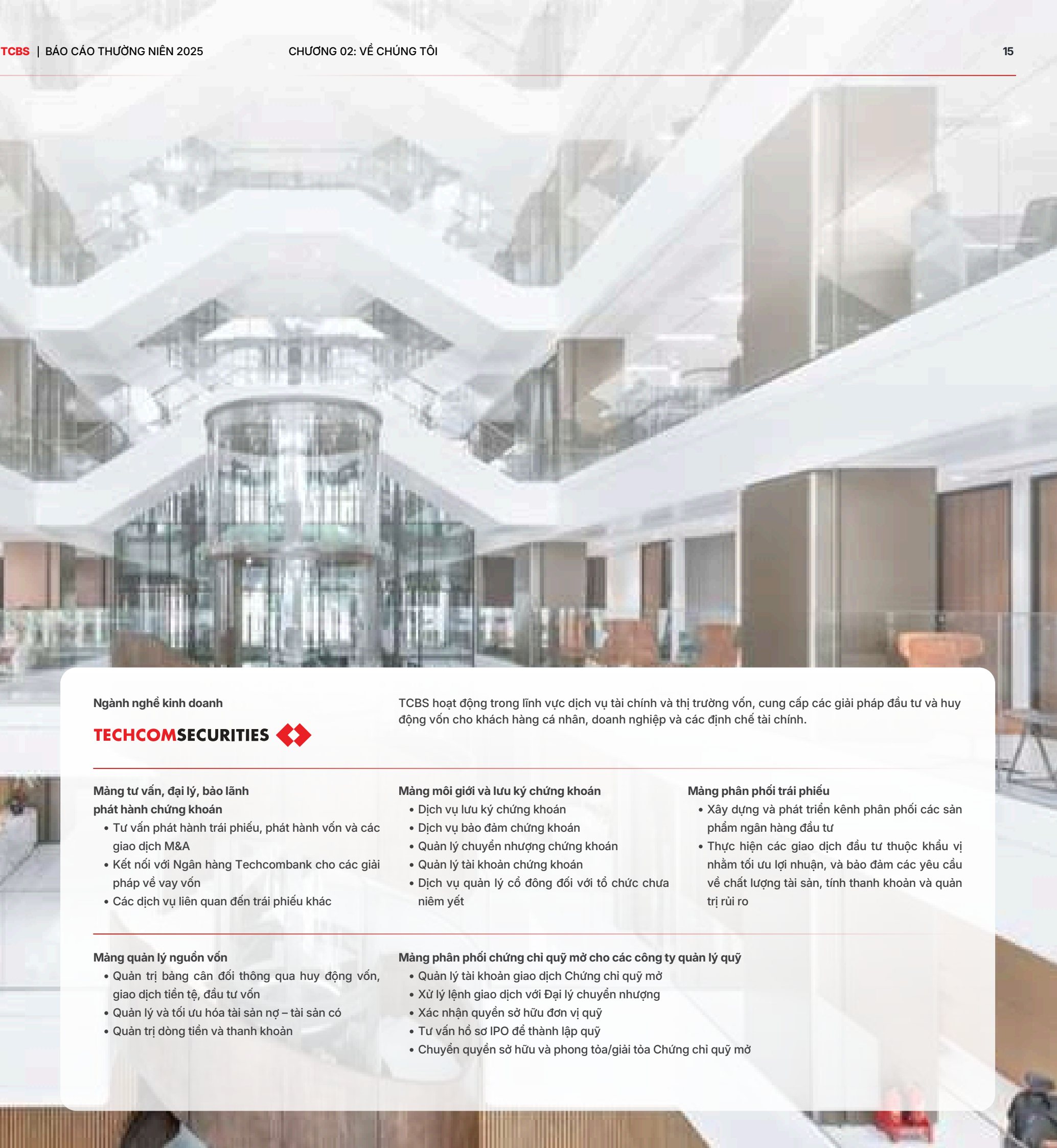
LIÊN HỆ			
Điện thoại	Fax	Website	Email
1900 23 23 66	Không có	www.tcbs.com.vn	contact@tcbs.com.vn

CÔNG TY CON
Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

HIỆP HỘI/TỔ CHỨC MÀ CÔNG TY LÀ THÀNH VIÊN

- Danh sách các cơ quan thuộc quản lý nhà nước:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
 - Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
 - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
 - Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

- Danh sách các hiệp hội ngành nghề khác:**
- Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam – VBMA
 - Hiệp hội Blockchain Việt Nam (VBA)



Ngành nghề kinh doanh

TECHCOMSECURITIES

TCBS hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính và thị trường vốn, cung cấp các giải pháp đầu tư và huy động vốn cho khách hàng cá nhân, doanh nghiệp và các định chế tài chính.

Màng tư vấn, đại lý, bảo lãnh phát hành chứng khoán

- Tư vấn phát hành trái phiếu, phát hành vốn và các giao dịch M&A
- Kết nối với Ngân hàng Techcombank cho các giải pháp về vay vốn
- Các dịch vụ liên quan đến trái phiếu khác

Màng môi giới và lưu ký chứng khoán

- Dịch vụ lưu ký chứng khoán
- Dịch vụ bảo đảm chứng khoán
- Quản lý chuyển nhượng chứng khoán
- Quản lý tài khoản chứng khoán
- Dịch vụ quản lý cổ đông đối với tổ chức chưa niêm yết

Màng phân phối trái phiếu

- Xây dựng và phát triển kênh phân phối các sản phẩm ngân hàng đầu tư
- Thực hiện các giao dịch đầu tư thuộc khẩu vị nhằm tối ưu lợi nhuận, và bảo đảm các yêu cầu về chất lượng tài sản, tính thanh khoản và quản trị rủi ro

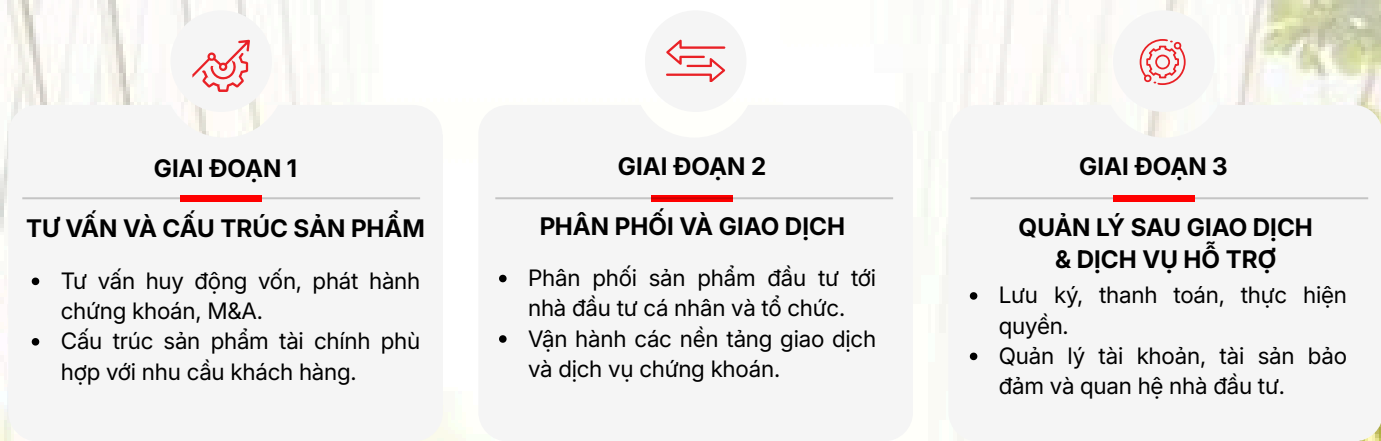
Màng quản lý nguồn vốn

- Quản trị bảng cân đối thông qua huy động vốn, giao dịch tiền tệ, đầu tư vốn
- Quản lý và tối ưu hóa tài sản nợ – tài sản có
- Quản trị dòng tiền và thanh khoản

Màng phân phối chứng chỉ quỹ mở cho các công ty quản lý quỹ

- Quản lý tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ mở
- Xử lý lệnh giao dịch với Đại lý chuyển nhượng
- Xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ
- Tư vấn hồ sơ IPO để thành lập quỹ
- Chuyển quyền sở hữu và phong tỏa/giải tỏa Chứng chỉ quỹ mở

Chuỗi giá trị hoạt động



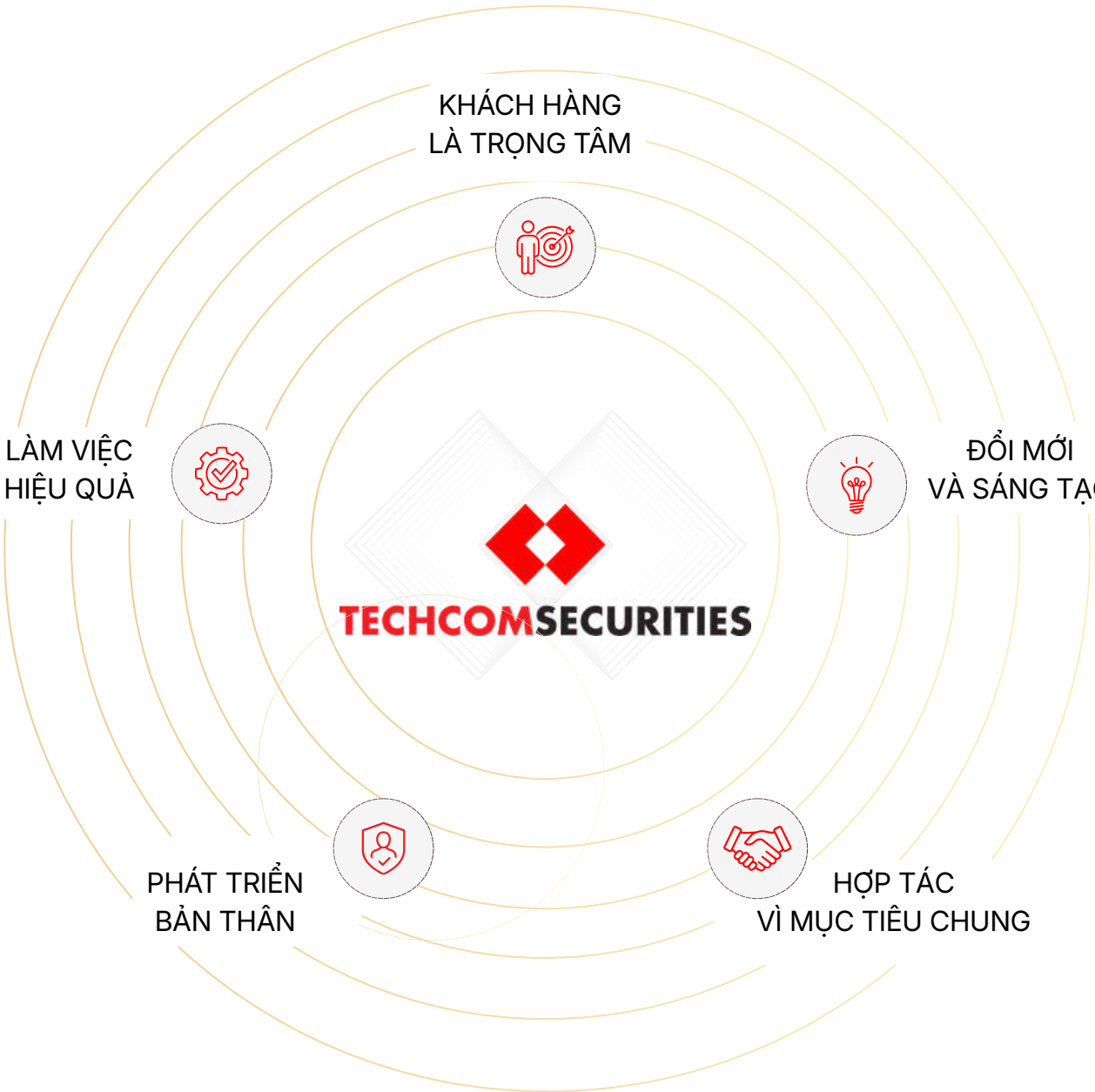
Tầm nhìn

Đến năm 2030, trở thành Nhạc trưởng dòng chảy vốn tại Việt Nam.

Sứ mệnh

Là đối tác tư vấn tài chính chiến lược tin cậy của khách hàng doanh nghiệp. Kiến tạo trải nghiệm đầu tư tích lũy ưu việt cho mỗi gia đình Việt Nam.

Giá trị cốt lõi



Lịch sử hình thành và phát triển

2008 Thành lập với vốn điều lệ 300 tỷ đồng 		2016 - Bước vào giai đoạn chiến lược 5 năm 2016 – 2020 với mục tiêu 1@1@1@1 (@ số 1 tại Việt Nam @ 100.000 khách hàng Affluent @ 100 triệu đô doanh thu @ 1 tỷ USD giá trị vốn hóa thị trường). - Đi đầu trong hành trình chuyển đổi số bằng việc tiên phong ra mắt Nền tảng giao dịch trực tuyến cho trái phiếu thứ cấp (iConnect) tại Việt Nam. - Giải thưởng “Nhà tư vấn và thu xếp trái phiếu tốt nhất Việt Nam” do The Asset bình chọn. - Giải thưởng “Nhà tư vấn & thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam” do Finance Asia bình chọn.		2018 - Ra mắt hệ thống phân tích doanh nghiệp TCAalysis. - Ra mắt sản phẩm Trái phiếu có bảo lãnh quốc tế đầu tiên tại Việt Nam. - Ra mắt engine định giá thông minh. Năm thứ 5 liên tiếp công ty đạt mức tăng trưởng lũy kế hàng năm >50% về doanh thu và lợi nhuận. Đứng đầu về cả thị phần môi giới trái phiếu và thị phần tư vấn phát hành trái phiếu.		2020 - Hoàn thành xuất sắc kế hoạch 5 năm 2016 – 2020. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 bùng phát, với chiến lược công nghệ tài chính Wealthtech, TCBS tiên phong ra mắt dịch vụ mở tài khoản 100% online 24/7, trở thành sự lựa chọn tin cậy của Nhà đầu tư với số lượng tài khoản chứng khoán mở mới tại TCBS tăng mạnh, chiếm gần 30% toàn thị trường. ROE đứng trong top các công ty chứng khoán tại Châu Á, ở mức 39%. - Ra mắt Công cụ online tư vấn tài chính cá nhân TCWealth. 		2022 - Top 1 công ty chứng khoán có giá trị thương hiệu lớn nhất Việt Nam vinh danh bởi Forbes Việt Nam. Khẳng định vị thế là công ty Wealthtech hàng đầu với nhiều giải thưởng quốc tế: Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất Việt Nam, vinh danh bởi tạp chí FinanceAsia. Công ty sở hữu công nghệ xuất sắc Việt Nam về Dữ liệu lớn, vinh danh bởi tạp chí Asian Business Review Ứng dụng Blockchain sáng tạo nhất, Quản lý tài sản tốt nhất trong ngân hàng đầu tư, vinh danh bởi IBS Intelligence. - Tự động hóa nghiệp vụ tư vấn phát hành trái phiếu, ra mắt iFinchain - Hệ thống quản lý 100% trái phiếu không niêm yết trên nền tảng Blockchain. Ra mắt hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ iFundmart.		2024 - Công ty chứng khoán có lợi nhuận lớn nhất liên tiếp trong 6 năm, tiếp tục nắm vị trí số 1 về thị phần tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp (ngoại trừ trái phiếu ngân hàng). - Công ty hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:8 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, đưa vốn điều lệ lên 19.613 tỷ đồng, đạt vị trí số 2 ngành chứng khoán về vốn điều lệ. - Năm 2024 có hơn 107 nghìn tài khoản được mở mới trên TCInvest, nâng tổng lũy kế khách hàng cá nhân tại TCBS hơn 1 triệu khách hàng.	
2008-2015		2016-2017		2018-2019		2020-2021		2022-2023		2024-2025	
2014 Ra mắt sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp iBond cho khách hàng cá nhân, tập trung phân phối các sản phẩm quản lý gia sản (trái phiếu, quỹ trái phiếu, quỹ cổ phiếu nội địa) thông qua mạng lưới chi nhánh Ngân hàng Techcombank.		2017 - Là một trong hai công ty chứng khoán có lợi nhuận lớn nhất ngành chứng khoán Việt Nam. TCBS chuyển mình theo định hướng phát triển là công ty công nghệ Fintech, ứng dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh, nâng tầm toàn diện về giao diện và cấu trúc của nền tảng đầu tư “một cửa” TCInvest. - Ra mắt hệ thống tư vấn đầu tư trái phiếu cho khách hàng cá nhân iAdvisor.		2019 Công ty chứng khoán đi đầu trong việc mang đến trải nghiệm công nghệ số như xác minh danh tính khách hàng thông qua công nghệ điện tử (eKYC), tiện ích bỏ phiếu điện tử online (eVoting), hệ thống đào tạo trực tuyến (eLearning), hệ thống tích điểm và thưởng (iXu).		2021 - Bước vào giai đoạn chiến lược 5 năm 2021 – 2025 với mục tiêu trở thành Nhạc trưởng dòng chảy vốn tại Việt Nam với vốn hóa 5 tỷ USD. Hoàn thành huy động khoản vay tín chấp không cần tài sản đảm bảo lớn nhất mà một CTCK có thể làm được, giá trị 83 triệu đô. Năm thứ 6 liên tiếp dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu. Ra mắt nền tảng giao dịch phái sinh iFuture. - Hoàn thiện hệ sinh thái quản lý gia sản Wealthtech, tiếp tục tiên phong ra mắt nhiều nền tảng công nghệ mới: iCopy - Nền tảng đầu tư cộng đồng đầu tiên tại Việt Nam, TCCorp - Cổng kết nối và tư vấn doanh nghiệp online, iCAP - Nền tảng giao dịch chứng chỉ tiền gửi và các sản phẩm tiết kiệm vi mô.		2023 - Triển khai chính sách Zero Fee không giới hạn thời gian, đưa thị phần môi giới chứng khoán của công ty vào Top 4. - Ra mắt Margin X - hệ thống quản lý sản phẩm Margin đáp ứng nhu cầu linh hoạt của khách hàng. Tiếp tục đứng đầu thị phần tư vấn phát hành trái phiếu trên thị trường và ra mắt Trái phiếu riêng lẻ - hệ thống giao dịch trái phiếu tập trung tự động. - Công ty giành được 10 giải thưởng công nghệ từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước. Hệ sinh thái TCInvest đạt hiệu suất ấn tượng với 12,4 triệu lượt truy cập mỗi tháng, trung bình hơn 400.000 lượt mỗi ngày. Đẩy mạnh năng lực về số hóa và dữ liệu: 52% nhân sự công ty thuộc mảng công nghệ và hoạt động theo mô hình Scrum/Agile.		2025 - TCBS giữ vững vị trí Top 1 lợi nhuận 7 năm liên tiếp (2019-2025), vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu Top 1 ngành. - TCBS IPO ghi dấu với nhiều con số kỷ lục của ngành: lượng đăng ký mua gấp 2,5 lần lượng chào bán, hơn 26.000 cổ đông mới đồng hành cùng TCBS. - Tháng 10/2025, hơn 2,31 tỷ cổ phiếu TCX chính thức niêm yết trên HOSE với giá tham chiếu 46.800 đồng/cổ phiếu. TCX góp mặt trong 2 rõ chỉ số lớn chi chưa đầy 2 tháng niêm yết: MarketVector Vietnam Local Index và MSCI Global Standard Indexes. - TCBS tiếp tục phá kỷ lục huy động vốn quốc tế với hợp đồng 230 triệu USD.	

Chiến lược phát triển

Trở thành “Nhạc trưởng của dòng chảy vốn tại Việt Nam”

TCBS tiếp tục duy trì định hướng chiến lược nhằm củng cố vị thế dẫn đầu về hiệu quả hoạt động và lợi nhuận trong ngành chứng khoán Việt Nam. Với tầm nhìn trở thành “Nhạc trưởng của dòng chảy vốn tại Việt Nam”, công ty hướng đến mục tiêu dài hạn là tối ưu hóa việc kết nối và phân bổ các dòng vốn trong nước, đồng thời mở rộng phạm vi hoạt động sang các thị trường tài sản số và tài sản truyền thống, thông qua nền tảng số toàn diện và hệ sinh thái WealthTech quy mô lớn.

TCBS sẽ tiếp tục tập trung vào ba mũi nhọn chiến lược nhằm hiện thực hóa mục tiêu này:

- Đầu tư vào đội ngũ nhân sự chất lượng cao.
- Phát triển năng lực công nghệ cốt lõi bao gồm trí tuệ nhân tạo AI và dữ liệu lớn Big Data.
- Khai thác sức mạnh dữ liệu thông qua các công cụ phân tích chuyên sâu.

Bên cạnh đó, công ty đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới nổi như Blockchain, GenAI và kiến trúc bảo mật Zero Trust, nhằm nâng cao khả năng đổi mới sản phẩm, tối ưu quy trình và đảm bảo an toàn hệ thống trong môi trường số ngày càng phức tạp.

Các ưu tiên phát triển bao gồm

- Cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng dựa trên AI;
- Xây dựng mô hình “one-stop shop” cho đầu tư và quản lý tài sản;
- Mở rộng thị trường sản phẩm tài chính bao gồm ETF, CW, iTracker, tài sản số;
- Phổ cập ứng dụng ML/AI trong toàn tổ chức và hỗ trợ từng nhân viên nâng cao hiệu suất qua công cụ GenAI nội bộ.

Chiến lược được định hình rõ ràng, kết hợp giữa năng lực công nghệ và tầm nhìn thị trường, giúp TCBS duy trì lợi thế cạnh tranh trong dài hạn. Nếu thực thi thành công, công ty có khả năng thiết lập chuẩn mực mới trong quản lý tài sản số tại Việt Nam và đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cấp hạ tầng tài chính của thị trường nội địa, đồng thời gia tăng tính kết nối với hệ sinh thái khu vực ASEAN. Đây là một định hướng tích cực, phù hợp với xu thế toàn cầu hóa dòng vốn và số hóa dịch vụ đầu tư.



TCBS định hình tương lai đầu tư bằng công nghệ, dữ liệu và trải nghiệm cá nhân hóa, hướng tới một hệ sinh thái WealthTech toàn diện cho nhà đầu tư.

Màng Môi giới và lưu ký chứng khoán

TCBS tiếp tục theo đuổi chiến lược "zero-fee" với chính sách miễn phí giao dịch toàn bộ sản phẩm cổ phiếu, phái sinh, chứng quyền và chứng chỉ quỹ niêm yết trên TCInvest. Bên cạnh đó, công ty không ngừng cải tiến công nghệ, triển khai các tính năng mới và hướng tới vị trí dẫn đầu thị phần môi giới. TCBS cũng đang đẩy mạnh chuẩn bị cho khả năng nâng hạng thị trường thông qua loạt giải pháp như mở tài khoản online cho nhà đầu tư nước ngoài, cơ chế giao dịch Non-Prefunding phù hợp với chính sách mới của Cơ quan Nhà nước và tài khoản Omnibus – những bước đi mang tính chiến lược trong việc thu hút dòng vốn ngoại.

Về mảng tài trợ giao dịch, TCBS tiếp tục phát triển nền tảng MarginX với các gói vay ký quỹ linh hoạt, lãi suất cạnh tranh và cá nhân hóa theo từng mã cổ phiếu cũng như phân khúc khách hàng. Nền tảng này giúp nhà đầu tư quản lý đồng bộ các loại tài sản như cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ, đồng thời nâng cao trải nghiệm liền mạch trên hệ thống TCInvest.

Màng Ngân hàng đầu tư

TCBS đang đẩy mạnh mở rộng và nâng cao chất lượng mảng tư vấn thu xếp vốn, đặc biệt là trong lĩnh vực bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Công ty tập trung phát triển các sản phẩm nợ có cấu trúc linh hoạt, phù hợp với xu hướng thị trường và nhu cầu tài chính đa dạng của các tổ chức phát hành – bao gồm trái phiếu xanh, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền hoặc gắn liền với quyền mua tài sản như bất động sản hay ô tô, cũng như trái phiếu liên kết với hàng hóa. Việc tiên phong phát triển các công cụ nợ mới không chỉ giúp TCBS giữ vững vị thế dẫn đầu trong ngành tư vấn phát hành mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường vốn Việt Nam.

Cùng với thành công của đợt IPO TCBS trong nửa cuối 2025, công ty đã tích cực xây dựng năng lực để phát triển một mảng kinh doanh mới liên quan đến việc thu xếp, huy động và phân phối vốn cổ phần. Dựa trên các năng lực và nguồn lực sẵn có từ các mảng kinh doanh đã xây dựng trước đó, TCBS kỳ vọng có thể đưa

TCBS đang chứng minh tầm nhìn khác biệt bằng việc kiên định với mô hình không sử dụng môi giới truyền thống, thay vào đó là phát triển nền tảng công nghệ cho khách hàng. Cách tiếp cận này không chỉ giảm chi phí vận hành mà còn tạo điều kiện mở rộng quy mô nhanh chóng nhờ cộng đồng hóa hoạt động phân phối. Với chiến lược sản phẩm đa dạng, hạ tầng công nghệ mạnh và định hướng rõ ràng, TCBS đang từng bước xây dựng mô hình môi giới thể hệ mới tại Việt Nam – kết hợp giữa công nghệ và khả năng mở rộng, phù hợp với xu hướng toàn cầu.

đến cho thị trường những sản phẩm và giải pháp khác biệt cho tệp khách hàng doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân. Việc thành lập đội ngũ chuyên trách tham gia vào mảng tư vấn và kinh doanh vốn cổ phần sẽ giúp hoàn thiện năng lực huy động vốn toàn diện cho TCBS, và góp phần mang lại giá trị gia tăng trong tổng thể gói dịch vụ tư vấn đối với khách hàng của công ty.

Với lợi thế công nghệ sẵn có và định hướng ứng dụng AI vào quy trình tư vấn, TCBS đang tiên phong số hóa các hoạt động nghiệp vụ truyền thống, từ đó nâng cao mức độ tự động hóa và tối ưu hóa hiệu quả vận hành. Đồng thời, việc khai thác hiệu quả mạng lưới đối tác và các hệ sinh thái tài chính lớn giúp TCBS mở rộng kênh phân phối trái phiếu tới các nhà đầu tư tổ chức, đồng thời phát huy thế mạnh bán chéo các sản phẩm đầu tư cho doanh nghiệp. Chiến lược này cho thấy TCBS đang từng bước chuyển mình thành một trung tâm dịch vụ tư vấn tài chính đa chiều, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế trong cung cấp giải pháp cho khách hàng doanh nghiệp.

Màng Phân phối sản phẩm tài chính

TCBS tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, bao gồm trái phiếu, quỹ và các sản phẩm cấu trúc mới. Đặc biệt, công ty duy trì vị thế dẫn đầu trong phân phối trái phiếu qua iBond, iConnect và chứng chỉ quỹ mở tại Việt Nam thông qua nền tảng Fundmart, đồng thời phát triển các sản phẩm mới phù hợp với khung pháp lý và nhu cầu thị trường. Thông qua việc phát triển các công cụ tài chính linh hoạt, công ty không chỉ tạo ra thêm kênh huy động vốn hiệu quả cho các khách hàng doanh nghiệp mà còn cung cấp cho nhà đầu tư cá nhân những lựa chọn đầu tư đa dạng và phù hợp với khẩu vị rủi ro.

Đồng thời, TCBS chú trọng nâng cấp các tính năng và giao diện trên ứng dụng TCInvest, hướng đến trải nghiệm người dùng toàn diện và liền mạch – từ tiếp cận sản phẩm, giao dịch đến quản lý danh mục đầu tư.

Việc kết hợp giữa mở rộng sản phẩm và tối ưu nền tảng số thể hiện chiến lược đồng bộ giữa chiều sâu sản phẩm và chiều rộng phân phối. Đây là bước đi chiến lược giúp TCBS gia tăng độ gắn kết với khách hàng, giữ vững vai trò tiên phong trong mô hình công ty chứng khoán công nghệ và tạo nền tảng vững chắc để dẫn dắt hệ sinh thái đầu tư số tại Việt Nam.

Màng Quản lý nguồn vốn

TCBS tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các kênh huy động vốn thông qua các sản phẩm khác nhau như trái phiếu, vay song phương, vay hợp vốn với các đối tác trong và ngoài nước. Mục tiêu là tối ưu hóa chi phí huy động để sử dụng hiệu quả nguồn vốn. Công ty cũng duy trì chiến lược tự động hóa toàn diện các hệ thống giao dịch thuộc bộ phận Quản lý nguồn vốn nhằm kiểm soát rủi ro hiệu quả và tối đa hóa lợi nhuận trong điều kiện thị trường biến động.

Chiến lược mở rộng và số hóa danh mục sản phẩm đầu tư liên quan đến trái phiếu – bao gồm trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp – cùng với chứng chỉ tiền gửi và các sản phẩm tiền tệ khác trên thị trường kết hợp với việc tự động hóa quy trình giao dịch cho thấy tầm nhìn dài hạn của TCBS trong việc phát triển mảng quản lý nguồn vốn. Đây là bước tiến chiến lược không chỉ giúp nâng cao hiệu quả vận hành, mà còn khẳng định vị thế của TCBS như một đối tác tài chính toàn diện cho cả khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trong hệ sinh thái đầu tư hiện đại.





Các mảng kinh doanh đột phá

Để mở rộng không gian tăng trưởng và đón đầu các xu thế toàn cầu, TCBS định hướng dẫn dắt một số mảng kinh doanh đột phá thông qua hình thức hợp tác chiến lược, liên doanh hoặc các pháp nhân liên kết độc lập, bao gồm:

**Đón đầu xu thế tài chính toàn cầu
Kiến tạo chuẩn mực đầu tư thế hệ mới**

Tài sản số & nền tảng giao dịch tài sản số

Tuỳ theo quy định của pháp luật từng thời kỳ, TCBS nghiên cứu việc xây dựng nền tảng giao dịch tài sản số - digital asset exchange theo mô hình thử nghiệm có kiểm soát - sandbox, với các chức năng như mã hóa tài sản thực (bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phần chưa niêm yết), lưu ký tài sản số, và giao dịch ngang hàng.

Quản lý & lưu ký tài sản kỹ thuật số

Trong vai trò nhà đầu tư chiến lược hoặc đồng sáng lập, TCBS sẽ tham gia phát triển hệ thống lưu ký và quản lý tài sản số digital custody nhằm chuẩn bị cho tương lai thị trường tài sản số hóa, đặc biệt khi các khung pháp lý tại Việt Nam được hoàn thiện.

Cho vay ngang hàng

- P2P Lending và nền tảng tín dụng số

TCBS dự kiến đồng hành cùng đối tác hoặc pháp nhân liên kết để triển khai nền tảng cho vay ngang hàng và các giải pháp tín dụng tiêu dùng, tận dụng sức mạnh dữ liệu, công nghệ định danh điện tử eKYC, và chấm điểm AI - AI scoring. Mô hình này giúp mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho cá nhân và các doanh nghiệp SME, đồng thời đóng vai trò bổ trợ hệ sinh thái tài chính toàn diện.

AI/GenAI nội bộ & trợ lý đầu tư số

Bên cạnh các ứng dụng AI trong trải nghiệm khách hàng, TCBS cũng phát triển các công cụ GenAI nội bộ nhằm hỗ trợ nhân viên nâng cao hiệu suất công việc, tối ưu hóa quy trình đầu tư, phân tích, tư vấn khách hàng và vận hành.

Hướng đến mô hình ngân hàng đầu tư số

- Digital Investment Bank

TCBS đặt nền móng cho việc số hóa toàn bộ chuỗi giá trị ngân hàng đầu tư, bao gồm phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng - IPO, mua bán sáp nhập doanh nghiệp - M&A, phát hành trái phiếu và quan hệ cổ đông, hướng đến cung cấp dịch vụ tài chính doanh nghiệp xuyên suốt trên một nền tảng số hóa toàn diện.

Việc triển khai linh hoạt thông qua hệ sinh thái pháp nhân và đối tác phù hợp giúp TCBS vừa đón đầu các xu thế tài chính toàn cầu, vừa đảm bảo tuân thủ pháp lý và tối ưu hóa hiệu quả vận hành. Đây cũng là nền tảng để công ty gia tăng đáng kể tiềm năng định giá thông qua các câu chuyện tăng trưởng mới trong giai đoạn 2025 - 2030.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

TCBS tiên phong kết hợp AI và Blockchain vào giao dịch và quản trị rủi ro, những nỗ lực cải tiến và sáng tạo này đã mang về cho TCBS nhiều giải thưởng từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước năm 2025:



**THƯƠNG VỤ IPO TỐT NHẤT 2025
VIỆT NAM VÀ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG**
Finance Asia

 **THƯƠNG VỤ IPO CỦA NĂM**
FChoice Award 2025

 **CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NĂM**
FChoice Award 2025

 **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SÁNG TẠO NHẤT VIỆT NAM
BLOCKCHAIN**
Finance Asia

 **GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU TỐT NHẤT VIỆT NAM
PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU VINFAST TRỊ GIÁ 5.000 TỶ ĐỒNG**
Finance Asia

 **CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH SỐ XUẤT SẮC VIỆT NAM**
Asian Technology Excellence Awards

 **TRẢI NGHIỆM QUẢN LÝ TÀI SẢN SỐ TỐT NHẤT**
The Asset Triple A Award 2025

 **KHOẢN VAY HỢP VỐN TỐT NHẤT**
The Asset Triple A Award 2025

 **ỨNG DỤNG GENAI TỐT NHẤT**
IBS intelligence

 **NỀN TẢNG QUẢN LÝ TÀI SẢN
VÀ NGÂN HÀNG TƯ NHÂN TỐT NHẤT**
IBS intelligence

 **SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TIÊU BIỂU**
Cộng đồng Cổ vấn Tài chính Việt Nam

 **GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH CÁ NHÂN SÁNG TẠO**
Cộng đồng Cổ vấn Tài chính Việt Nam

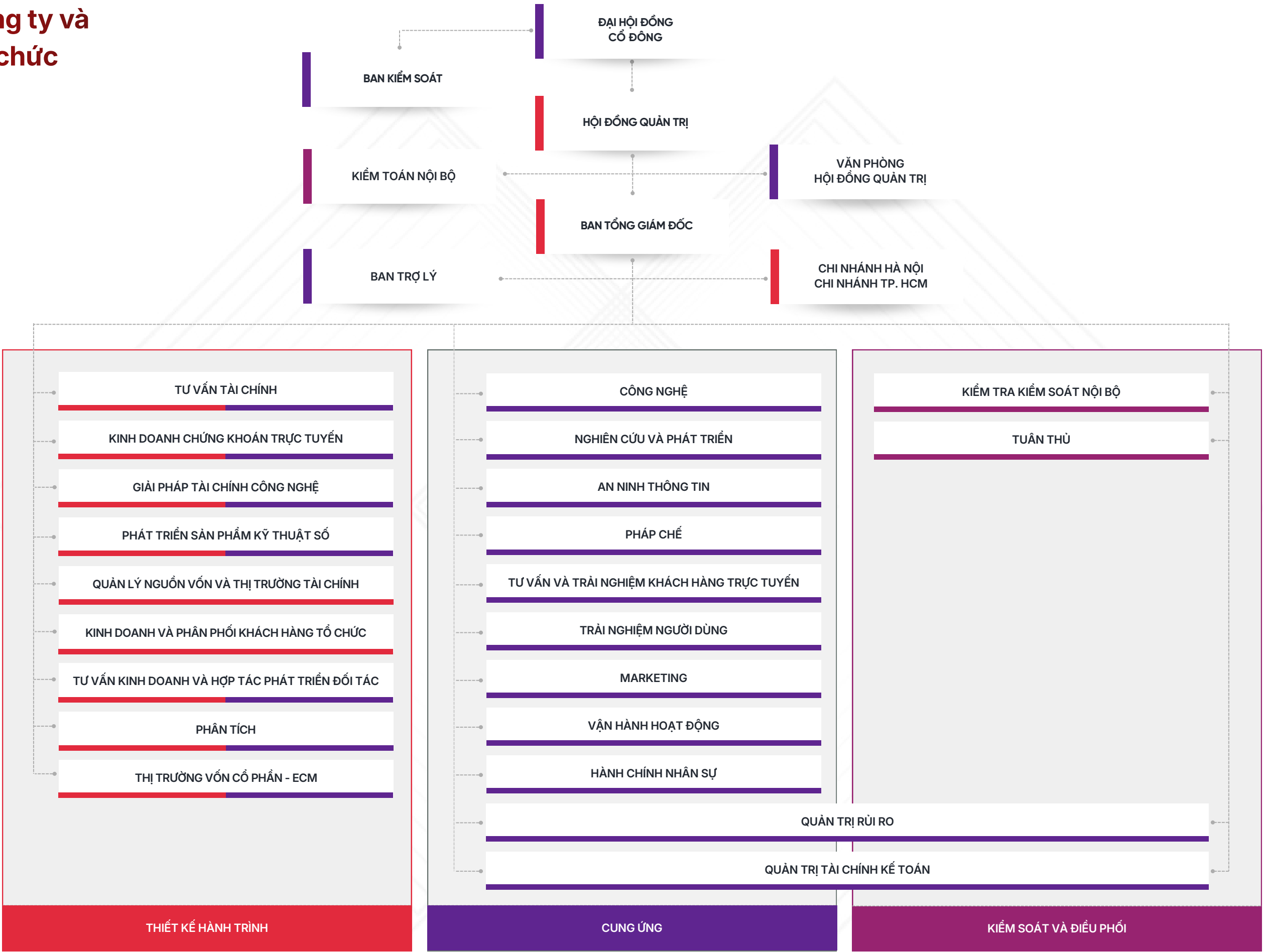
 **DỊCH VỤ MÔI GIỚI TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU**
Cộng đồng Cổ vấn Tài chính Việt Nam

 **THÀNH VIÊN TIÊU BIỂU TRONG HOẠT ĐỘNG
LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN NĂM 2025**
Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

 **THÀNH VIÊN TIÊU BIỂU TRONG HOẠT ĐỘNG
THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ NĂM 2025**
Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

 **THÀNH VIÊN TIÊU BIỂU TRONG HOẠT ĐỘNG
THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH NĂM 2025**
Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

Cơ cấu công ty và Bộ máy tổ chức



Thông tin cổ phần và cơ cấu cổ đông

Cổ phần

Tổng số cổ phần	2.311.308.021 cổ phần
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	337.384.462 cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của chủ sở hữu	1.973.923.559 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	100%

Số liệu tại 31/12/2025



Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo địa lý và loại hình

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
Trong nước	23.287	2.107.907.183	91,20
Cá nhân	23.249	248.858.655	10,77
Tổ chức	38	1.859.048.528	80,43
Nước ngoài	172	203.400.838	8,80
Cá nhân	76	766.751	0,03
Tổ chức	96	202.634.087	8,77
Tổng cộng	23.459	2.311.308.021	100,00

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
Cổ đông nắm giữ dưới 1%	23.456	346.578.050	14,99%
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5%	2	119.730.061	5,18%
Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	1	1.844.999.910	79,82%
Tổng cộng	23.459	2.311.308.021	100,00%

Cơ cấu cổ đông

Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ (%)

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	79,82
Ông Nguyễn Xuân Minh	4,05
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	0,50
Cổ đông nước ngoài	8,80
Các cổ đông còn lại	6,82
Tổng cộng	100,00

Công ty không có cổ đông nhà nước.

Số liệu tại 31/12/2025

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: các đợt tăng vốn cổ phần của Công ty

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Hình thức tăng vốn	Giấy phép	Đơn vị cấp
Năm 2018 Thời điểm trở thành CTCP	1.000.000.000.000	-	Chuyển đổi thành công ty cổ phần	Quyết định số 222/QĐ-UBCK ngày 19/03/2018 của Chủ tịch UBCKNN về việc chấp thuận cho Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương chuyển đổi thành công ty cổ phần. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 125/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/05/2018.	UBCKNN
16/10/2018	1.058.201.050.000	58.201.050.000	Chào bán riêng lẻ	Giấy Phép Điều chỉnh số 85/GPĐC-UBCK ngày 16/10/2018 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ.	UBCKNN
13/06/2019	1.123.595.510.000	65.394.460.000	Chào bán riêng lẻ	Giấy Phép Điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK ngày 13/06/2019 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ.	UBCKNN
04/11/2020	1.124.246.800.000	651.290.000	Chào bán riêng lẻ	Giấy Phép Điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK ngày 04/11/2020 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ.	UBCKNN
10/03/2022	1.126.140.700.000	1.893.900.000	Chào bán riêng lẻ	Giấy Phép Điều chỉnh số 27/GPĐC-UBCK ngày 18/03/2022 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ.	UBCKNN
21/02/2023	1.126.994.200.000	853.500.000	Chào bán riêng lẻ	Giấy Phép Điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 21/02/2023 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ.	UBCKNN
30/06/2023	2.176.994.200.000	1.050.000.000.000	Chào bán riêng lẻ	Giấy Phép Điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 30/06/2023 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ.	UBCKNN
25/06/2024	2.179.246.800.000	2.252.600.000	Chào bán riêng lẻ	Giấy Phép Điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 25/06/2024 về thay đổi vốn điều lệ.	UBCKNN
09/12/2024	19.613.221.200.000	17.433.974.400.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Giấy Phép Điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 09/12/2024 về thay đổi vốn điều lệ.	UBCKNN
30/06/2025	20.801.580.210.000	1.188.359.010.000	Chào bán riêng lẻ	Giấy Phép Điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 30/06/2025 về thay đổi vốn điều lệ.	UBCKNN
19/09/2025	23.113.080.210.000	2.311.500.000.000	Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	Giấy Phép Điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 19/09/2025 về thay đổi vốn điều lệ.	UBCKNN

C H Ư Ớ N G

03

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

36

Tổng quan nền kinh tế, thị trường
chứng khoán 2025 và triển vọng 2026

40

Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

46

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc



Tổng quan nền kinh tế, thị trường chứng khoán 2025 và triển vọng 2026

Kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2025

Kinh tế vĩ mô

Kinh tế 2025 tăng trưởng

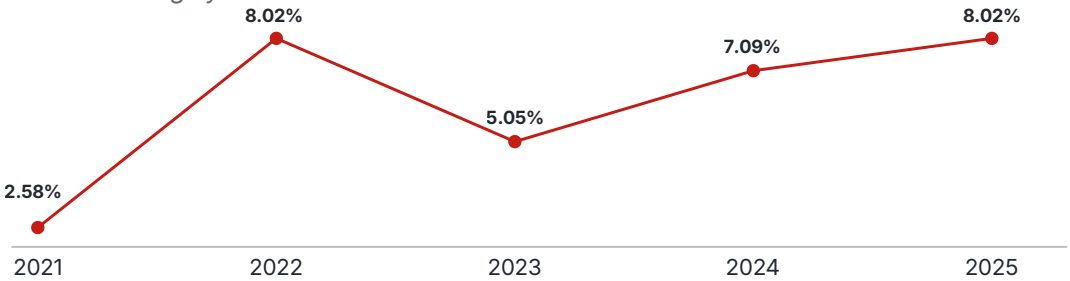
8,02%

mức tăng hàng đầu khu vực

Năm 2025 ghi nhận sự cải thiện rõ nét của nền tảng kinh tế vĩ mô Việt Nam, trong khi kinh tế toàn cầu vẫn phục hồi chậm và phân hóa. Giữa môi trường tăng trưởng thiếu đồng đều, chính sách tiền tệ thận trọng tại các nền kinh tế lớn và rủi ro địa chính trị còn hiện hữu, kinh tế Việt Nam nổi bật với khả năng phục hồi và thích ứng vững chắc, từng bước chuyển sang một giai đoạn tăng trưởng mới theo hướng chất lượng và bền vững hơn.

Tăng trưởng GDP qua các năm

% so với cùng kỳ



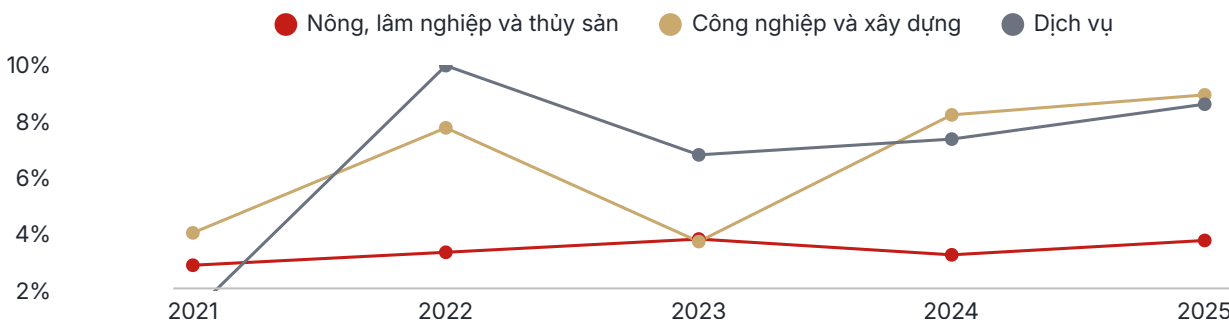
Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính

Đóng góp vào bức tranh tăng trưởng ấn tượng này là sự bứt phá của khu vực công nghiệp và xây dựng với mức tăng 8,95%, đóng góp 43,62% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định vai trò động lực dẫn dắt với mức tăng 9,97%, cao nhất trong giai đoạn 2019-2025. Chỉ số sản xuất công nghiệp - IIP toàn ngành ước tăng 9,2% là mức tăng cao nhất kể từ năm 2019, với điểm sáng đến từ các ngành sản xuất xe có động cơ,

sản phẩm điện tử và kim loại. Khu vực dịch vụ ghi nhận mức tăng trưởng 8,62%, đóng góp lớn nhất (51,08%) vào quy mô nền kinh tế nhờ sự sôi động của thị trường thương mại và du lịch. Trong khi đó, dù chịu tác động nặng nề của thiên tai, bão lũ tại miền Trung và dịch bệnh trong chăn nuôi, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định 3,78%, tiếp tục là trụ đỡ vững chắc đảm bảo an ninh lương thực và nguồn cung xuất khẩu.

Tăng trưởng GDP theo lĩnh vực chính

% so với cùng kỳ



Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính

Quy mô GDP

514 tỷ USD

#32 thế giới và #4 ASEAN

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

tăng 9,0%

mức tăng cao nhất trong 5 năm

GDP bình quân đầu người đạt 5.026 đô, tăng 1,4 lần so với năm 2020, giúp Việt Nam chính thức gia nhập nhóm quốc gia có thu nhập trung bình cao sớm hơn kế hoạch. Những chỉ dấu này phản ánh sự chuyển dịch tích cực của cơ cấu kinh tế, cùng với sự mở rộng nhanh của tầng lớp trung lưu – nền tảng quan trọng cho tiêu dùng, đầu tư và sự phát triển của thị trường tài chính.

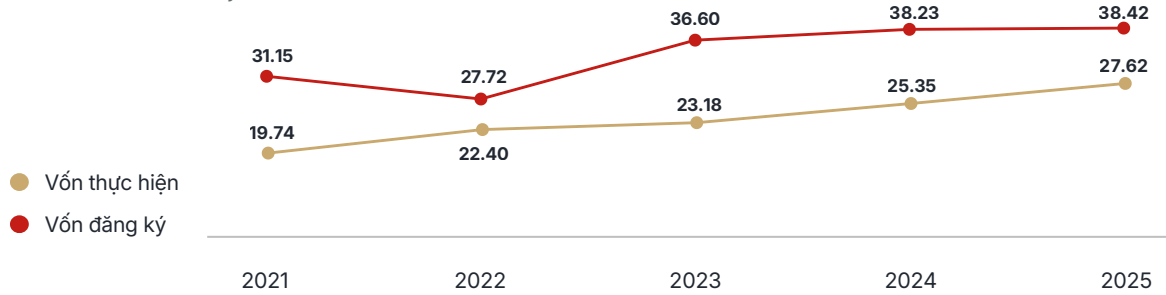
Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục là điểm sáng rực rỡ với tổng kim ngạch đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước. Xuất khẩu hàng hóa đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% với 36 mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD. Đặc biệt, nhập khẩu tăng mạnh 19,4% phản ánh nhu cầu nhập khẩu tư liệu sản xuất phục vụ cho đà hồi phục của nền kinh tế. Cán cân thương mại hàng hóa duy trì hặng dư 20,03 tỷ USD, tiếp tục củng

cố dự trữ ngoại hối và ổn định tỷ giá. Thị trường nội địa chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ của sức cầu tiêu dùng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt hơn 7 triệu tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm trước. Du lịch quốc tế bùng nổ với 21,2 triệu lượt khách, tăng 20,4%, lần đầu tiên đạt cột mốc ấn tượng này, khẳng định vị thế của du lịch Việt Nam trên bản đồ thế giới.

Dòng vốn đầu tư và thị trường tài chính duy trì sự ổn định và tích cực. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tăng 12,1%, cao hơn nhiều mức tăng của năm trước. Đặc biệt, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI thực hiện đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9,0% - mức cao nhất trong 5 năm qua, tập trung chủ yếu vào công nghiệp chế biến, chế tạo.

Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký và thực hiện

Tỷ USD



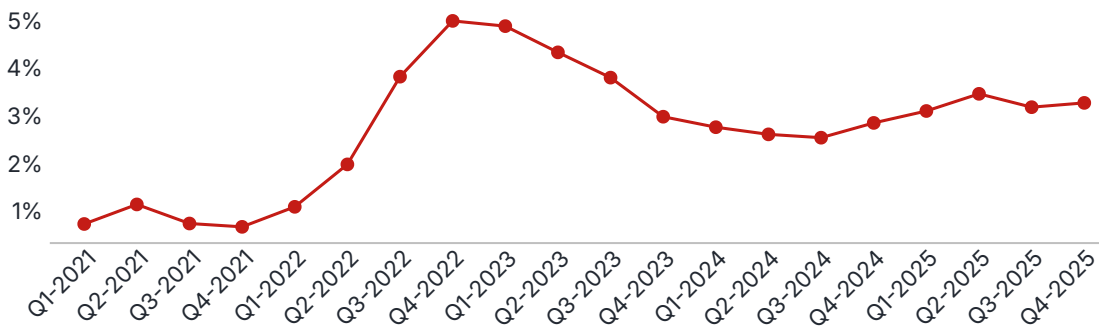
Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính

Ngân hàng nhà nước đẩy mạnh mở rộng chính sách tiền tệ với tăng trưởng tín dụng cả năm 2025 đạt khoảng 19,1% đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế, trong khi mặt bằng lãi suất cho vay được duy trì ở mức thấp để hỗ trợ doanh nghiệp. Đáng chú ý, đà tăng trưởng được duy trì trong bối cảnh nền tảng vĩ mô ổn định, với lạm phát được kiểm soát trong ngưỡng mục tiêu khi

CPI bình quân tăng 3,31%, thấp hơn trần 4,5% đề ra. Chính sách tài khóa được triển khai theo hướng mở rộng có trọng tâm, phối hợp chặt chẽ với chính sách tiền tệ linh hoạt, góp phần ổn định các cân đối lớn, hỗ trợ tăng trưởng và củng cố niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư.

CPI qua các quý

% so với cùng kỳ



Nguồn: FiinPro-X

Thị trường
chứng khoán

Thị trường Việt Nam sắp được
nâng hạng
lên **thị trường mới nổi thứ cấp**

VN-Index
vượt đỉnh lịch sử
tăng trưởng 40,9%
so với năm trước

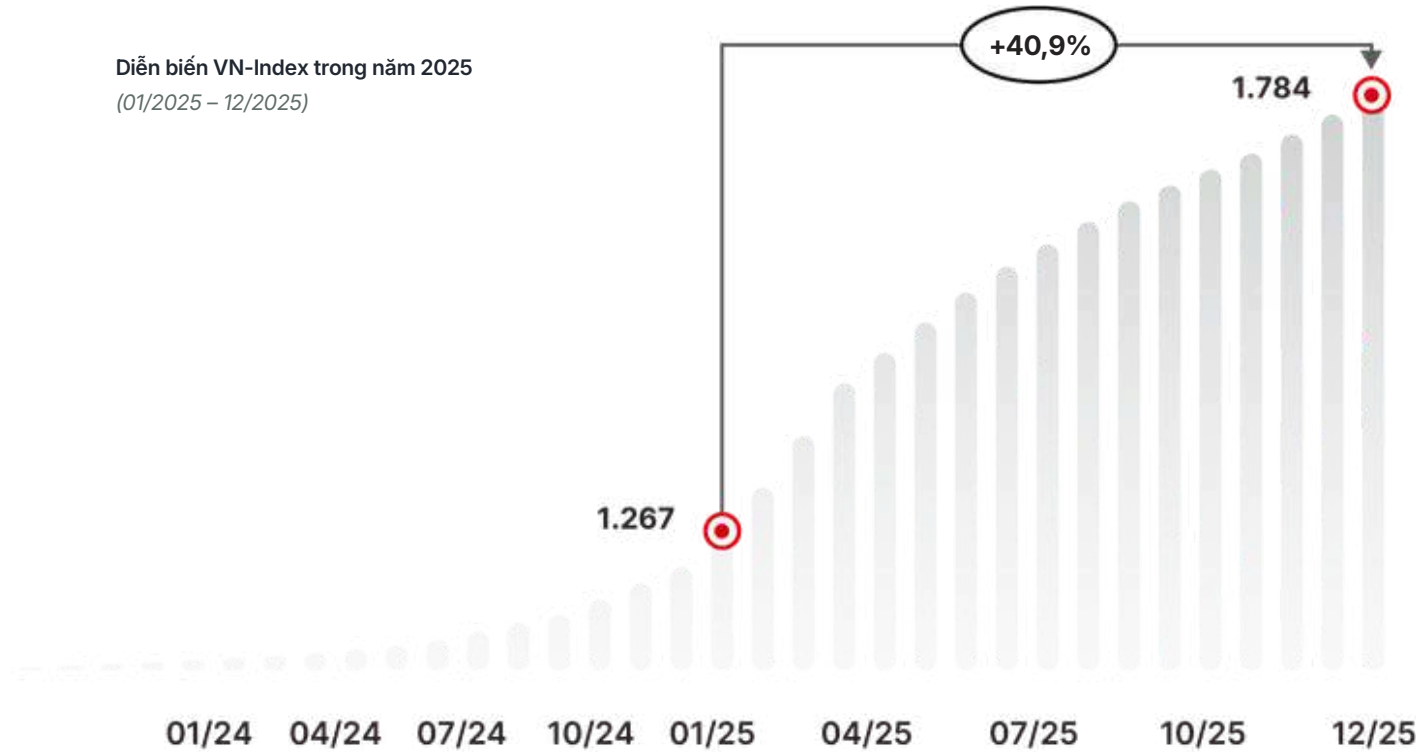
Trên thị trường vốn, năm 2025 được xem là năm bản lề với nhiều chuyển biến mang tính cấu trúc. Thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp, hiệu lực từ tháng 9/2026, phản ánh nỗ lực cải cách hạ tầng, cơ chế giao dịch và minh bạch thông tin của Việt Nam trong hơn bảy năm qua. Song song đó, hệ thống giao dịch KRX đi vào vận hành ổn định, góp phần nâng cấp năng lực xử lý giao dịch và tạo nền tảng cho việc phát triển các sản phẩm tài chính mới theo chuẩn mực quốc tế. Việc ban hành Nghị định 245/2025/NĐ-CP tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động IPO và niêm yết, rút ngắn thời gian đưa chứng khoán vào giao dịch, qua đó gia tăng sức hấp dẫn của thị trường đối với dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Trong bối cảnh đó, thị trường chứng khoán ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ cả về điểm số và thanh khoản. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm (31/12/2025), chỉ số VN-Index vượt đỉnh lịch sử tại mốc 1.784,49 điểm, ghi nhận mức tăng trưởng kỷ lục 40,9% so với thời điểm cuối năm 2024. Sự bứt phá về điểm số đi đôi với sự mở rộng mạnh mẽ về quy mô vốn hóa, ước đạt 9.975,4 nghìn tỷ đồng, tăng 39,1%, tiếp tục khẳng định vai trò là kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng của nền kinh tế.

Thanh khoản thị trường bùng nổ cho thấy dòng tiền gia nhập thị trường vô cùng dồi dào. Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 29.328,2 tỷ đồng/phiên, tăng tới 39,8% so với bình quân năm 2024. Sức hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam còn được thể hiện rõ nét qua làn sóng gia nhập của các nhà đầu tư mới. Tính đến cuối năm 2025, tổng số lượng tài khoản nhà đầu tư đạt hơn 11,8 triệu tài khoản, tăng thêm khoảng 2,5 triệu tài khoản so với cuối năm 2024. Sự gia tăng mạnh mẽ của lớp nhà đầu tư mới không chỉ bổ sung nguồn lực vốn quan trọng mà còn cho thấy sự phổ cập ngày càng rộng rãi của kênh đầu tư chứng khoán trong dân chúng.

Bên cạnh thị trường cổ phiếu, các cấu phần khác của thị trường vốn cũng ghi nhận những bước tiến vững chắc. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp hoạt động sôi động với giá trị giao dịch bình quân đạt 15.300 tỷ đồng/phiên, tăng 26,1%. Quy mô thị trường trái phiếu tiếp tục được mở rộng với 473 mã niêm yết và giá trị niêm yết đạt 2.623 nghìn tỷ đồng, tăng 13,6%. Thị trường chứng khoán phái sinh cũng thu hút sự quan tâm lớn với khối lượng giao dịch bình quân đạt 243.418 hợp đồng/phiên, tăng 15,2% so với năm trước, cung cấp thêm công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho nhà đầu tư.

Diễn biến VN-Index trong năm 2025
(01/2025 – 12/2025)



Nguồn: HOSE

Triển vọng năm 2026

Bước sang năm 2026, nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam đứng trước vận hội mới với mục tiêu tăng trưởng GDP hai con số. Dưới đây là những động lực trọng tâm định hình triển vọng thị trường trong năm 2026:

- Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định vĩ mô. Chính phủ kiên định mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn. Các chính sách tài khóa và tiền tệ sẽ được phối hợp chặt chẽ, linh hoạt, có trọng tâm trọng điểm để hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Việc nâng cao năng lực phân tích, dự báo và cập nhật liên tục các kịch bản điều hành sẽ tạo nền tảng vững chắc cho thị trường tài chính phát triển.
- Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và hạ tầng. Năm 2026 sẽ chứng kiến những giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án trọng điểm quốc gia. Việc tháo gỡ vướng mắc, xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng sẽ khơi thông nguồn lực, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư và tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực đến các nhóm ngành xây dựng, vật liệu và bất động sản trên thị trường chứng khoán.
- Thu hút dòng vốn FDI thế hệ mới. Chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài sẽ chuyển dịch mạnh sang các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, tạo động lực mới cho tăng trưởng như chip, bán dẫn, đổi mới sáng tạo và hydrogen xanh. Các cơ chế ưu đãi, cạnh tranh sẽ được xây dựng để đón đầu dòng vốn từ các tập đoàn công nghệ lớn, qua đó thúc đẩy nhóm cổ phiếu khu công nghệ và công nghệ.
- Tái cơ cấu công nghiệp và phát triển công nghệ. Nền kinh tế tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại hóa, phát triển theo chiều sâu. Ưu tiên hàng đầu là làm chủ công nghệ mới trong các lĩnh vực mới nổi như trí tuệ nhân tạo - AI, công nghiệp xanh và bền vững. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp hỗ trợ và tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI và trong nước sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất niêm yết.
- Thúc đẩy xuất khẩu và đa dạng hóa thị trường. Hoạt động xuất khẩu sẽ được tiếp sức thông qua việc khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do - FTA và mở rộng sang các thị trường tiềm năng mới như Trung Đông, Mỹ La-tinh, châu Phi bên cạnh các thị trường chủ lực. Việc tham gia sâu rộng hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ giúp các doanh nghiệp xuất khẩu duy trì đà tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.
- Kích cầu tiêu dùng và phát triển thị trường trong nước. Các giải pháp đột phá sẽ được triển khai để phát triển mạnh thị trường nội địa và đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Việc đổi mới xúc tiến thương mại, tổ chức các sự kiện quy mô lớn và làm mới sản phẩm du lịch sẽ kích thích sức mua, hỗ trợ trực tiếp cho đà tăng trưởng của nhóm ngành bán lẻ, dịch vụ và du lịch trên sàn chứng khoán.

Nhìn chung, với đà tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2025 cùng các định hướng chính sách quyết liệt, năm 2026 hứa hẹn sẽ tiếp tục là một năm bứt phá, mở ra nhiều cơ hội lớn cho cộng đồng doanh nghiệp và thị trường tài chính.



Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát



Báo cáo của hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Về kết quả kinh doanh

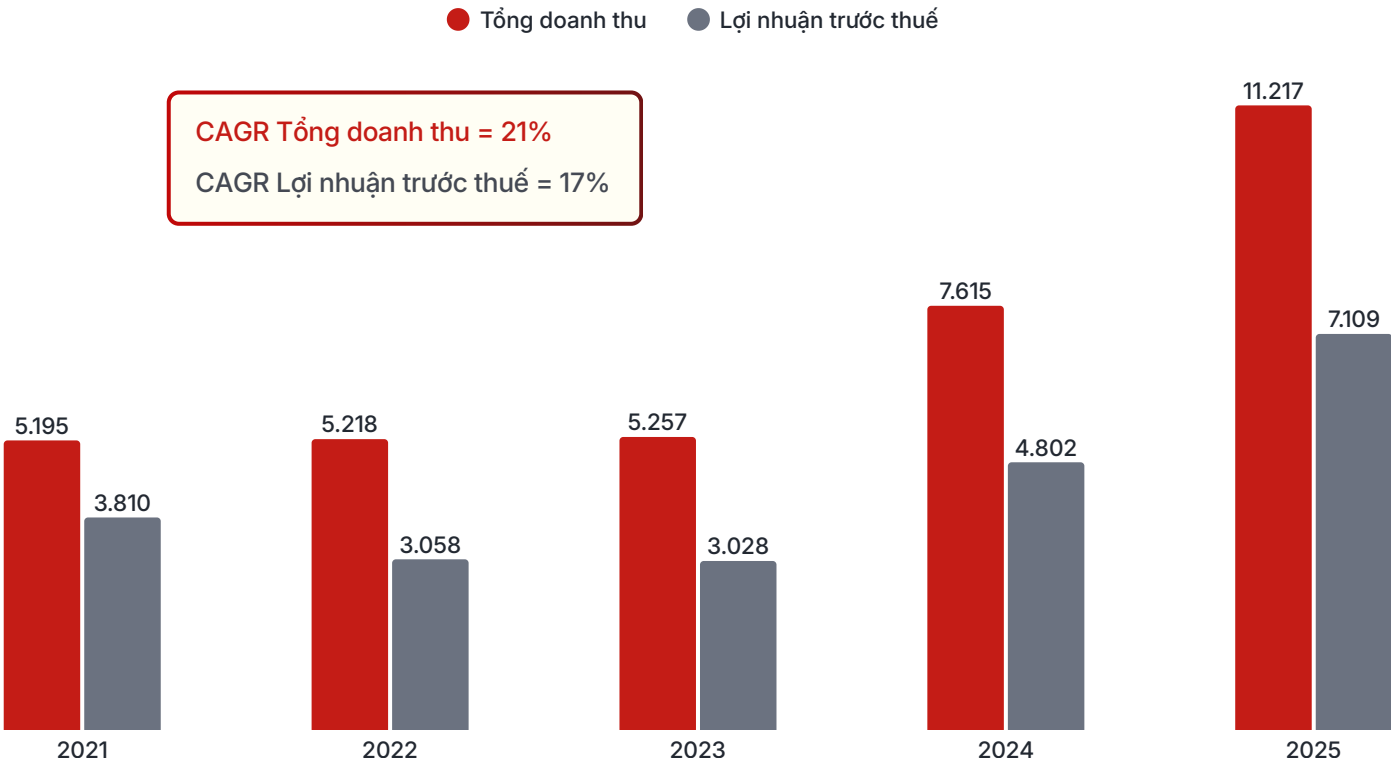
Chỉ tiêu	2025	Kế hoạch 2025	% hoàn thành kế hoạch	2024	% thay đổi so với 2024
Tổng doanh thu	11.217	9.323	120%	7.615	47%
Lợi nhuận trước thuế	7.109	5.765	123%	4.802	48%

Nguồn: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông – ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024-2025 của TCBS

Năm 2025 là một năm đánh dấu sự phát triển vượt bậc của Công ty, đặc biệt là trong bối cảnh ngành thị trường vốn đang dần hồi phục mạnh mẽ và trải qua những chuyển biến mang tính cấu trúc quan trọng. Nhờ chiến lược kinh doanh phù hợp, ứng dụng công nghệ hiệu quả, quản lý chi phí chặt chẽ và sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận, Công ty đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu Đại hội đồng Cổ đông giao phó và đạt mức kết quả kinh doanh cao nhất trong lịch sử hoạt động. Cụ thể, tổng doanh thu năm 2025 đạt 11.217 tỷ đồng, vượt 20% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tăng 47% so với năm 2024.

Lợi nhuận trước thuế đạt 7.109 tỷ đồng, hoàn thành 123% kế hoạch và tăng 48% so với cùng kỳ. Kết quả này không chỉ phản ánh quy mô hoạt động được mở rộng, mà còn cho thấy chất lượng tăng trưởng được duy trì ở mức cao, với biên lợi nhuận ổn định và khả năng kiểm soát chi phí hiệu quả. Trong giai đoạn 2021-2025, tổng doanh thu của Công ty ghi nhận tốc độ tăng trưởng kép - CAGR đạt 21%, trong khi lợi nhuận trước thuế duy trì CAGR ở mức 17%, phản ánh quỹ đạo tăng trưởng bền vững và khả năng duy trì hiệu quả hoạt động Công ty trong trung và dài hạn.

Kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững trong giai đoạn 2021 - 2025 Tỷ đồng



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 - 2025 của TCBS

Về quản trị công ty

Trong năm 2025, Công ty đã không ngừng thực hiện tốt và đầy đủ việc các nội dung về quản trị công ty theo quy định của pháp luật mà còn áp dụng các thông lệ quản trị tốt để vượt trên các tuân thủ. HĐQT đã lập và trình bày riêng về “Quản trị Doanh nghiệp”. Vui lòng xem chi tiết nội dung báo cáo này tại trang 88-109.

Về phát triển bền vững, bao gồm trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong 18 năm hình thành và phát triển, Công ty luôn coi trọng và luôn cam kết thực hiện tốt và nghiêm túc trách nhiệm của mình đối với môi trường và xã hội. Về môi trường, Công ty duy trì mức tác động trực tiếp thấp và chủ động giảm phát thải thông qua số hóa quy trình và tối ưu vận hành văn phòng. Việc ưu tiên các cổ phiếu thuộc rõ VNSI trong hoạt động cho vay kỹ quỹ cho thấy TCBS từng bước gắn kết phân bổ vốn với tiêu chí xanh và bền vững. Về xã hội, TCBS tạo dấu ấn với hai trọng tâm chính: nâng cao hiểu biết tài chính cho cộng đồng nhà đầu tư thông qua hệ sinh thái số, các chương trình đào tạo và công cụ hướng dẫn trên TCInvest; đồng thời tăng cường bảo vệ nhà đầu tư trong môi trường số nhờ hệ thống phát hiện và ngăn chặn gian lận. Bên cạnh đó, các hoạt động thiện

nguyện như Chạm Yêu Thương, Trao Yêu Thương, Cơm Có Thịt và hỗ trợ học sinh vùng cao tiếp tục lan tỏa giá trị nhân văn và gắn kết TCBS với cộng đồng. Chi tiết các hoạt động được trình bày ở Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội tại Chương 05 Phát triển bền vững tại trang 112-129.

HĐQT đánh giá các hoạt động môi trường – xã hội của TCBS trong năm 2025 mang tính nhất quán, đúng trọng tâm và tạo tác động tích cực đối với cộng đồng đầu tư và xã hội. Trong giai đoạn tới, HĐQT định hướng Công ty tiếp tục mở rộng đo lường tác động ESG, tăng cường bảo vệ người dùng trong môi trường số, và đẩy mạnh các sáng kiến kết nối dòng vốn với các mục tiêu phát triển bền vững của thị trường vốn Việt Nam.

Báo cáo giám sát và đánh giá Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc

Phương thức giám sát

Hội đồng quản trị giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai và thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua các cuộc họp định kỳ. Trong các cuộc họp này, HĐQT xem xét tình hình thực hiện nghị quyết, kết quả sản xuất kinh doanh quý và lũy kế, thị trường, cũng như các vấn đề quản trị doanh nghiệp cần phê duyệt theo quy định của Điều lệ và Quy chế Nội bộ.

Sau khi thảo luận, HĐQT ban hành nghị quyết làm cơ sở cho Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc triển khai. HĐQT cũng trao đổi trực tiếp với các Phó Tổng Giám đốc khi cần thiết, đồng thời các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi với Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề giám sát theo phân công nhiệm vụ.

Đánh giá của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc

Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện tổng kết, thảo luận và đánh giá như sau:

Năm 2025 Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đã có nỗ lực lớn và thực hiện nhiệm vụ được giao với kết quả rất đáng ghi nhận và khích lệ. Đặc biệt, lợi nhuận năm 2025 tăng trưởng rất tốt so với năm trước. Kết quả năm 2025 cũng cho thấy tín hiệu tích cực rõ nét, khi TCBS tiếp tục đà tăng trưởng và kết quả kinh doanh rất khả quan. Đặc biệt, việc niêm yết cổ phiếu lần đầu ra công chúng đã thu hút sự quan tâm mạnh mẽ từ thị trường, đồng thời đánh dấu thương vụ IPO đầu tiên dẫn dắt làn sóng trên thị trường chứng khoán. Sau IPO, TCBS trở thành

công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam có vốn hóa trên 100.000 tỷ đồng, xác lập kỷ lục mới. Với vị thế số 1 ngành chứng khoán về kết quả kinh doanh, năng lực vốn và khả năng cho vay, TCBS tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu. Đặc biệt, vốn chủ sở hữu của TCBS đã tăng trưởng hơn 60% trong năm qua, đứng đầu toàn ngành. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và quy chế nội bộ, đồng thời Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt công tác điều hành kinh doanh với trách nhiệm cao đối với các bên liên quan.



Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty với các bên có liên quan và giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Trong năm 2025, Hội Đồng Quản Trị cam kết mọi giao dịch với các bên liên quan của thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc là hợp lý và theo cơ chế thị trường, công khai, minh bạch và phục vụ lợi ích tốt nhất của Công ty và cổ đông. Tất cả giao dịch với các bên có liên quan đều được soát xét và phê duyệt theo đúng thẩm quyền, được Công ty công bố tại thuyết minh của báo cáo tài chính được kiểm toán bán niên và cả năm 2025.

Vui lòng xem thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025 tại đường dẫn sau: <https://www.tcbs.com.vn/nha-dau-tu/quan-he-nha-dau-tu/bao-cao-tai-chinh>

Ngoài ra, các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ cũng được công bố trong Báo cáo quản trị tại đường dẫn: <https://www.tcbs.com.vn/nha-dau-tu/quan-he-nha-dau-tu/bao-cao-tinh-hinh-quan-tri-cong-ty>

Đánh giá vai trò thành viên Hội Đồng Quản Trị Độc lập

Công ty hiện có một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, bà Nguyễn Thị Dịu. Với nền tảng chuyên môn vững vàng và nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động chủ chốt của Công ty, bà đã có những đóng góp đáng kể vào các quyết định chiến lược của Hội đồng Quản trị.

Trong năm 2025, bà đã chủ động tham gia vào quá trình thẩm định và phê duyệt các quyết định, vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo tính khách quan, minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích và bảo vệ lợi ích của Công ty cũng như các cổ đông.

Kế hoạch hành động năm 2026 của Hội Đồng Quản Trị



Tiếp tục định hướng tự chủ công nghệ đồng thời đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới trong các quy trình kinh doanh và quản lý, bao gồm việc áp dụng công nghệ mới và cải tiến hệ thống thông tin để tăng cường hiệu quả hoạt động và nâng cao trải nghiệm khách hàng.



Tiếp tục xem xét và áp dụng thực hành Quản trị công ty vượt trên tuân thủ và theo thông lệ tốt, phù hợp điều kiện và môi trường kinh doanh của Công ty.



Tập trung thực thi chiến lược kinh doanh để củng cố và gia tăng thị phần trên các mảng kinh doanh, và tìm kiếm mở rộng phát triển sản phẩm mới.



Phấn đấu hoàn thành và vượt mục tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2026 sẽ trình cho Đại hội đồng cổ đông - ĐHĐCĐ thông qua trong kỳ họp vào Tháng 4/2026.

Báo cáo của Ban Kiểm Soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát - BKS

Trong năm 2025, BKS đã tiến hành ba cuộc họp với tỷ lệ dự họp là 100% như sau:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Đặng Văn Khải	03	100%	100%
2	Bà Hoàng Thị Kim Cúc	03	100%	100%
3	Bà Lê Thị Thu Hương	03	100%	100%

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng giám sát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ, nhằm đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ và hiệu quả trong hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ sáu tháng năm 2025 được soát xét, đồng thời đánh giá các báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ; rà soát các giao dịch với người có liên quan; theo dõi việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán và cơ quan chức năng; đồng thời đánh giá hoạt động của Kiểm toán nội bộ.
- Xem xét, thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập phục vụ kiểm toán báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan, bao gồm các báo cáo phục vụ kế hoạch trở thành công ty đại chúng/IPO.

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt vai trò giám sát và phối hợp hiệu quả với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng các đơn vị chức năng trong Công ty. Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và luôn chủ động cung cấp các báo cáo, thông tin phản hồi kịp thời. Sự phối hợp này đã góp phần quan trọng trong việc đưa ra các quyết định, chỉ đạo phù hợp, giúp ngăn ngừa và xử lý các vấn đề tồn tại, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực khắc phục các vấn đề được Ban Kiểm soát chỉ ra và thực hiện các khuyến nghị một cách chủ động. Đồng thời, các bên cũng tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ giám sát và đảm bảo tuân thủ quy trình quản trị minh bạch và hiệu quả.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo tổng quan về Kết quả kinh doanh và Tình hình tài chính

Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu Đơn vị: tỷ đồng	2025	2024	% thay đổi
Tổng doanh thu	11.217	7.615	47%
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh	10.004	6.920	45%
Trong đó			
Kinh doanh nguồn vốn và phân phối trái phiếu	3.967	2.789	42%
Cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán	3.664	2.568	43%
Ngân hàng đầu tư	2.018	1.344	50%
Môi giới và lưu ký chứng khoán	356	218	63%
Chi phí tài chính	2.236	1.551	44%
Chi phí hoạt động	659	567	16%
Lợi nhuận trước thuế	7.109	4.802	48%
Lợi nhuận sau thuế	5.683	3.850	48%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	2.713	1.964	38%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024-2025 của TCBS

Năm 2025 ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt kỳ vọng, với các chỉ tiêu trọng yếu đều vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao. Doanh thu đạt 11.217 tỷ đồng, tương đương 120% kế hoạch năm, trong khi lợi nhuận trước thuế đạt 7.109 tỷ đồng, hoàn thành 123% kế hoạch và tăng trưởng gần 50% so với năm 2024. Đáng chú ý, lợi nhuận trước thuế tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu ngành, phản ánh chất lượng tăng trưởng, hiệu quả phân bổ nguồn lực và năng lực kiểm soát chi phí. Kết quả này không chỉ khẳng định sức mạnh nội tại của Công ty mà còn tạo nền tảng thuận lợi cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

Kết quả kinh doanh kỳ lục được dẫn dắt bởi sự bứt phá đồng đều trên toàn bộ các trụ cột kinh doanh, khi thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 10.004 tỷ đồng, tăng trưởng 45% so với năm 2024.

Màng kinh doanh nguồn vốn và phân phối trái phiếu

Màng kinh doanh nguồn vốn và phân phối trái phiếu tiếp tục giữ vai trò là một trong những trụ cột quan trọng trong cơ cấu thu nhập của Công ty trong năm 2025. Thu nhập thuần từ màng này đạt 3.967 tỷ đồng, tăng 42% so với năm 2024, phản ánh sự phục hồi tích cực của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, đồng thời cho thấy năng lực triển khai và phân phối sản phẩm vượt trội của Công ty.

Kết quả tăng trưởng được hỗ trợ bởi nền tảng khách hàng rộng và đa dạng, khả năng cấu trúc sản phẩm linh hoạt theo nhu cầu nhà đầu tư, cùng với lợi thế từ các nền tảng công nghệ như iBond và iConnect, giúp nâng cao hiệu quả phân phối và mở rộng độ phủ thị trường.

Màng cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán

Màng cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán ghi nhận thu nhập thuần đạt 3.664 tỷ đồng, tăng 43% so với năm trước, tiếp tục là một trong những động lực tăng trưởng chính của Công ty. Đến cuối năm 2025, dư nợ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt 43.860 tỷ đồng, duy trì vị thế dẫn đầu thị trường.

Tăng trưởng dư nợ được triển khai song song với việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản và các chỉ tiêu an toàn tài chính, phản ánh cách tiếp cận cân bằng giữa mở rộng quy mô và quản trị rủi ro.

Màng ngân hàng đầu tư

Màng ngân hàng đầu tư ghi nhận mức tăng trưởng 50%, với thu nhập thuần đạt 2.018 tỷ đồng, phản ánh sự cải thiện rõ nét của thị trường vốn và khả năng tận dụng hiệu quả các cơ hội mới trong bối cảnh môi trường vĩ mô dẫn ổn định.

Lợi thế từ hệ sinh thái tài chính khép kín trong Techcombank tiếp tục đóng vai trò then chốt, giúp TCBS duy trì năng lực triển khai các giao dịch quy mô lớn, cấu trúc phức tạp, đồng thời củng cố vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

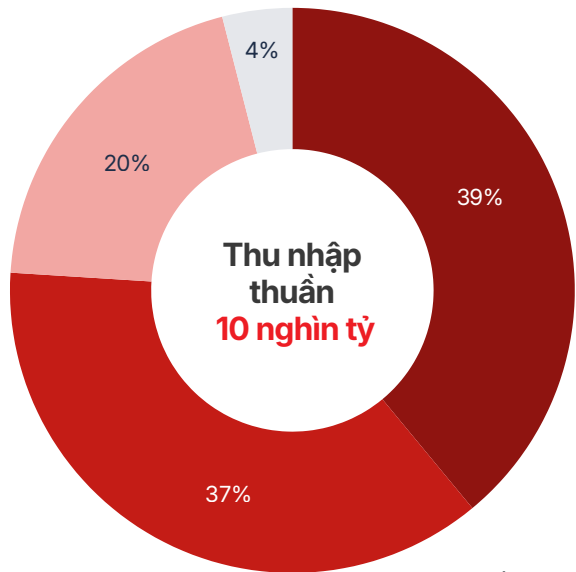
Màng môi giới và lưu ký chứng khoán

Màng môi giới và lưu ký chứng khoán ghi nhận mức tăng trưởng nổi bật nhất trong năm, với thu nhập thuần đạt 356 tỷ đồng, tăng 63% so với năm 2024. Đặc biệt, thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn HOSE trong quý IV/2025 đạt 9%, phản ánh hiệu quả của chiến lược nâng cấp trải nghiệm giao dịch và hệ sinh thái sản phẩm đầu tư.

Sự tăng trưởng của màng môi giới không chỉ đóng góp trực tiếp vào doanh thu, mà còn tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực sang các màng kinh doanh khác, đặc biệt là cho vay ký quỹ và phân phối sản phẩm đầu tư.

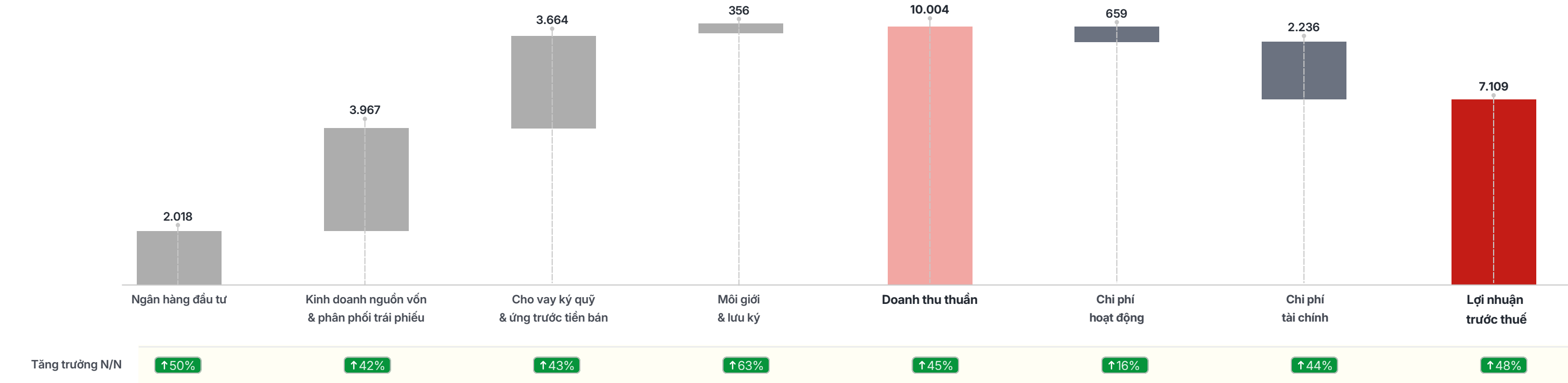
Cơ cấu thu nhập thuần %

- Kinh doanh nguồn vốn & Phân phối trái phiếu
- Cho vay ký quỹ & Ứng trước tiền bán
- Ngân hàng đầu tư
- Môi giới & Lưu ký chứng khoán



Nguồn: TCBS

Cơ cấu lợi nhuận trước thuế năm 2025
Tỷ đồng



Trong khi đó, chi phí tài chính tăng 44%, đạt 2.236 tỷ đồng, chủ yếu do gia tăng chi phí lãi vay ngắn hạn, tương ứng với việc tăng dư nợ cho vay ngắn hạn. Chi phí hoạt động trong năm 2025 ghi nhận ở mức 659 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2024, chủ yếu phản ánh việc Công ty tiếp tục đầu tư cho công nghệ và phát triển đội ngũ nhân sự nhằm hỗ trợ quy mô hoạt động ngày càng mở rộng. Tuy nhiên, tốc độ tăng chi phí thấp hơn đáng kể so với mức tăng trưởng thu nhập hoạt động, qua đó góp phần cải thiện

hiệu quả vận hành và tối ưu hóa hệ số chi phí trên thu nhập (CIR) của Công ty. Về cổ tức, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm tài chính 2025.

Lợi nhuận trước thuế đạt 7.109 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 5.683 tỷ đồng, tăng trưởng 48%. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng 38%, lên 2.713 đồng/cổ phiếu.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động	2025	2024	% thay đổi
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	50,7%	50,6%	0,1%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	16,7%	15,4%	1,3%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	8,4%	7,8%	0,6%
Hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu	63,4%	63,1%	0,3%
Hệ số Chi phí/ Thu nhập (CIR)	13,7%	14,2%	-0,5%
Lợi nhuận trước thuế bình quân trên mỗi nhân sự (Tỷ đồng)	13,2	9,9	34%

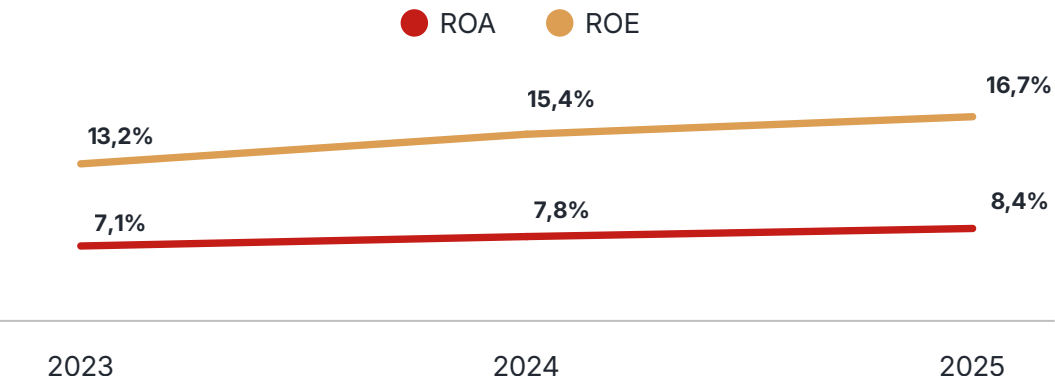
Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024-2025 của TCBS

Hiệu quả sinh lời tiếp tục được cải thiện rõ nét, với biên lợi nhuận ròng duy trì ở mức cao 50,7%, trong khi ROE đạt 16,7% và ROA đạt 8,4% tại thời điểm 31/12/2025, lần lượt tăng 1,3 điểm phần trăm và 0,6 điểm phần trăm so với cuối năm 2024. Điều này phản ánh chất lượng tăng trưởng ngày càng được nâng cao, không chỉ đến từ mở rộng quy mô doanh thu mà còn từ hiệu quả sử dụng vốn và tài sản. Song song với tăng trưởng lợi nhuận, TCBS tiếp tục duy trì kỷ luật chi phí, với tỷ lệ chi phí/thu nhập - CIR ở mức thấp 13,7%, giảm 0,5% so với năm trước. Việc đẩy mạnh đầu tư có chọn lọc vào nguồn nhân lực, công nghệ và hạ tầng vận hành đã tạo nền tảng cho hiệu quả hoạt động dài hạn, thể hiện qua lợi nhuận trước thuế bình quân trên mỗi nhân sự tăng 34% lên 13,2 tỷ đồng trong năm 2025.

Trong kỳ, Công ty không trình bày các chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho và Vòng quay tổng tài sản do đây là những chỉ số chủ yếu áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất – thương mại. Với đặc thù hoạt động của công ty chứng khoán, các chỉ tiêu này không phản ánh chính xác hiệu quả vận hành và do đó không được đưa vào hệ thống báo cáo của Công ty.

Những kết quả trên khẳng định năng lực quản trị tài chính bền vững, sự linh hoạt trong điều hành và tinh thần đổi mới liên tục của Ban Lãnh đạo cùng đội ngũ nhân sự, qua đó tiếp tục củng cố vị thế dẫn đầu của TCBS trên thị trường chứng khoán Việt Nam và tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng dài hạn trong các giai đoạn tiếp theo.

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA) và Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)



Nguồn: TCBS

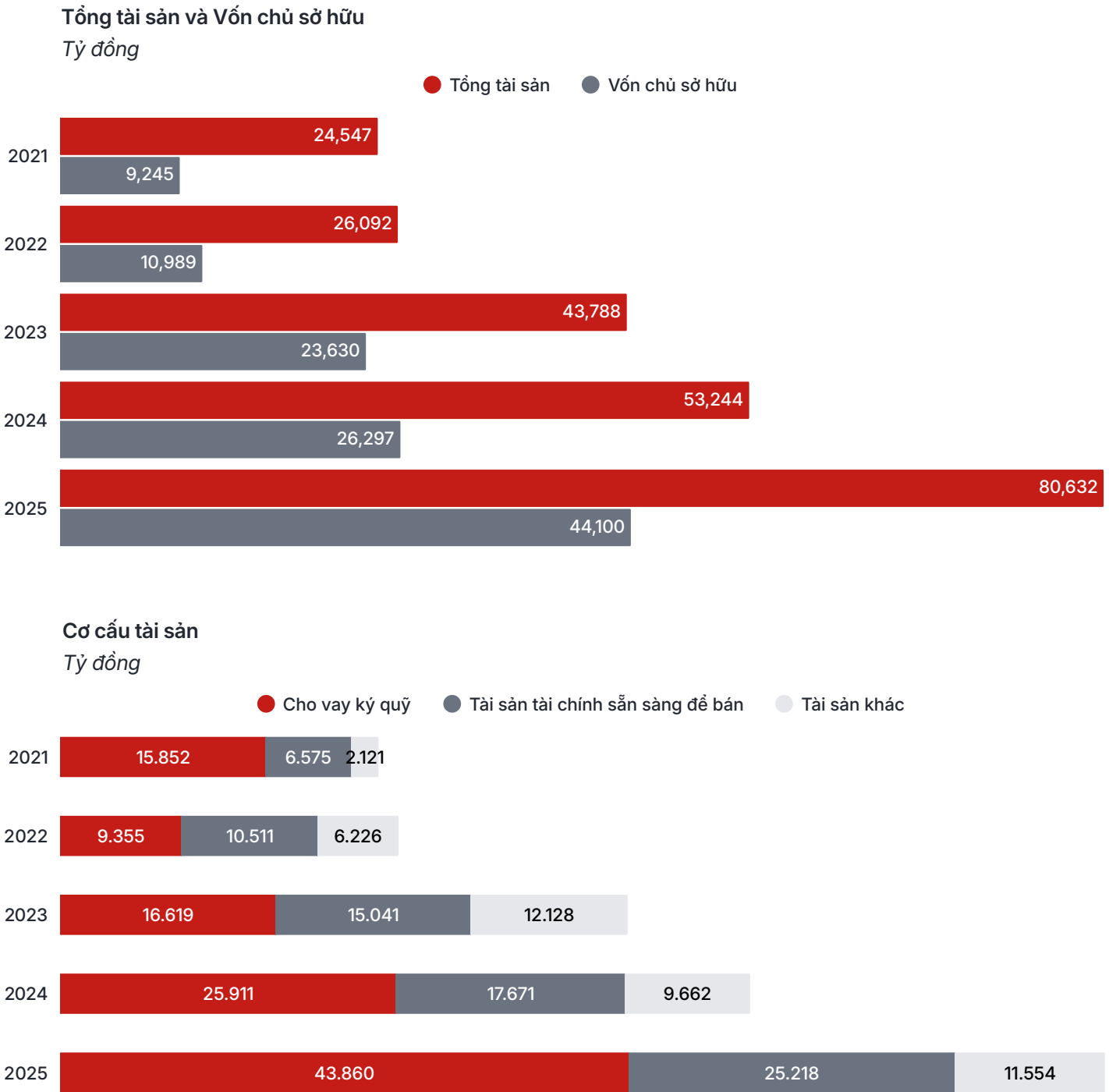
Tình hình tài chính

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	2025	2024	% thay đổi
Tài sản ngắn hạn	76.613	49.395	55%
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.108	2.865	8%
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	3.657	2.232	64%
Các khoản cho vay	43.860	25.911	69%
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	25.218	17.671	43%
Tài sản ngắn hạn khác	769	716	7%
Tài sản dài hạn	4.019	3.849	4%
TỔNG TÀI SẢN	80.632	53.244	51%
Nợ phải trả ngắn hạn	35.017	25.934	35%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31.080	20.523	51%
Nợ phải trả ngắn hạn khác	3.937	5.411	-27%
Nợ phải trả dài hạn	1.516	1.013	50%
Vốn chủ sở hữu	44.100	26.297	68%

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của TCBS đạt 80.632 tỷ đồng, tăng 51% so với cuối năm 2024, phản ánh quy mô hoạt động tiếp tục được mở rộng mạnh mẽ trong bối cảnh thị trường chứng khoán bước vào chu kỳ phục hồi rõ nét. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ sự gia tăng của hoạt động cho vay kỳ quỹ và đầu tư vào danh mục tài sản tài chính, phù hợp với chiến lược tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024-2025 của TCBS

Dựa trên nền tảng vốn chủ sở hữu vững mạnh, TCBS tiếp tục củng cố vị thế dẫn đầu thị trường cho vay kỳ quỹ với tổng dư nợ cho vay kỳ quỹ đạt 43.860 tỷ đồng, tăng 69% so với thời điểm cuối năm 2024 và duy trì thị phần lớn nhất toàn ngành. Công ty chủ động theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô và xu hướng thị trường, linh hoạt điều chỉnh quy mô cho vay trong giới hạn khẩu vị rủi ro, nhằm vừa hỗ trợ hiệu quả nhu cầu giao dịch của nhà đầu tư, vừa đảm bảo an toàn hệ thống.



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021-2025 của TCBS

Song song với tăng trưởng quy mô, TCBS duy trì quản trị rủi ro chặt chẽ. Các chính sách quản lý tài sản đảm bảo, kiểm soát tỷ lệ vay và giám sát danh mục được triển khai chặt chẽ, giúp cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và yêu cầu bảo toàn vốn. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đạt 25.218 tỷ đồng và 3.657 tỷ đồng, tăng lần lượt 43% và 64% so với 31/12/2024, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và chứng chỉ quỹ, đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ hoạt động hoạt động tự doanh nguồn vốn và phân phối trên thị trường bán lẻ.

Về nguồn vốn, dư nợ vay ngắn hạn tại 31/12/2025 đạt hơn 31.080 tỷ đồng, tăng 51% so với cùng kỳ. Công ty đã duy trì chiến lược mở rộng và đa dạng hóa quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính uy tín trong và ngoài nước, giúp tối ưu hóa khả năng huy động vốn và duy trì thanh khoản ổn định. Cụ thể, hạn mức vay tín chấp tại các tổ chức tín dụng trong nước đã được nâng lên 24.000 tỷ đồng. Dù dư nợ vay ngắn hạn gia tăng, TCBS luôn theo dõi sát sao các khoản vay đến hạn và đảm bảo thanh toán kịp thời, nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro liên quan đến nợ phải trả quá hạn.

Thuế đã nộp trong năm 2025

2.369

tỷ đồng, tăng 47% so với năm 2024

Cuối năm 2025, TCBS có các khoản vay tại các tổ chức tài chính quốc tế với tổng giá trị 330 triệu đô, chiếm 27% tổng dư nợ vay ngắn hạn của Công ty. Để quản lý rủi ro tỷ giá và lãi suất, Công ty đã chủ động sử dụng các công cụ phái sinh ngoại hối và phái sinh lãi suất thông qua hợp đồng với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và các ngân hàng thương mại khác, nhằm phòng ngừa các biến động bất lợi.

Trong bối cảnh lãi suất có xu hướng tăng, chúng tôi sẽ tiếp tục tích cực đàm phán với các ngân hàng để tối ưu hóa lãi suất vay, đồng thời kiểm soát chặt chẽ chi phí tài chính. Các biện pháp này không chỉ giúp duy trì biên lợi nhuận ổn định mà còn tối ưu hóa chi phí vốn, qua đó củng cố nền tảng tài chính vững mạnh và khả năng cạnh tranh của công ty trong môi trường thị trường đầy biến động.

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025

44.100 tỷ đồng

tăng 68% so với năm 2024

Cùng với đó, sau các đợt phát hành thành công cổ phiếu riêng lẻ và IPO, TCBS tiếp tục khẳng định vị thế là công ty chứng khoán có vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu lớn nhất thị trường. Tại thời điểm cuối năm, vốn chủ sở hữu đạt 44.100 tỷ đồng, tăng 68%, phản ánh năng lực tài chính vượt trội và chiến lược tăng trưởng bền vững của Công ty.

Các chỉ tiêu thanh khoản của Công ty tiếp tục được duy trì ở mức tích cực trong năm 2025. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 2,19 lần, tăng 0,28 lần so với năm 2024, phản ánh khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn được cải thiện, đồng thời cho thấy nền tảng thanh khoản vững chắc nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Hệ số thanh toán nhanh duy trì ở mức 0,09 lần, giảm nhẹ so với năm trước, chủ yếu do đặc thù cơ cấu tài sản của công ty chứng khoán với tỷ trọng lớn là tài sản sinh lời ngắn hạn.

Về quy mô vốn, Công ty ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2025, chủ yếu nhờ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ và chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng - IPO. Vốn điều lệ tăng lên 23.113 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 18% so với năm 2024. Cùng với đó, vốn chủ sở hữu và tổng tài sản cũng mở rộng đáng kể, phản ánh năng lực tài chính của Công ty được củng cố rõ rệt, tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược tăng trưởng dài hạn.

Nhờ vốn chủ sở hữu gia tăng mạnh sau IPO, các chỉ tiêu đòn bẩy tài chính của Công ty ghi nhận xu

hướng cải thiện, mặc dù quy mô dư nợ và hoạt động kinh doanh tiếp tục được mở rộng. Cụ thể, hệ số Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu giảm từ 2,02 lần xuống 1,83 lần, trong khi tỷ lệ Tổng nợ/Tổng tài sản giảm từ 0,47 xuống 0,42, và tỷ lệ Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 0,95 xuống 0,77.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng - CAR tại cuối năm 2025 đạt 490%, tăng mạnh so với mức 381% của năm 2024. So với mức tối thiểu 260% theo quy định, CAR hiện tại cao hơn 1,88 lần, tương đương dư địa an toàn vốn ở mức khoảng 88% để mở rộng danh mục tài sản rủi ro trong thời gian tới. Mức CAR cao phản ánh năng lực vốn vượt trội của Công ty, đồng thời tạo vùng đệm an toàn trước các biến động của thị trường tài chính.

Về quản trị rủi ro, tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/Vốn chủ sở hữu duy trì ở mức 0,99 lần, thấp hơn đáng kể so với ngưỡng tối đa 2 lần theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Điều này cho thấy Công ty vẫn còn dư địa đáng kể để mở rộng hoạt động cho vay ký quỹ trong khi vẫn đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về an toàn tài chính.

Trong thời gian tới, Công ty định hướng duy trì tăng trưởng đi đôi với kỷ luật tài chính và quản trị rủi ro thận trọng. Việc tiếp tục củng cố năng lực vốn, tối ưu cấu trúc nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản sẽ là nền tảng quan trọng để Công ty duy trì vị thế dẫn đầu và tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông trong dài hạn.

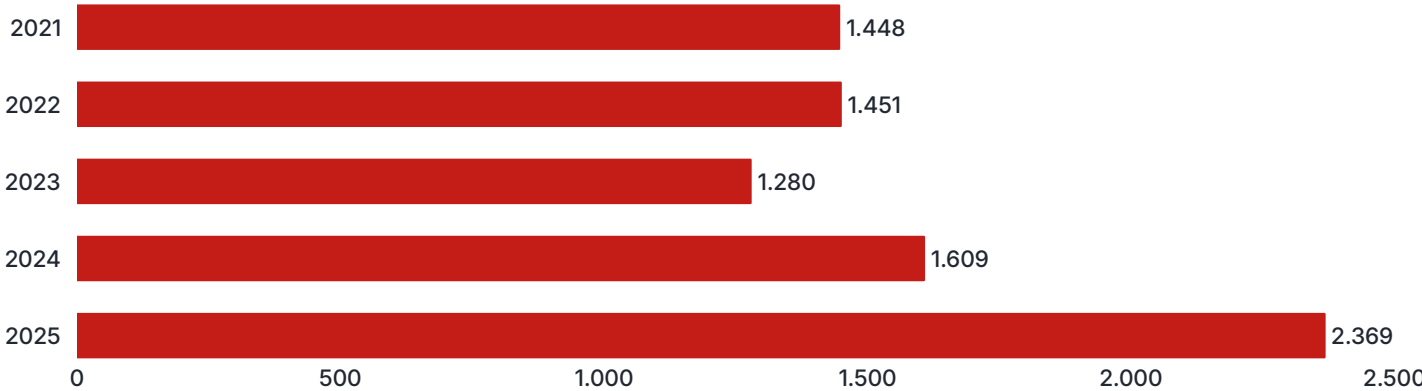
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng

490%

tăng mạnh so với năm 2024

Thuế đã nộp qua các năm

Tỷ đồng

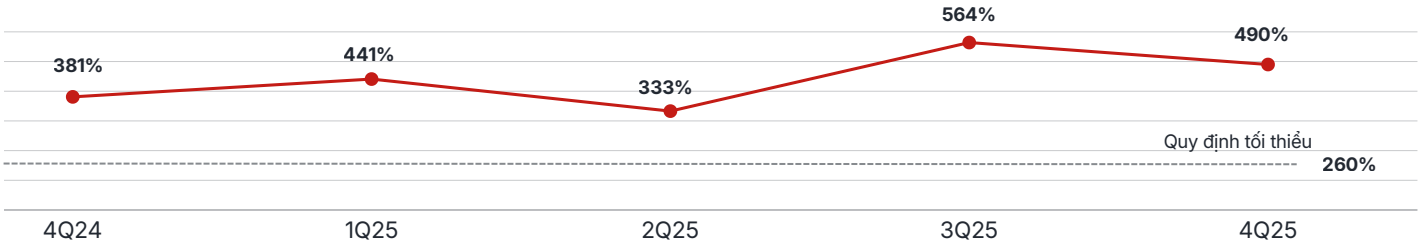


Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021-2025 của TCBS

Chi tiêu	2025	2024	% thay đổi
1. Chi tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,19	1,90	0,28
Hệ số thanh toán nhanh	0,09	0,11	-0,02
2. Chi tiêu về cơ cấu vốn			
2.1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	23.113	19.613	18%
Vốn chủ sở hữu	44.100	26.297	68%
Tổng tài sản	80.632	53.244	51%
2.2. Chi tiêu về an toàn vốn và cơ cấu vốn			
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	490%	381%	109%
CAR so với mức tối thiểu theo quy định	1,88	1,47	0,41
Hệ số Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu	1,83	2,02	-0,20
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,42	0,47	-0,05
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,77	0,95	-0,18
3. Chi tiêu về quản trị rủi ro			
Dư nợ cho vay ký quỹ/ Vốn chủ sở hữu	0,99	0,99	0,01

Hệ số an toàn thanh khoản

%



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024-2025 của TCBS

Vị thế ngành

Công ty tiếp tục mở rộng thị phần môi giới cổ phiếu, giữ vững ở vị trí top 3 trên sàn HOSE và đánh dấu bước tiến đột phá khi đạt 9,0% thị phần, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2024 và top 2 trên sàn HNX đạt 8,85% thị phần, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2024. Những kết quả này được hỗ trợ bởi nền tảng tài chính vững mạnh và mô hình vận hành hiệu quả.

TCBS hiện sở hữu quy mô vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu lớn nhất trong nhóm công ty chứng khoán, tạo lợi thế quan trọng trong việc mở rộng hoạt động kinh doanh và phát triển các sản phẩm đầu tư. Đồng thời, Công ty cũng dẫn đầu về hiệu quả khai thác nguồn lực với lợi nhuận trước thuế trên mỗi nhân viên ở mức cao nhất ngành, phản ánh năng suất vận hành vượt trội.

Các chỉ số hiệu quả tiếp tục củng cố vị thế này khi biên lợi nhuận ròng của TCBS thuộc nhóm cao nhất thị trường, trong khi tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) duy trì ở mức thấp so với trung bình ngành, thể hiện kỷ luật chi phí và năng lực quản trị vận hành hiệu quả.



#1
Lợi nhuận trước thuế/nhân viên



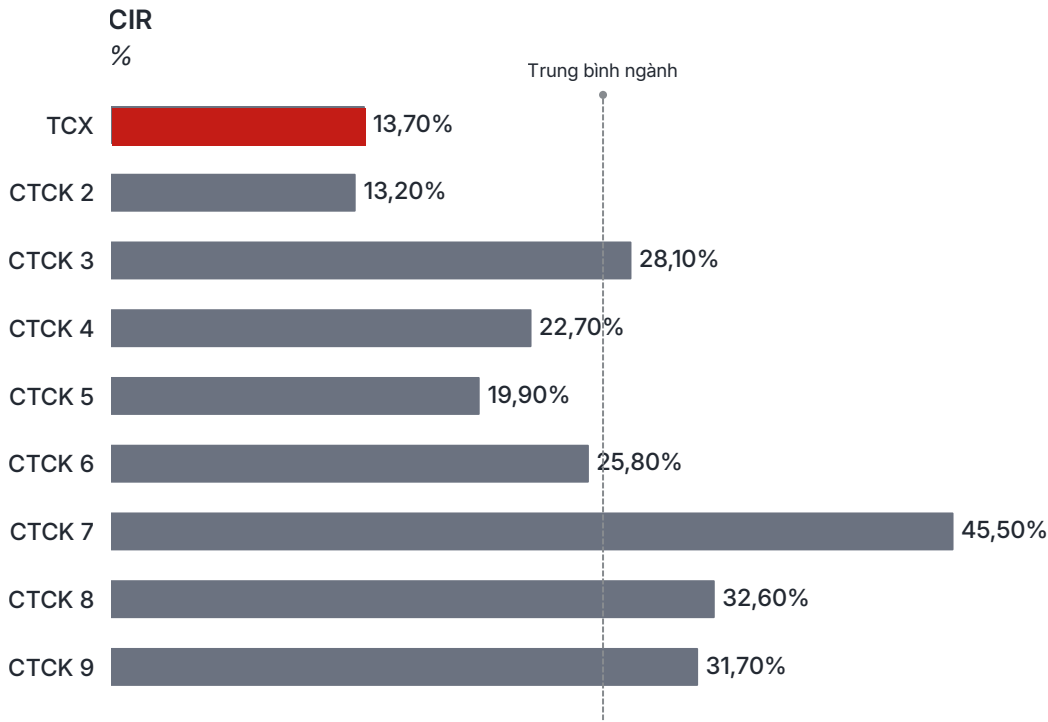
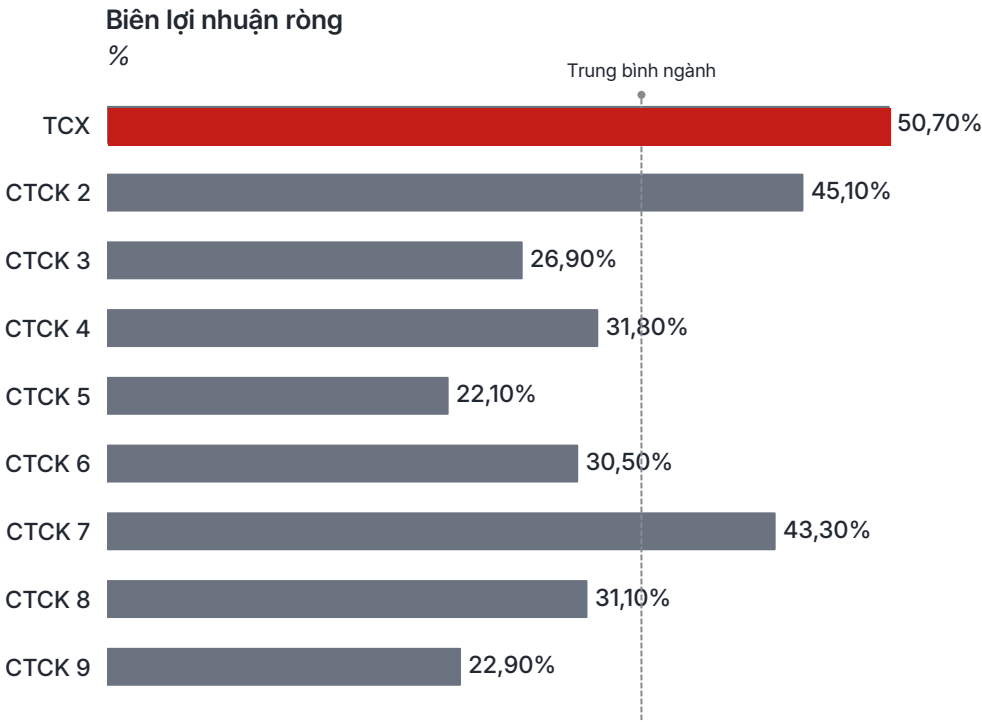
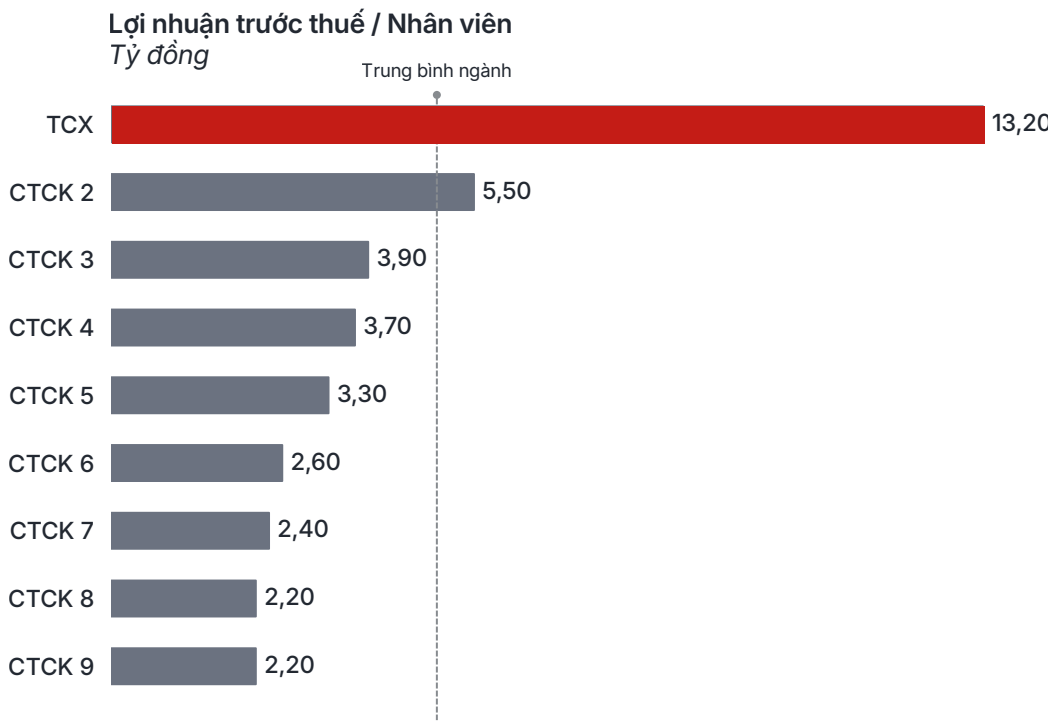
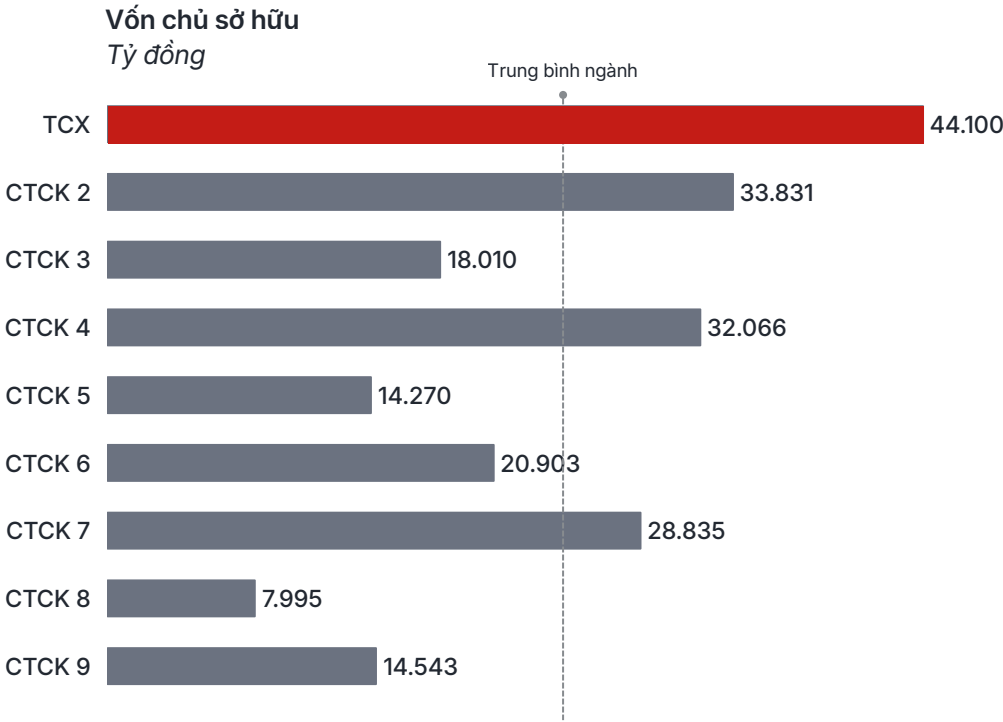
#1
Vốn chủ sở hữu



#1
Vốn điều lệ



#1
Dư nợ cho vay ký quỹ



Lưu ý: Các công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam theo tổng tài sản, không bao gồm Chứng khoán VIX (tính đến Quý 4/2025).
Nguồn: Fiinpro, TCBS.

Báo cáo hoạt động theo từng mảng kinh doanh chính

Mảng môi giới và lưu ký chứng khoán - Động lực tăng trưởng chiến lược

Mảng môi giới

Thị phần môi giới tại HNX

Top 2

Đạt 8,73% trong năm 2025

TCBS đã xây dựng một mô hình kinh doanh khác biệt so với các công ty chứng khoán truyền thống khi không sử dụng nhân viên môi giới, mà thay vào đó tập trung vào chiến lược công nghệ tài chính - Wealthtech. Công ty chú trọng phát triển hệ thống công nghệ hiện đại làm nền tảng cho mọi hoạt động kinh doanh. Nhờ kiên định với chiến lược này và chính sách ZeroFee – miễn phí giao dịch, TCBS đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ về thị phần môi giới chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Từ mức 4,57% vào năm 2021, thị phần của TCBS đã vọt lên 7,99% vào năm 2025, giữ vững vị trí trong top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cao nhất trong nhiều năm liên tiếp. Đặc biệt, trong quý 4/2025, TCBS đã đạt thị phần môi giới

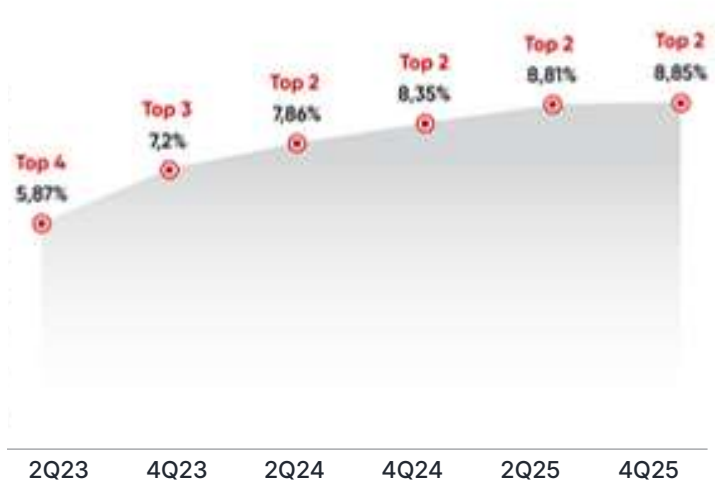
lên đến 9,00% tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Đồng thời, thị phần môi giới tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đạt 8,73% và duy trì vị trí top 2. Các con số này phản ánh sự nỗ lực vượt bậc của TCBS trong việc hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng trong suốt thời gian qua. Bên cạnh đó, TCBS cũng không ngừng vươn lên trong mảng thị trường chứng khoán phái sinh. Năm 2025, thị phần môi giới phái sinh của TCBS đã tăng từ 4,98% năm 2024 lên 5,71% trong cả năm 2025.

Đặc biệt, trong năm 2025, TCBS lần đầu tiên phát hành chứng quyền với 30 mã, tổng giá trị chào bán đạt hơn 350 tỷ đồng. Các chứng quyền này được phát hành trên 8 cổ phiếu cơ sở: ACB, FPT, HPG, MBB, MWG, STB, VHM và VPB.

Thứ hạng và thị phần môi giới chứng khoán trên sàn HOSE



Thứ hạng và thị phần môi giới chứng khoán trên sàn HNX



Nguồn: HOSE, HNX

Mảng cho vay ký quỹ

Thị phần dư nợ cho vay ký quỹ

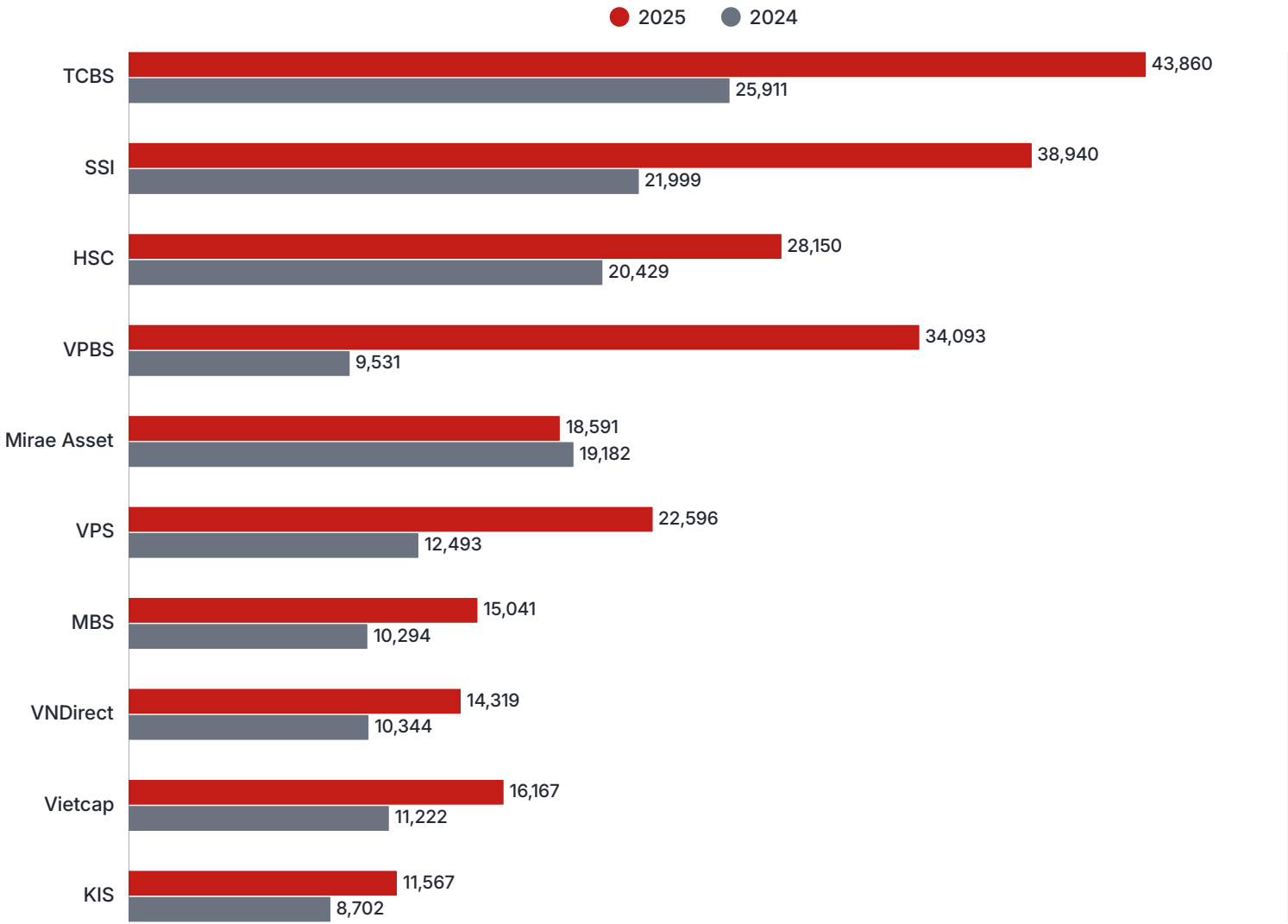
11%

Dẫn đầu thị trường

Với lợi thế là công ty chứng khoán có vốn chủ sở hữu lớn nhất thị trường, TCBS tiếp tục tập trung phát triển mạnh mẽ mảng cho vay ký quỹ. Đến cuối năm 2025, tổng dư nợ cho vay ký quỹ của TCBS đã vượt mốc 43 nghìn tỷ đồng, giữ vững vị trí dẫn đầu toàn thị trường với hơn 11% thị phần dư nợ vay ký quỹ.

Không chỉ duy trì vị trí đứng đầu về giá trị tuyệt đối, TCBS còn đạt được tốc độ tăng trưởng ấn tượng trong mảng cho vay ký quỹ, với mức tăng gần 70% so với đầu năm. Thành tích này tiếp tục khẳng định sự mạnh mẽ trong chiến lược mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ cho vay ký quỹ, đồng thời thiết lập những kỷ lục mới trong ngành.

Dư nợ margin của 10 công ty chứng khoán có quy mô lớn nhất Tỷ đồng



Nguồn: VSDC

Đa dạng hoá khách hàng

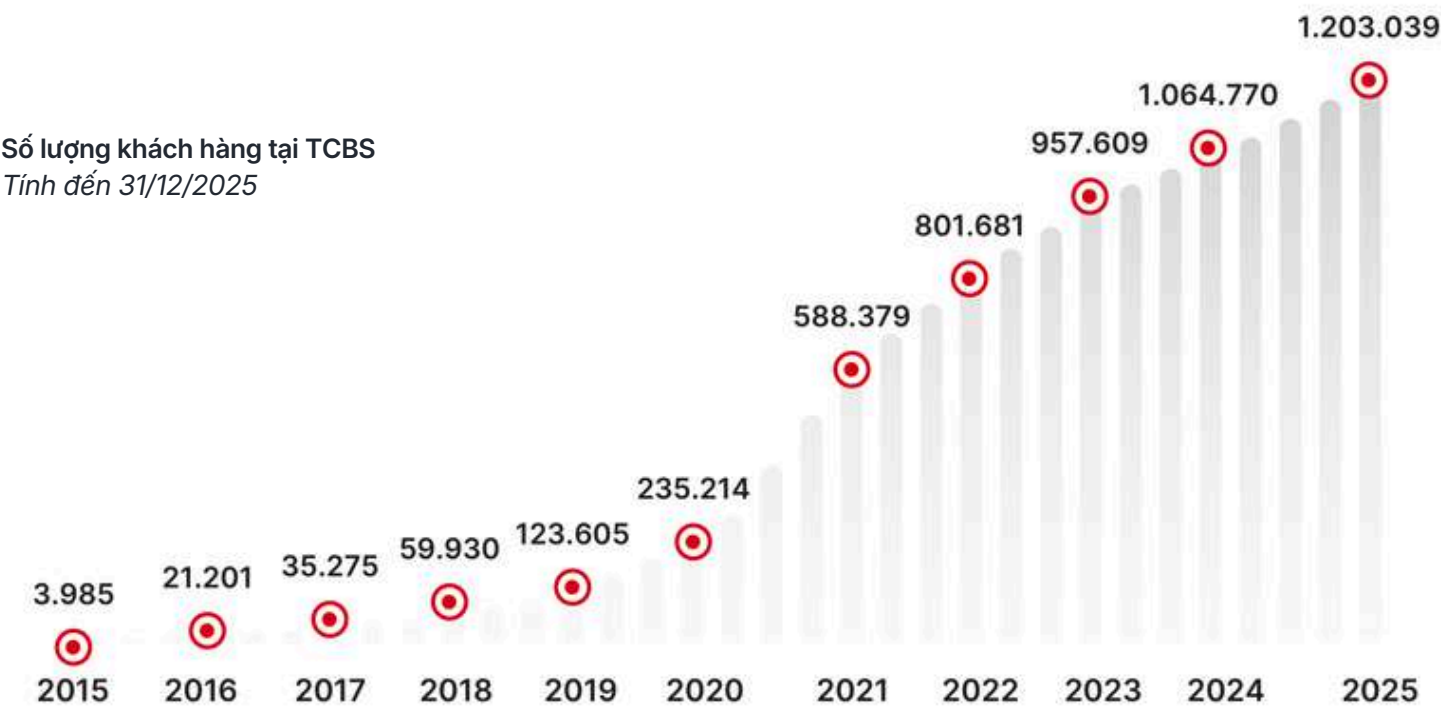
Số lượng tài khoản mở mới 2025
130 nghìn
Chiếm 5% toàn thị trường

Năm 2025, TCBS đã ghi nhận một cột mốc ấn tượng với hơn 130 nghìn tài khoản mở mới, chiếm 5% tổng số tài khoản mở mới trên toàn thị trường, nâng tổng số lượng người dùng của TCBS lên hơn 1,2 triệu tài khoản.

Đặc biệt, chiến lược thu hút khách hàng của TCBS đã được đa dạng hóa khi 60% số lượng tài khoản mới mở đến trực tiếp từ TCBS, mà không

phải từ nguồn khách hàng hiện hữu của ngân hàng TCB.ùng với đó, nền tảng TCInvest cũng đã đạt được hiệu suất xuất sắc, duy trì mức truy cập ổn định với với trung bình gần 17 triệu lượt truy cập mỗi tháng, phản ánh mức độ gắn bó cao của nhà đầu tư với TCBS.

Số lượng khách hàng tại TCBS
Tính đến 31/12/2025



Lượt truy cập trên nền tảng TCInvest trong năm 2025
Triệu lượt



Nguồn: TCBS

Sản phẩm & Chính sách

Số lượt sao chép iTracker
16 nghìn
Trong năm 2025

- Tiếp tục duy trì chính sách Zero Fee - Miễn phí giao dịch cổ phiếu, phái sinh, chứng quyền và chứng chỉ quỹ niêm yết cho khách hàng.
- Chương trình ưu đãi Giao dịch thả ga - Hoàn tiền cực đã cho khách hàng giao dịch cổ phiếu lần đầu, với ưu đãi lên đến 40 triệu đồng/khách hàng.
- Các mức lãi suất cho vay hấp dẫn, đa dạng chính sách dẫn đầu cho các nhóm khách hàng, như lãi suất 7.89%/năm áp dụng với Khách hàng giải ngân lần đầu, lãi suất 10.5%/năm cho Khách hàng có giá trị tài sản cao, lãi suất 10%/năm với Khách hàng quay trở lại giao dịch. Đồng thời liên tục đưa ra các chương trình kinh doanh áp dụng trực tiếp vào lãi suất Margin như giảm 1.5%/năm lãi vay ký quỹ nếu Khách hàng thỏa mãn điều kiện chính sách.
- PowerCombo: kích hoạt sức mạnh tài chính từ bộ 3 giải pháp TCBS: iConnect-iPower-Margin. Qua đó, các khách hàng có số dư tiền iPower lớn có thể được giảm tới 1%/năm lãi vay margin khi mở rộng đầu tư.
- Các gói vay linh hoạt T3, T5, T10 với lãi suất chỉ từ 0%/năm, là đòn bẩy linh hoạt và hiệu quả hỗ trợ khách hàng trong hoạt động đầu tư.
- Giải pháp Marginsure với 2 gói Cân bằng và Phòng ngự tiếp tục giúp Khách hàng giảm áp lực lãi vay trong lúc thị trường biến động, hướng tới hiệu quả đầu tư dài hạn.
- iTracker mang đến những danh mục cổ phiếu được xây dựng theo chiến lược đầu tư chuyên biệt, ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu tiên tiến của TCBS từ đó giúp khách hàng có thể lựa chọn theo nhu cầu đầu tư cụ thể. Các chiến lược được lựa chọn qua quá trình phân tích dữ liệu lớn - Big data từ hơn 1.600 cổ phiếu niêm yết, sàng lọc từ hơn 250 chỉ số phân tích cơ bản & phân tích kỹ thuật trong thời gian gần 5 năm. Định kỳ tự động mua/bán, giúp nhà đầu tư theo sát chiến lược một cách kỷ luật và tối ưu hóa hiệu quả đầu tư. Tổng giá trị giao dịch iTracker trong 2025 đạt hơn 2 nghìn tỷ, với tổng AUM hiện tại đạt hơn 450 tỷ. Số lượt khách hàng tham gia sao chép trong năm 2026 đạt 16 nghìn lượt sao chép, với số lượng iTracker là 171 mã.



Hệ thống & Tính năng

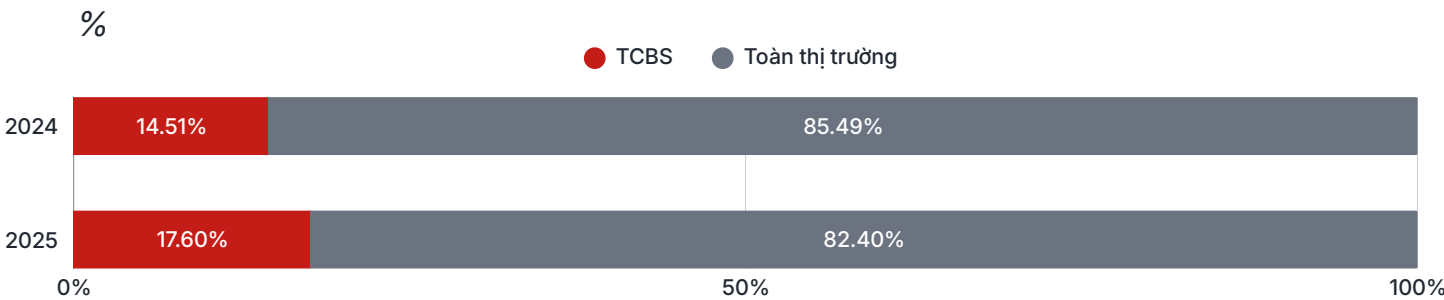
Tốc độ bốc lệnh Gateway

15.000 lệnh/s

- Để đáp ứng nền tảng giao dịch mới KRX, TCBS đã thực hiện một loạt các nâng cấp hệ thống quan trọng, nhằm mang đến trải nghiệm giao dịch nhanh chóng và thuận tiện hơn cho khách hàng. Các thay đổi bao gồm mở tài khoản trực tuyến, hiển thị thông tin trên bảng giá, và thực hiện giao dịch thỏa thuận, lô lẻ, chuyển khoản chứng khoán hoàn toàn online. Bên cạnh đó, các quy định về room của khối ngoại cũng được tích hợp để hỗ trợ khách hàng giao dịch hiệu quả hơn, đồng thời cung cấp thêm thông tin hữu ích và giảm thiểu thời gian xử lý hồ sơ khi có yêu cầu. Hệ thống mới của TCBS có hiệu suất vượt trội so với hệ thống cũ, với khả năng xử lý lệnh gấp 5 lần, đáp ứng lượng lệnh lên tới 3 triệu lệnh mỗi ngày. Tốc độ bốc

lệnh của Gateway cũng được cải thiện mạnh mẽ, đạt tới 15.000 lệnh/s, giúp lệnh của khách hàng vào thị trường nhanh hơn và chính xác hơn. Đặc biệt, hệ thống được tối ưu để hoạt động ổn định ngay cả trong những thời điểm thị trường biến động mạnh, đảm bảo sự linh hoạt và hiệu quả cho các giao dịch của nhà đầu tư. Những nâng cấp này khẳng định vị thế của TCBS là công ty chứng khoán tiên phong về công nghệ tại Việt Nam, với khả năng làm chủ hệ thống Core phức tạp. Điều này tạo nền tảng vững chắc để TCBS tiếp tục gia tăng thị phần và đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng lớn của các nhà đầu tư, đồng thời duy trì sự dẫn đầu trong đổi mới công nghệ trong ngành chứng khoán.

Khối lượng giao dịch tại TCBS so với thị trường



Thị phần giao dịch cổ phiếu theo số lượng lệnh khớp

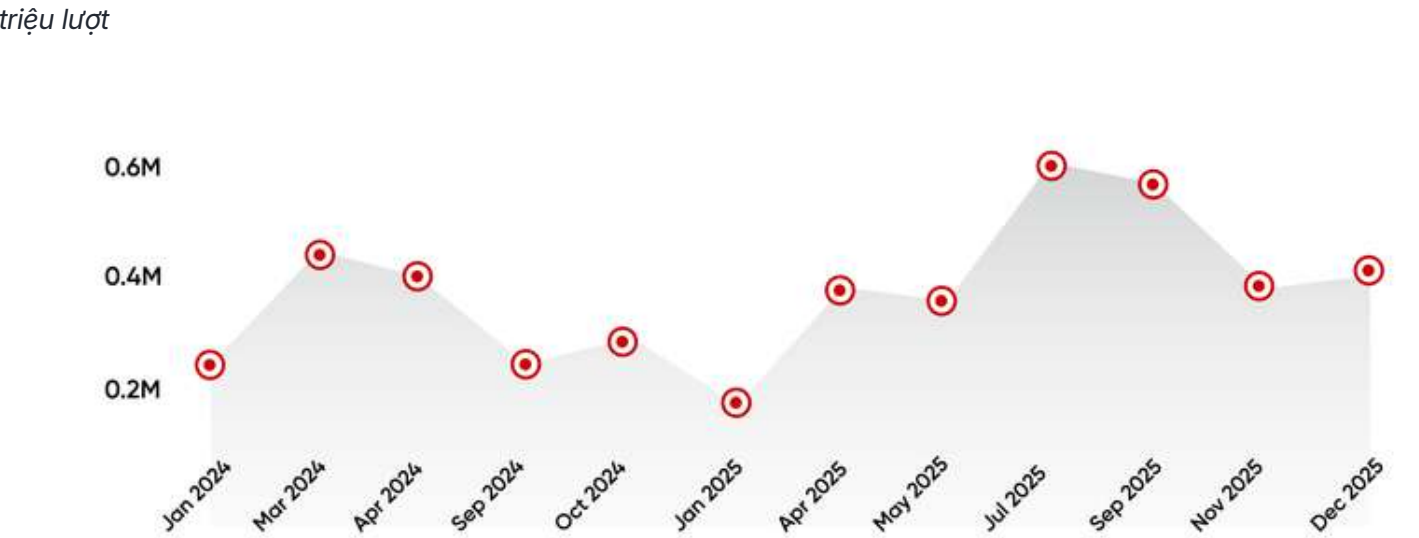


Nguồn: TCBS

- Ra mắt Giao diện Quản lý Margin hoàn toàn mới, giúp dễ dàng nắm bắt ưu đãi, chủ động tính toán chi phí vay và thao tác thuận tiện với điểm nổi bật: Hiển thị lãi vay margin ngay khi tìm kiếm mã - cập nhật liên tục lãi suất phổ thông theo mã mà không cần thao tác tra cứu. Tra cứu "Chính sách dành cho bạn" - lần đầu tiên xuất hiện, giúp theo dõi các ưu đãi đang được áp dụng riêng cho hách hàng. Mô phỏng lãi vay margin - giúp bạn tính toán lãi suất margin được áp dụng khi kết hợp mã cổ phiếu, gói ưu đãi, gói hỗ trợ. Cập nhật ưu đãi mới ngay tại màn đặt lệnh - cập nhật ngay ưu đãi mới nhất dành riêng cho bạn tại banner trên màn đặt lệnh cổ phiếu. Chuyển tiền và chứng khoán sang tiểu khoản ký quỹ chỉ 1 lần thao tác - nâng cao trải nghiệm nhanh chóng và dễ dàng.
- Phát triển hệ thống core giao dịch chứng quyền nhằm hỗ trợ tốt hơn các giao dịch chứng quyền có bảo đảm - Covered Warrant - CW. Đảm bảo hạ tầng giao dịch mạnh mẽ, giúp nhà đầu tư có thể mua/bán chứng quyền linh hoạt, với hiệu suất khớp lệnh tối ưu. Tạo tiền đề về kiến thức nghiệp vụ lẫn năng lực hệ thống cho các sản phẩm phái sinh/quyền chọn - derivative/option trong tương lai.

- Triển khai đặt lệnh qua Bloomberg: Bloomberg là một nền tảng hàng đầu toàn cầu về dữ liệu tài chính và giao dịch, mang lại khả năng kết nối liền mạch và hiệu quả cho các nhà đầu tư tổ chức. Bằng cách sử dụng Bloomberg, các công ty chứng khoán có thể nhận lệnh từ khách hàng tổ chức với độ chính xác, tốc độ và bảo mật cao. Nền tảng này cung cấp dữ liệu thị trường theo thời gian thực, các công cụ phân tích nâng cao và hệ thống liên lạc đáng tin cậy, đảm bảo việc thực hiện giao dịch diễn ra trơn tru và chuyên nghiệp. Điều này giúp tăng cường tính minh bạch, giảm thiểu rủi ro vận hành và tối ưu hóa trải nghiệm giao dịch cho cả khách hàng và nhà môi giới.
- Đặt lệnh qua API Flash: Tính năng hỗ trợ cho Dịch vụ giao dịch điện tử của TCBS, gồm hai tính năng con iFlash Trading và iFlash Market Data, cung cấp bộ giao thức kết nối cho phép Khách hàng tích hợp để nhận thông tin thị trường và/hoặc chuyển lệnh giao dịch vào hệ thống đặt lệnh của TCBS. Khách hàng sử dụng iFlash Open API có thể sử dụng các công cụ, tính năng hỗ trợ giao dịch này giúp khách hàng tăng tính hiệu quả khi đặt lệnh và dành cho nhà đầu tư có kỹ năng về lập trình, am hiểu kiến thức về phân tích kỹ thuật thị trường cổ phiếu.

Lượng khách hàng giao dịch tại TCInvest theo tháng



Nguồn: TCBS

Kênh phân phối

95% giao dịch được thực hiện hoàn toàn qua nền tảng online

Với định hướng biến TCInvest thành một super app – nền tảng một cửa phổ biến cho mọi nhu cầu đầu tư và quản lý tài sản, TCBS đã tập trung phát triển nền tảng giao dịch 100% online TCInvest, nơi khách hàng có thể lựa chọn và đầu tư vào nhiều sản phẩm tài chính đa dạng cùng một lúc. Kết quả là, hiện nay hơn 99% khách hàng của TCBS mở tài khoản online, và số lượng cũng như giá trị giao dịch online tại TCBS đã tăng khoảng 50 lần trong 7 năm qua, với hơn 95% giao dịch được thực hiện hoàn toàn qua nền tảng online.

Đặt lệnh Cổ phiếu qua Techcombank Mobile Banking App, gọi tắt là TCBM: TCBS cung cấp hành trình giao dịch tiện lợi, bắt đầu với việc mở tài khoản đầu tư chỉ trong vài phút. Khách hàng có thể truy cập các công cụ thiết yếu qua ứng dụng TCBM, như tạo danh sách theo dõi, thực hiện giao dịch mua bán đơn giản, quản lý tài sản và theo dõi hiệu quả đầu tư. Đặc biệt, với những

nhà đầu tư bận rộn, nền tảng này giúp họ vừa quản lý dòng tiền, vừa giao dịch hiệu quả, từ đó chủ động nắm bắt các cơ hội thị trường để tăng trưởng vốn vượt trội.TCBS là công ty tiên phong ứng dụng thành công Machine Learning, Generative AI và nền tảng Auto Machine Learning vào dịch vụ của mình. Cụ thể, TCBS sở hữu Robo Advisor – một công cụ tư vấn đầu tư miễn phí, tích hợp công nghệ tự động hóa trong quá trình lập kế hoạch tài chính dài hạn cho gia đình và phân bổ danh mục đầu tư theo nhu cầu cụ thể của khách hàng. Nhờ khai thác dữ liệu một cách tối ưu, TCBS cũng cung cấp các tính năng vượt trội miễn phí như AI phân tích, Hỏi đáp cùng Mập thông thái, Kiểm thử và quản lý tối ưu danh mục, và Gợi ý sản phẩm tài chính dành riêng cho từng nhóm khách hàng chuyên biệt.

Định hướng phát triển 2026

Đẩy mạnh ứng dụng AI và mở rộng hệ sinh thái sản phẩm nhằm nâng tầm trải nghiệm đầu tư số

- Tiến đến năm giao dịch mới 2026, với những dự báo lạc quan về thị trường chứng khoán, TCBS sẽ tiếp tục miễn phí giao dịch cổ phiếu, phái sinh, chứng quyền và chứng chỉ quỹ niêm yết cho khách hàng giao dịch trên TCInvest. Song song đầu tư mạnh nền tảng công nghệ, sau khi go live hệ thống KRX, TCBS hứa hẹn những tính năng mới đem tới cho khách hàng như Bán chứng khoán chờ về, Giao dịch trong ngày, v.v. TCBS hướng đến chinh phục mục tiêu công ty chứng khoán có thị phần môi giới cao nhất.
- Khi thị trường chứng khoán được chính thức nâng hạng vào năm 2026, TCBS đưa ra kế hoạch cung cấp các tiện ích khác như mở tài khoản online cho Khách hàng cá nhân và tổ chức nước ngoài, phương thức giao dịch Non Prefunding với Khách hàng tổ chức nước ngoài không cần đủ tiền khi đặt mua hay tài khoản tổng Omnibus Account.
- Với lợi thế tiếp cận các nguồn vốn rẻ, dồi dào, cũng như khai thác dư địa cho vay ký quỹ của thị trường, TCBS sẽ tiếp tục đem đến cho Nhà đầu tư thêm nhiều ưu đãi và lợi ích vượt trội như các gói vay cạnh tranh cho khách hàng chưa từng phát sinh vay, các gói vay linh hoạt lãi suất chỉ từ 0%/năm. Bên cạnh đó, TCBS hướng tới cạnh tranh thị phần vay ký quỹ bằng công nghệ, tinh chỉnh và nâng cấp hệ thống quản lý ký quỹ MarginX, xây dựng các mức lãi suất vay theo từng mã cổ phiếu, theo từng chân dung, nhóm khách hàng khác nhau, tích hợp được với nhiều hệ thống quản lý tài sản khác như trái phiếu, chứng chỉ quỹ, thay vì duy nhất sản phẩm cổ phiếu hiện nay, củng cố vị thế dẫn đầu thị trường của mảng kinh doanh cốt lõi.
- Kiên định cùng hướng đi không có nhân viên môi giới, Chương trình Giới thiệu khách hàng - iWealth Partner, Nền tảng đầu tư cộng đồng - iCopy sẽ tiếp tục được TCBS chú trọng tinh chỉnh chính sách, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa chiến lược sao chép đầu tư để các iWealth Partner/iTrader thực sự là những đối tác giới thiệu tiện ích, công cụ và tính năng nền tảng TCInvest uy tín và chuẩn mực tới hàng triệu khách hàng Việt Nam.
- Hệ thống đặt lệnh nhanh và ổn định: Hệ thống giao dịch được nâng cấp để đảm bảo tốc độ xử lý lệnh nhanh chóng và tính ổn định cao, giúp nhà đầu tư thực hiện giao dịch một cách mượt mà, ngay cả trong những thời điểm thị trường biến động mạnh.
- Áp dụng thuật toán - Algo đặt lệnh tối tân và kết nối API: Nhà đầu tư sẽ được tiếp cận với các thuật toán giao dịch tiên tiến, hỗ trợ tối ưu hóa chiến lược giao dịch. Đồng thời, hệ thống cung cấp khả năng kết nối API, cho phép nhà đầu tư tích hợp và tự động hóa giao dịch thông qua các nền tảng hoặc hệ thống riêng của họ.
- One-click research download tiện lợi: Chỉ với một cú nhấp chuột, nhà đầu tư có thể dễ dàng tải xuống các báo cáo phân tích chuyên sâu về hơn 250 công ty đang được theo dõi. Điều này giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp thông tin cần thiết để đưa ra quyết định đầu tư chính xác.



Mảng ngân hàng Đầu tư - Dẫn đầu thị trường tư vấn trái phiếu

Lấy chất lượng tư vấn làm trọng tâm

Năm 2025 đánh dấu bước tăng tốc mạnh mẽ của mảng Ngân hàng đầu tư tại TCBS trong bối cảnh thị trường vốn Việt Nam bước vào chu kỳ phục hồi rõ nét. Với năng lực tư vấn – thẩm định – cấu trúc giao dịch đã được kiểm chứng qua nhiều chu kỳ, TCBS tiếp tục củng cố vị thế tổ chức tư vấn phát hành số 1 thị trường, dẫn dắt cả về quy mô giao dịch, chất lượng triển khai và mức độ tin cậy đối với doanh nghiệp phát hành và nhà đầu tư.

Kết quả đạt được trong năm 2025 phản ánh rõ nét không chỉ ở giá trị tư vấn và doanh thu tăng trưởng mạnh, mà còn ở chất lượng danh mục giao dịch, niềm tin của nhà đầu tư và các ghi nhận uy tín từ thị trường, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng trung – dài hạn của TCBS.

Kiên định với chiến lược lấy chất lượng tư vấn và quản trị rủi ro làm trọng tâm, TCBS không chỉ đóng vai trò đơn vị thực hiện giao dịch, mà từng bước khẳng định vị thế đối tác chiến lược dài hạn của doanh nghiệp trong việc:

- Tối ưu hóa cấu trúc vốn
- Nâng cao tính minh bạch tài chính
- Và đồng hành triển khai các kế hoạch tăng trưởng bền vững

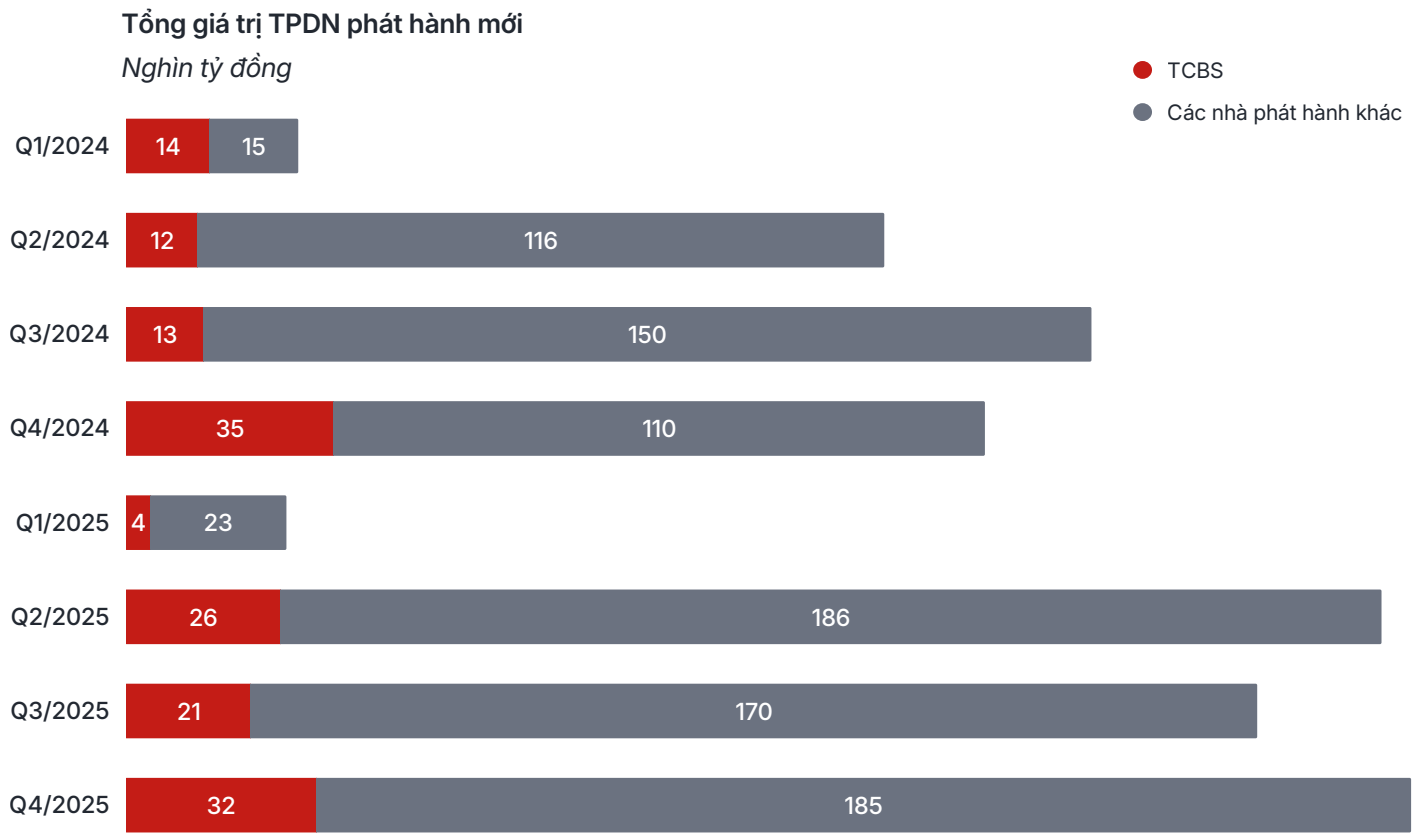
Bối cảnh thị trường thuận lợi tạo đà cho tăng trưởng

Năm 2025, kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng 8,02%, với động lực chính đến từ các ngành công nghiệp chế biến – chế tạo, bán buôn bán lẻ, xây dựng và vận tải. Đầu tư công tiếp tục đóng vai trò lan tỏa khi chi đầu tư phát triển đạt 755 nghìn tỷ đồng, tăng 43% so với cùng kỳ và đạt mức thực hiện cao so với kế hoạch. Các yếu tố vĩ mô tích cực này tạo điều kiện thuận lợi cho nhu cầu huy động vốn trung – dài hạn của doanh nghiệp, đồng thời cải thiện khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trên thị trường vốn.

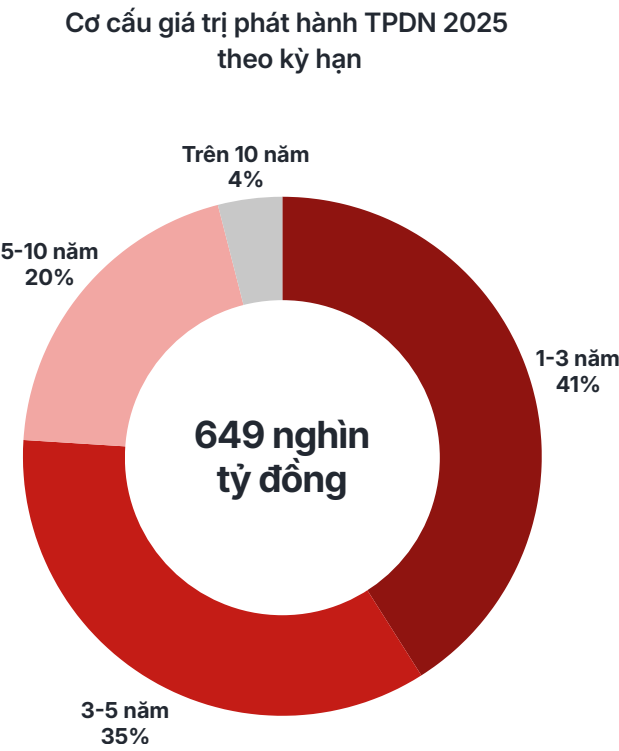
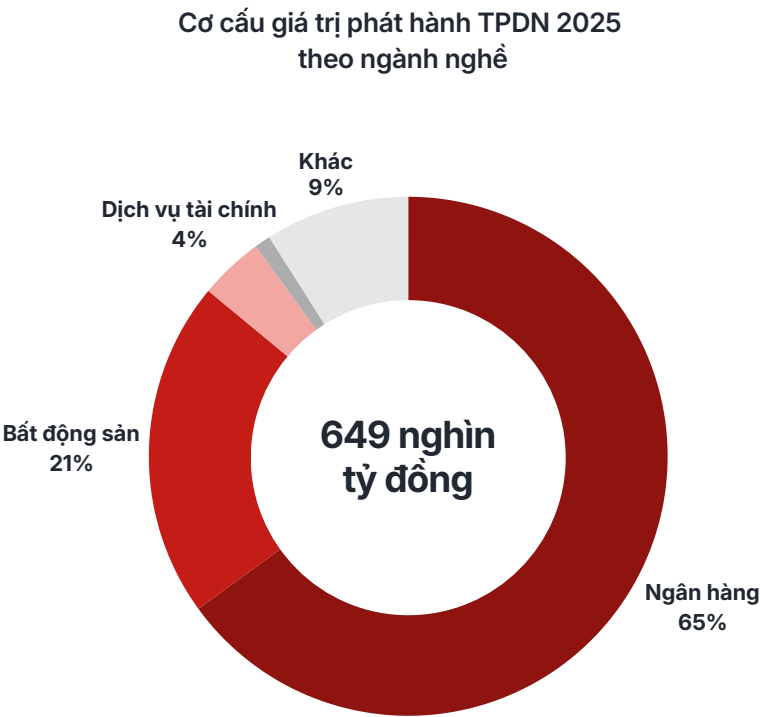
Trong năm 2025, thị trường ghi nhận 564 đợt phát hành với tổng giá trị 649 nghìn tỷ đồng, tăng 40% so với năm trước, trong đó phát hành riêng lẻ chiếm 92% tổng giá trị phát hành.

Về cơ cấu phát hành, nhóm ngân hàng và bất động sản tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn, phản ánh nhu cầu huy động vốn cao của các lĩnh vực này. Đồng thời, hơn 70% giá trị phát hành có kỳ hạn 1–5 năm, với mặt bằng lãi suất phổ biến trong khoảng 6%–12% tùy nhóm ngành – phản ánh mức độ rủi ro và kỳ vọng lợi suất của nhà đầu tư.

Năm 2025 được xem là thời điểm thị trường trái phiếu doanh nghiệp tái khởi động quỹ đạo tăng trưởng, nhờ sự kết hợp của (i) môi trường vĩ mô thuận lợi, (ii) khung pháp lý dần hoàn thiện và (iii) niềm tin thị trường cải thiện. Đây chính là nền tảng để các định chế có năng lực cấu trúc – quản trị rủi ro – phân phối như TCBS tăng tốc và mở rộng vai trò dẫn dắt.



Nguồn: HNX, VMBA, FiinPro, TCBS ước tính



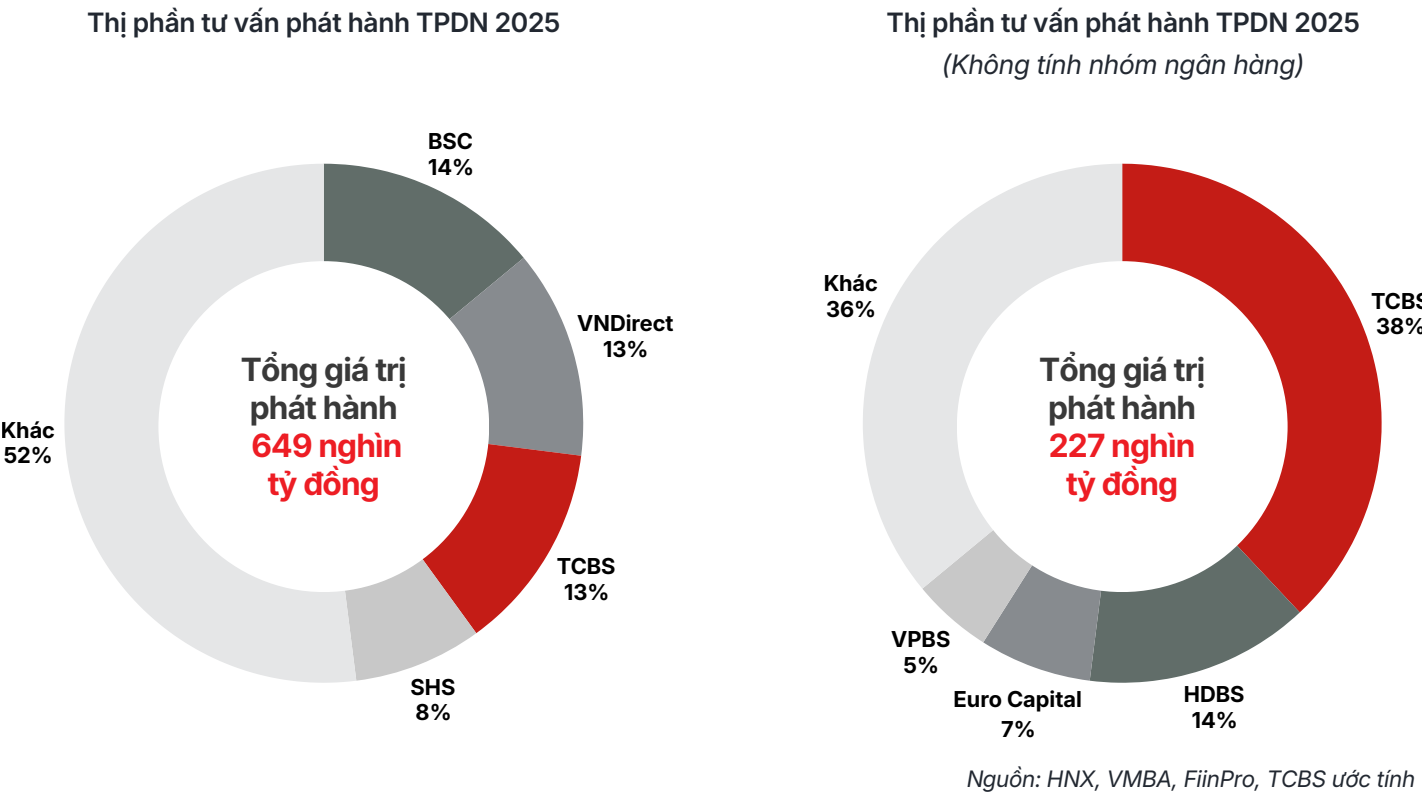
Nguồn: HNX, VMBA, FiinPro, TCBS ước tính

Tư vấn phát hành trái phiếu - DCM

Tăng trưởng vượt trội – đóng góp tích cực vào hiệu quả kinh doanh TCBS

Trong bối cảnh thị trường trái phiếu doanh nghiệp phục hồi mạnh, TCBS đã tận dụng hiệu quả nhu cầu huy động vốn trở lại của doanh nghiệp, đặc biệt ở nhóm phi ngân hàng. Mạng ngân hàng đầu tư ghi nhận thu nhập thuần năm 2025 đạt 2.018 tỷ đồng tăng 50% so với năm 2024 – mức tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm, qua đó trở thành một trong những động lực đóng góp quan trọng vào hiệu quả kinh doanh chung của TCBS.

Về thị phần, TCBS tiếp tục giữ vững vị trí số 1 thị trường tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp phi ngân hàng, với khoảng 38% thị phần, dẫn đầu thị trường 9 năm liên tiếp (2017–2025). Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng, TCBS vẫn duy trì vị thế trong nhóm dẫn đầu toàn thị trường phát hành, khẳng định lợi thế cạnh tranh bền vững so với các tổ chức cùng ngành.



Các giao dịch tư vấn phát hành nổi bật trong năm 2025

TCBS đã tham gia tư vấn và bảo lãnh thành công nhiều giao dịch quy mô lớn, đa dạng về ngành nghề và cấu trúc, tiêu biểu gồm:

Công ty Cổ phần Vinhomes
19.500 tỷ đồng

Với vai trò tổ chức bảo lãnh phát hành, TCBS đã hỗ trợ Công ty Cổ phần Vinhomes (“Vinhomes”) phát hành thành công 19.500 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ trong Quý 3 và Quý 4/2025. Nguồn vốn huy động được sử dụng nhằm cơ cấu lại các khoản nợ hiện hữu đầu tư cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp.

Vinhomes là thương hiệu bất động sản số 1 Việt Nam, phát triển các khu đô thị phức hợp trung và cao cấp tại những vị trí chiến lược trên toàn quốc. Doanh nghiệp hướng tới việc kiến tạo môi trường sống xanh, văn minh, hiện đại, được minh chứng qua nhiều dự án tiêu biểu như Vinhomes Ocean City, Vinhomes Smart City, và Vinhomes Grand Park v.v.

Công ty Cổ phần Sản xuất Và Kinh doanh VinFast
5.000 tỷ đồng

Công ty Cổ phần Sản xuất Và Kinh doanh VinFast (“VinFast”) đã phát hành riêng lẻ 5.000 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo đảm trong tháng 5/2025. Nguồn vốn huy động được sử dụng để đầu tư cho Tổ hợp Sản xuất Ô tô VinFast và/hoặc Nhà máy Ô tô Điện VinFast Hà Tĩnh.

Là thành viên của Tập đoàn Vingroup, VinFast theo đuổi mục tiêu trở thành hãng xe điện thông minh toàn cầu, đồng thời đặt nền móng cho ngành sản xuất ô tô – xe máy điện tại Việt Nam. Với triết lý “Khách hàng là trung tâm”, VinFast không ngừng sáng tạo nhằm mang đến sản phẩm chất lượng, giá cạnh tranh và dịch vụ vượt trội, góp phần thúc đẩy xu hướng xe điện và hướng tới tương lai xanh, bền vững.

Công ty Cổ phần Thời Đại Mới T&T
8.050 tỷ đồng

Năm 2025, Công ty Cổ phần Thời Đại Mới T&T (“T&T”) đã phát hành riêng lẻ 8.050 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp trong hai đợt, với các trái phiếu đều có tài sản bảo đảm và được ngân hàng TCB bảo lãnh thanh toán. Nguồn vốn huy động được dùng để tham gia hợp tác kinh doanh tại phần dự án chuyển nhượng của Khu đô thị Du lịch Lấn Biển Cần Giờ.

T&T là chủ đầu tư của nhiều dự án lớn như Dự án bất động sản hàng hiệu The Grand Hanoi, Dự án thành phần Khu đô thị Đông Anh và các dự án thuộc Khu đô thị Du lịch Lấn Biển Cần Giờ. Đợt phát hành thành công này cho thấy năng lực tài chính và khả năng triển khai dự án của T&T, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục mở rộng các dự án đô thị chiến lược trong thời gian tới.

Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long
1.292 tỷ đồng

Trong năm 2025, Công ty TNHH Mặt Trời Hạ Long (“Sun Hạ Long”) đã phát hành riêng lẻ 1.292 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp có tài sản bảo đảm, nhằm phục vụ cơ cấu nợ và thanh toán tiền thuê đất cho khu thương mại – dịch vụ thuộc Dự án Công viên Đại dương Hạ Long tại Quảng Ninh.

Là một đơn vị trong hệ sinh thái của Sun Group, Sun Hạ Long đang triển khai nhiều dự án quy mô lớn, góp phần nâng tầm Quảng Ninh trở thành điểm đến du lịch hàng đầu cả nước. Việc huy động thành công nguồn vốn này giúp doanh nghiệp tăng cường năng lực tài chính, nâng cao tính chủ động và đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án chiến lược.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Quốc tế THISO
2.200 tỷ đồng

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Quốc tế THISO (“THISO”) phát hành riêng lẻ 2.200 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm và được bảo lãnh thanh toán. Đây là đợt phát hành trái phiếu đầu tiên của doanh nghiệp kể từ khi thành lập năm 2021.

Là một thành viên quan trọng trong hệ sinh thái đa ngành của Tập đoàn Trường Hải, THISO tập trung phát triển mảng thương mại – dịch vụ và bán lẻ theo mô hình “Một điểm đến – Nhiều tiện ích”. Các dự án tiêu biểu của doanh nghiệp gồm Thiskyhall Sala, cao ốc văn phòng Thisofic và trung tâm thương mại THISO Sala.

Các giao dịch này không chỉ thể hiện năng lực triển khai các thương vụ quy mô lớn, mà còn phản ánh khả năng thiết kế cấu trúc phù hợp với khẩu vị nhà đầu tư và đặc thù từng doanh nghiệp, yếu tố tạo nên sự khác biệt của TCBS so với các đơn vị tư vấn khác trên thị trường.

Tư vấn phát hành cổ phiếu - ECM

Bước tiến chiến lược trong chu kỳ mới của thị trường chứng khoán

Bước sang năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam đi vào chu kỳ phát triển mới, được nâng đỡ bởi các yếu tố quan trọng như cải thiện khung pháp lý thị trường vốn và thông tin FTSE nâng hạng Việt Nam lên thị trường mới nổi. Trong bối cảnh đó, nhu cầu huy động vốn cổ phần, mở rộng vốn điều lệ, tăng tỷ lệ minh bạch và tiếp cận nhà đầu tư chiến lược được kỳ vọng cải thiện rõ rệt. Song song với DCM, mảng ECM của TCBS ghi nhận những dấu ấn quan trọng trong năm 2025:

Tư vấn thành công giao dịch niêm yết cổ phiếu TCX trên HOSE

TCBS đã ghi dấu ấn khi hoàn thành IPO và thành công niêm yết cổ phiếu TCX trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong một thời gian kỷ lục (trong chưa đầy 5 tháng), đưa vốn hóa thị trường đạt hơn 108.000 tỷ đồng (~4,2 tỷ USD) ngay trong phiên giao dịch đầu tiên. Đây là thương vụ thể hiện năng lực tư vấn tổng thể của TCBS từ chuẩn bị cấu trúc giao dịch, tư vấn hồ sơ, chiến lược định vị, đến phối hợp truyền thông thị trường.

Ký kết hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu ~240 tỷ đồng cho doanh nghiệp ngành dệt

Tháng 12/2025, TCBS ký kết hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu trị giá khoảng 240 tỷ đồng cho một doanh nghiệp trong ngành dệt, nhằm hỗ trợ huy động vốn từ nhà đầu tư chiến lược để mở rộng nhà máy và tăng vốn cho công ty con.

Những thương vụ này đặt nền móng cho việc mở rộng mảng ECM trong các năm tiếp theo, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái ngân hàng đầu tư toàn diện của TCBS.

Với sự kiện này, TCBS đã hiện thực hóa bước đi chiến lược trong việc tăng quy mô doanh nghiệp, mở ra cơ hội huy động vốn nhanh chóng, hiệu quả từ các nhà đầu tư lớn trong nước và quốc tế, tăng cường sự minh bạch, uy tín, từ đó thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai; đồng thời cũng khẳng định năng lực tư vấn của công ty so với các doanh nghiệp trong cùng ngành trên thị trường.

Thương vụ phản ánh xu hướng doanh nghiệp chủ động gia cố năng lực sản xuất và nền tảng tài chính để tận dụng cơ hội tăng trưởng ngành trong các năm tiếp theo.



Mảng phân phối trái phiếu - Trải nghiệm khách hàng xuất sắc

Sản phẩm vượt trội

Là công ty chứng khoán tiên phong trong việc phân phối các sản phẩm trái phiếu ra thị trường, TCBS đã chinh phục khách hàng với các sản phẩm ưu việt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu đầu tư của khách hàng. Ngoài các sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp thông thường, TCBS cũng đã giới thiệu tới khách hàng các sản phẩm trái phiếu có bảo lãnh của ngân hàng, nhằm phục vụ tệp khách hàng đặc biệt chú trọng đến yếu tố an toàn khi đầu tư trái phiếu. Bên cạnh đó, TCBS cũng có các sản phẩm duy nhất trên thị trường nhằm hỗ trợ khách hàng thanh khoản trái phiếu khi cần như nền tảng môi giới trái phiếu iConnect, giúp khách hàng rao bán trái phiếu một cách dễ dàng tới các nhà đầu tư khác.

Hệ thống xuất sắc

TCBS đảm bảo tiến độ triển khai hệ thống KRX theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán và VSD, đồng thời hoàn thành xuất sắc việc xây dựng và phát triển hệ thống đúng theo các tiêu chuẩn đề ra.

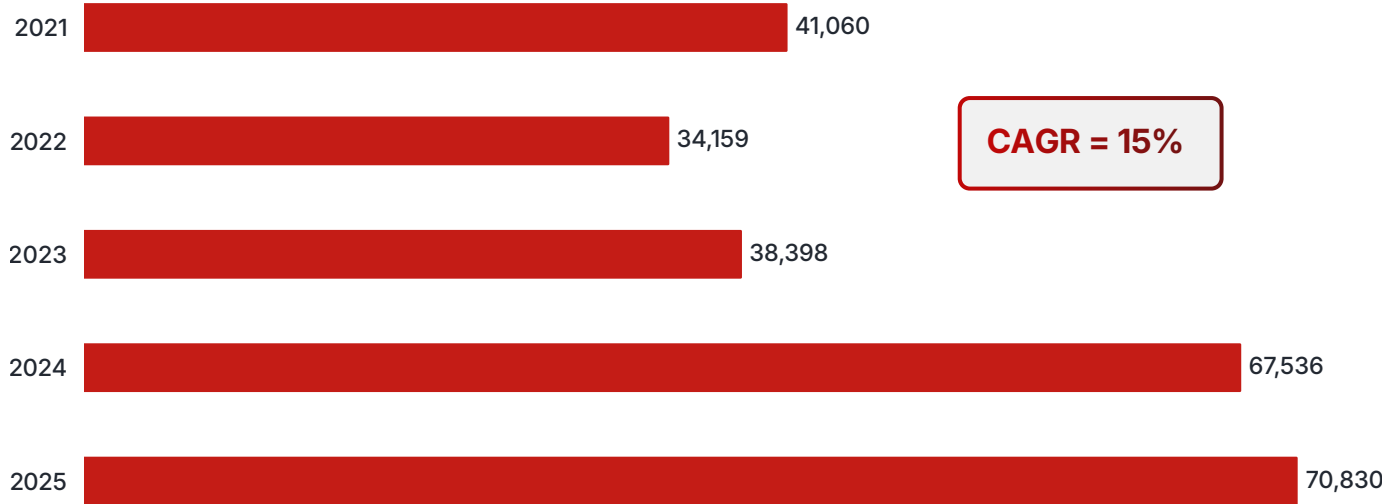
Trải nghiệm xuất sắc

Với mục tiêu mang đến cho Khách hàng trải nghiệm xuất sắc, TCBS mang đến cho khách hàng trải nghiệm 100% trực tuyến xuyên suốt hành trình đầu tư: Tìm hiểu và được tư vấn đầu tư cá nhân hóa; Giao dịch trái phiếu trực tuyến; Quản lý tài sản; Cập nhật thông tin đầu tư theo thời gian thực; Tính toán lãi lỗ dòng tiền trái phiếu và các dịch vụ liên quan khác.

Nhà môi giới trái phiếu xuất sắc

Tiếp nối thành công của 2024, năm 2025 TCBS phân phối thành công con số kỷ lục gần 71 nghìn tỷ trái phiếu doanh nghiệp – cao nhất trong các năm kể từ khi ra đời sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp iBond, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của thị trường trái phiếu trong năm 2025. Tiếp nối 2024, 2025 là năm phát triển mạnh mẽ của mảng trái phiếu bán lẻ của TCBS, bình quân 1 tháng TCBS phân phối được gần 6 nghìn tỷ trái phiếu, trong đó có những tháng kỷ lục đạt 8 nghìn tỷ (tháng 12/2025). Điều này cho thấy việc TCBS đã xây dựng được lòng tin với khách hàng cá nhân và là lựa chọn hàng đầu của nhà đầu tư khi nghĩ đến sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp.

Doanh số iBond qua các năm
Tỷ đồng



Mảng phân phối chứng chỉ Quỹ - Mở rộng nền tảng WealthTech

Đại lý phân phối tiêu biểu năm 2025

Năm 2025 ghi dấu bước phát triển vượt bậc của nền tảng Fundmart – hệ thống phân phối chứng chỉ quỹ trực tuyến của TCBS. Trong bối cảnh thị trường đầu tư quỹ mở Việt Nam tăng trưởng nhanh, TCBS tự hào được VSDC vinh danh là “Đại lý phân phối tiêu biểu năm 2025”. Fundmart đã khẳng định vị thế dẫn đầu với các thành tựu ấn tượng cả về quy mô phân phối, số lượng khách hàng lẫn tiên phong trong trải nghiệm đầu tư số.

Dẫn đầu thị trường phân phối quỹ mở nội địa

Trong năm 2025, TCBS tiếp tục giữ vững vị thế nhà phân phối chứng chỉ quỹ mở số một tại Việt Nam. Giá trị phân phối chứng chỉ quỹ qua Fundmart đạt hơn 23,300 tỷ đồng, tăng khoảng 25% so với năm 2024. Thành tích này củng cố vững chắc thị phần dẫn đầu của TCBS trong mảng quỹ mở. Fundmart hiện phân phối danh mục gồm 30 quỹ đầu tư uy tín từ nhiều công ty quản lý quỹ, chiếm gần 50% tổng giá trị tài sản ròng – Net Asset Value (NAV) của các quỹ nội địa trên thị trường. Các quỹ mở hàng đầu trong nước đang được kết nối đến nhà đầu tư thông qua nền tảng Fundmart. TCBS cũng được các tổ chức uy tín vinh danh là đơn vị phân phối quỹ tiêu biểu, khẳng định uy tín và năng lực dẫn đầu.

Đáng chú ý, Fundmart không chỉ dẫn đầu về tổng doanh số mà còn tăng trưởng nổi trội ở phân khúc quỹ cổ phiếu và cân bằng – những sản phẩm có tỷ trọng cổ phiếu cao. Doanh số từ các quỹ mở cổ phiếu và cân bằng nội địa trong năm 2025 tăng trưởng gần 300% giúp TCBS duy trì khoảng cách vượt trội so với các đối thủ trong phân khúc này. Điều này cho thấy thể mạnh tư vấn và phân phối của TCBS ngay cả ở các sản phẩm quỹ có độ biến động cao hơn, góp phần thay đổi thói quen đầu tư của khách hàng từ gửi tiết kiệm sang đầu tư dài hạn.

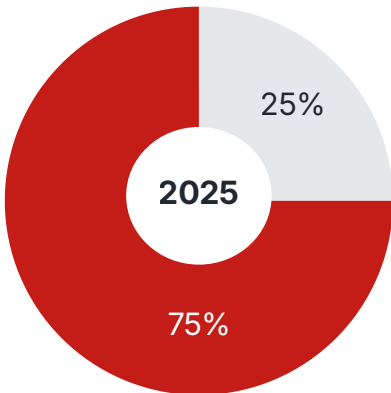
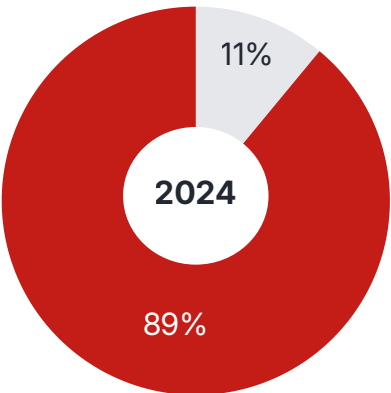
Tăng trưởng khách hàng và giao dịch vượt trội

Cùng với sự tăng trưởng về doanh số, cơ sở khách hàng và lượng giao dịch trên Fundmart đều tăng mạnh trong năm 2025. Fundmart thu hút thành công 23.000 khách hàng mới. Số lượng giao dịch mua/bán quỹ cũng tăng vọt, với tổng cộng hơn 50.000 khách hàng giao dịch – một con số thể hiện tính thanh khoản và sức hấp dẫn ngày càng cao của sản phẩm quỹ mở.

Cơ cấu phân bổ giá trị phân phối quỹ mở qua Fundmart năm 2025 theo loại hình quỹ. Nhóm quỹ cổ phiếu và cân bằng chiếm khoảng 25%, còn lại khoảng 75% thuộc về các quỹ trái phiếu. Cơ cấu này cho thấy nhà đầu tư vẫn ưa chuộng quỹ trái phiếu, song tỷ trọng dòng vốn vào quỹ cổ phiếu/cân bằng đang tăng lên so với các năm trước.

Tỷ trọng quỹ mở

- Quỹ Cân bằng & Cổ phiếu
- Quỹ Trái phiếu



Nguồn: TCBS

Bên cạnh quy mô khách hàng, mức độ tương tác và gắn kết của người dùng với nền tảng số cũng tăng mạnh. Việc ra mắt phiên bản Fundmart mới (tích hợp trên ứng dụng TCInvest) từ tháng 3/2025 với nhiều tính năng thông minh đã thúc đẩy lưu lượng truy cập và thời gian sử dụng. Fundmart ghi nhận có khoảng 560 nghìn lượt truy cập vào bảng giá Fundmart và hơn 3 triệu lượt tương tác với các tính năng trên nền tảng.

Toàn bộ giao dịch đều được thực hiện 100% trực tuyến và xuyên suốt liên mạch, cho thấy khách hàng đã quen thuộc và tin tưởng kênh số trong hành trình đầu tư quỹ. Những con số ấn tượng này phản ánh sức hút ngày càng lớn của Fundmart, khi nền tảng số hóa mang đến trải nghiệm thuận tiện, minh bạch và hiệu quả cho nhà đầu tư.

Song hành với sự tăng trưởng quy mô, hiệu quả đầu tư của các quỹ mở phân phối qua Fundmart trong năm 2025 cũng rất tích cực. Đặc biệt, một số quỹ cổ phiếu đã trở thành điểm sáng về hiệu quả, giúp nhà đầu tư gia tăng tài sản đáng kể. Ví dụ như Quỹ đầu tư Cổ phiếu Bất động sản Techcom - TCRES), Quỹ đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom (TCFIN) – thành lập năm 2022 do Techcom Capital quản lý đã chứng minh sức hấp dẫn của danh mục cổ phiếu chọn lọc. Có thể nói, hiệu quả xuất sắc của các quỹ phân phối qua Fundmart trong năm qua đã củng cố niềm tin của khách hàng, khuyến khích nhà đầu tư mạnh dạn tham gia đầu tư dài hạn thông qua các sản phẩm quỹ mở.

Fundmart trong chiến lược quản lý gia sản của TCBS

Fundmart không chỉ là một kênh phân phối quỹ, mà còn được định vị như một trụ cột chiến lược trong hệ sinh thái quản lý gia sản - Wealth Management của TCBS. Nền tảng này đóng vai trò như người đồng hành dài hạn với nhà đầu tư, giúp đưa chuẩn mực quản lý tài sản chuyên nghiệp đến gần hơn với công chúng. Thông qua Fundmart, TCBS từng bước hiện thực hóa mục tiêu “phổ cập hóa” đầu tư chuyên nghiệp tại Việt Nam, thu hẹp khoảng cách giữa nhà đầu tư cá nhân và các chuẩn mực đầu tư tại những thị trường phát triển.

Vai trò của Fundmart thể hiện qua hai giải pháp trọng tâm

Đầu tư định kỳ: Fundmart khuyến khích nhà đầu tư tích lũy tài sản một cách kỷ luật thông qua các chương trình đầu tư định kỳ. Hình thức đầu tư định kỳ này giúp giảm thiểu rủi ro thị trường và xây dựng tài sản dài hạn một cách bền vững. Số lượng tài khoản đầu tư định kỳ - SIP gia tăng mạnh mẽ, phản ánh xu hướng nhà đầu tư Việt Nam chú trọng tích lũy tài sản đều đặn thay vì giao dịch ngắn hạn. Năm 2025, số lượng khách hàng tham gia đầu tư định kỳ tăng đáng kể gần gấp 2 lần so với năm trước.

Trải nghiệm khách hàng số cá nhân hóa: Fundmart tập trung xây dựng trải nghiệm đầu tư trực tuyến liên mạch và được cá nhân hóa cao độ. Nền tảng tích hợp ngay trong ứng dụng TCInvest, cho phép khách hàng tạo kế hoạch và thực hiện kế hoạch đầu tư vào chứng chỉ quỹ mọi lúc mọi nơi một cách thuận tiện. Đáng chú ý, Fundmart tiên phong trên thị trường với loạt tính năng thông minh hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định.

Các tính năng hỗ trợ đầu tư nổi bật của Fundmart

- Quỹ gợi ý với các gợi ý xu hướng thị trường cho nhà đầu tư
- Kiểm thử: Đa dạng với kiểm thử áp lực, kiểm thử chiến lược và kiểm thử tín hiệu mua, so sánh trực quan cơ hội, sự kiện tiêu cực, chiến lược đầu tư. Giúp nhà đầu tư thử nghiệm độ bền danh mục trước biến động, so sánh hiệu quả giữa đầu tư một lần và định kỳ, cũng như xác định thời điểm giải ngân tối ưu dựa trên dữ liệu lịch sử.
- So sánh: Hiệu quả hoạt động và các chỉ số quan trọng của quỹ giữa các quỹ, các chỉ số, với đa dạng khung thời gian tùy chỉnh.
- Gợi ý quỹ riêng: Thông qua việc ứng dụng công nghệ và thuật toán, Fundmart đề xuất danh sách quỹ phù hợp riêng cho từng nhà đầu tư, “may đo” theo khẩu vị rủi ro và hành vi giao dịch. Đề xuất 3 quỹ phù hợp với chân dung khách hàng.
- Mô phỏng lợi nhuận đầu tư: Mô phỏng tăng trưởng lợi nhuận trong tương lai với các kịch bản Tích cực, Cơ bản & Tiêu cực.
- Fundmart còn có bảng xếp hạng quỹ theo nhiều tiêu chí, bộ lọc thông minh, danh mục quan tâm và nhiều tiện ích khác nhằm cá nhân hóa trải nghiệm cho từng khách hàng.

Chính nhờ những tính năng vượt trội này, Fundmart đã thực sự dẫn dắt trọn vẹn hành trình đầu tư quỹ cho nhà đầu tư – từ khâu tìm hiểu kiến thức, lựa chọn sản phẩm, ra quyết định giao dịch cho đến theo dõi và tối ưu danh mục – tất cả trên môi trường số hiện đại.

Fundmart tiếp tục được định vị như một mảnh ghép quan trọng trong hành trình nâng tầm quản lý gia sản tại Việt Nam. Với việc liên tục mở rộng danh mục sản phẩm quỹ, tối ưu trải nghiệm và các nhân hóa gợi ý đầu tư. Fundmart không chỉ là nền tảng giao dịch quỹ mà còn là người bạn đồng hành giúp nhà đầu tư tiếp cận thị trường quỹ một cách chuyên nghiệp, hiệu quả và bền vững.

Định hướng 2026

TCBS định hướng phát triển Fundmart theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu: mở rộng quy mô sản phẩm và khách hàng, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ và công nghệ. Với nền tảng đã xây dựng vững chắc trong năm 2025, Fundmart được kỳ vọng sẽ tiếp tục lập trở thành biểu tượng của sự đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực WealthTech, đem lại giá trị bền vững cho khách hàng và cổ đông của Techcom Securities, góp phần quan trọng vào hành trình nâng tầm quản lý gia sản của TCBS.



Mảng quản lý nguồn vốn - Tối ưu hiệu quả sử dụng vốn

Củng cố nền tảng tài chính

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục duy trì trạng thái hồi phục nhưng tăng trưởng còn phân hóa do các yếu tố như chính sách tiền tệ thận trọng, xung đột chính trị và áp lực lạm phát tại nhiều khu vực. Thị trường tài chính toàn cầu trải qua những biến động mạnh theo kỳ vọng cắt giảm lãi suất của các ngân hàng trung ương lớn. Trong nước, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 hồi phục mạnh mẽ nhờ dòng vốn nội – ngoại tích cực, hoạt động IPO sôi động và thanh khoản cải thiện rõ rệt.

Điều này phản ánh qua tăng trưởng tín dụng margin, giao dịch cổ phiếu và sự mở rộng quy mô của các tổ chức trung gian. Trong bối cảnh đó, mảng Quản lý nguồn vốn của TCBS tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu, duy trì thanh khoản dồi dào, đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán và tối ưu hóa việc sử dụng vốn để hỗ trợ tăng trưởng của toàn công ty.

Tài sản

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng
490%
tăng 29% so với năm 2024

TCBS tiếp tục vận hành hệ thống quản trị rủi ro theo Thông tư 121/2020/TT-BTC và duy trì ngưỡng quản trị nội bộ thận trọng hơn so với quy định của Luật. Tỷ lệ an toàn vốn của TCBS tại 31/12/2025 duy trì ở mức 490% - cao hơn mức 260% theo yêu cầu của Luật Chứng khoán và tăng 29% so với chỉ số tại cuối năm 2024, thể hiện nền tảng tài chính vững chắc.

Tổng tài sản TCBS đạt 80.632 tỷ đồng, tăng 51% - mức tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ năm 2024. Tài sản ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo, đảm bảo mức thanh khoản vượt trội, chiếm 95% tổng danh mục, trong đó số dư tiền gửi tại 31/12/2025 ghi nhận hơn 3.108 tỷ, tăng 8.5% so với thời điểm 31/12/2024, sẵn sàng

đảm bảo khả năng thanh khoản cho hoạt động kinh doanh của TCBS. Danh mục tài sản tài chính của TCBS năm 2025 tiếp tục ưu tiên trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính phủ và các tài sản tài chính có tính thanh khoản cao khác gồm chứng chỉ quỹ, cổ phiếu phục vụ kinh doanh vốn. Danh mục trái phiếu mà TCBS nắm giữ đến cuối năm 2025 đạt gần 23.300 tỷ đồng. TCBS vẫn giữ vị thế Top 1 thị phần môi giới trái phiếu, chiếm khoản 38% tổng giá trị phát hành thị trường năm 2025. Dư nợ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán của khách hàng tăng trưởng mạnh, đạt 43.860 tỷ đồng tăng 69% so với cuối năm 2024 cho thấy biến động tích cực của thị trường cùng khả năng thanh khoản dồi dào của TCBS.

Nguồn vốn

Thỏa thuận cấp vốn
50 triệu USD
Từ DEG đầu năm 2026

Năm 2025 đã đánh dấu bước tăng trưởng vượt bậc và bền vững của TCBS trong việc duy trì nguồn vốn dồi dào. Đến 31/12/2025, vốn chủ sở hữu của TCBS đạt gần 44.100 tỷ đồng, tiếp tục duy trì vị thế là công ty chứng khoán có quy mô vốn chủ sở hữu cao nhất trong ngành. Quy mô vốn lớn giúp TCBS duy trì năng lực đàm phán các hạn mức tín dụng lớn trong và ngoài nước, đảm bảo nguồn vốn cạnh tranh và linh hoạt cho hoạt động kinh doanh. Cụ thể, tổng hạn mức tín dụng mà ngân hàng trong nước đang cấp cho TCBS tại thời điểm 31/12/2025 đạt hơn 24.000 tỷ đồng tín chấp cho thấy mức độ tín nhiệm cao của TCBS. Bên cạnh đó, việc duy trì tổng giá trị huy động vốn trên thị trường quốc tế hơn 300 triệu USD, không tài sản đảm bảo với quy mô lớn đã chứng tỏ vị thế và uy tín của TCBS trong mắt các định chế tài chính nước ngoài và

khẳng định niềm tin của các tổ chức quốc tế vào sự tăng trưởng bền vững dài hạn của TCBS nói riêng, cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung. Đặc biệt, đầu năm 2026, TCBS và DEG – tổ chức tài chính phát triển thuộc Ngân hàng Tái thiết Đức - KfW – đã ký kết thỏa thuận hợp tác thu xếp nguồn vốn trị giá tối đa 50 triệu USD. Khoản vay không tài sản đảm bảo này thể hiện DEG đánh giá cao năng lực quản trị rủi ro, định hướng phát triển bền vững và mức độ tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường – xã hội (E&S) của TCBS. Việc hợp tác với DEG giúp TCBS củng cố vai trò tiên phong trong tài chính bền vững tại Việt Nam, tạo nền tảng thúc đẩy các sáng kiến ESG và trái phiếu xanh trong tương lai, đồng thời nâng cao tính bền vững và khả năng chống chịu của thị trường vốn Việt Nam.



Dấu ấn Wealthtech

Năm 2025 tiếp tục thể hiện rõ nét năng lực tự chủ công nghệ của TCBS thông qua việc phát triển và nâng cấp hàng loạt nền tảng giao dịch, mở rộng sản phẩm đầu tư số và tăng cường trải nghiệm khách hàng dựa trên dữ liệu và tự động hóa. Trong năm, TCBS đã vận hành hơn 1.350 dự án công nghệ, thể hiện rõ năng lực triển khai mạnh mẽ, tốc độ đổi mới cao và khả năng thích ứng nhanh với nhu cầu thị trường. Những thành quả đạt được không chỉ phản ánh năng lực kỹ thuật của đội ngũ mà còn cho thấy công nghệ đã trở thành một phần không thể tách rời trong chiến lược phát triển kinh doanh của TCBS.

Các dự án nổi bật năm 2025

Triển khai Core giao dịch chứng khoán kết nối với hệ thống KRX của HOSE

Giới thiệu:

Trong năm 2025, TCBS đã hoàn thành việc triển khai hệ thống core giao dịch chứng khoán tương thích với nền tảng KRX. Đây là một dự án có ý nghĩa quan trọng đối với hạ tầng giao dịch của công ty, được thực hiện hoàn toàn bởi đội ngũ kỹ thuật nội bộ. Dự án không chỉ nhằm đáp ứng chuẩn kết nối mới của thị trường mà còn tận dụng cơ hội để nâng cấp kiến trúc hệ thống, cải thiện hiệu năng xử lý giao dịch và chuẩn bị nền tảng cho các sản phẩm đầu tư thế hệ tiếp theo.

Giá trị mang lại:

Đối với khách hàng, việc nâng cấp này mang lại trải nghiệm giao dịch nhanh hơn, ổn định hơn và giảm thiểu rủi ro gián đoạn trong những thời điểm thị trường biến động mạnh. Đối với TCBS, dự án giúp củng cố năng lực công nghệ lõi, tăng khả năng cạnh tranh và tạo nền tảng vững chắc để phát triển các sản phẩm tài chính mới trong tương lai.

Kết quả:

Sau khi được đưa vào vận hành, hệ thống đã hoạt động ổn định ngay cả trong những phiên giao dịch có thanh khoản cao. Tốc độ xử lý lệnh được cải thiện đáng kể, độ trễ giảm rõ rệt và khả năng chịu tải của nền tảng tăng lên so với hệ thống trước đây. Ngoài ra, nền tảng mới cũng sẵn sàng hỗ trợ các sản phẩm giao dịch nâng cao như giao dịch trong ngày (intraday trading) và các dịch vụ dành cho khách hàng tổ chức.

Hệ thống phát hành và giao dịch chứng quyền

Giới thiệu:

Hệ thống phát hành và giao dịch chứng quyền do TCBS tự thiết kế và phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường sản phẩm phái sinh có cấu trúc. Việc lựa chọn tự xây dựng hệ thống xuất phát từ nhu cầu kiểm soát hiệu năng, đảm bảo tính linh hoạt trong xử lý mô hình định giá và khả năng điều chỉnh nhanh chóng theo diễn biến thị trường.

Giá trị mang lại:

Điều này góp phần gia tăng thanh khoản trên thị trường chứng quyền, giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận sản phẩm tài chính này. Về phía TCBS, việc tự chủ hệ thống giúp tối ưu chi phí dài hạn, điều này tạo tiền đề cho việc phát triển thêm các sản phẩm tài chính cấu trúc trong tương lai.

Kết quả:

Hệ thống vận hành tự động và ổn định, góp phần quan trọng để TCBS thực hiện 3 đợt phát hành trong năm 2025, với tổng cộng 30 mã chứng quyền.

TCEX – Nền tảng giao dịch tài sản số

Giới thiệu:

Nhằm chuẩn bị cho xu hướng tài chính số hóa và token hóa tài sản, TCBS đã triển khai nền tảng TCEX như một bước chuẩn bị chiến lược dài hạn. Dự án tập trung xây dựng hạ tầng giao dịch tài sản số, cơ chế lưu ký và các mô hình quản lý rủi ro phù hợp với chuẩn bảo mật cao của ngành tài chính.

Giá trị mang lại:

Về phía khách hàng, nền tảng này mở ra cơ hội tiếp cận các lớp tài sản mới với mức độ minh bạch và thuận tiện cao hơn trong tương lai. Đối với TCBS, TCEX giúp duy trì vị thế tiên phong công nghệ, chuẩn bị hạ tầng cho các xu hướng tài chính mới và mở ra các cơ hội kinh doanh dài hạn.

Kết quả:

Việc phát triển nền tảng này đã giúp đội ngũ kỹ thuật tích lũy thêm kinh nghiệm về hạ tầng blockchain (blockchain infrastructure), giải pháp lưu ký (custody solution) và mô hình giao dịch tài sản số (digital asset trading architecture). Đồng thời, TCBS cũng sẵn sàng tham gia các chương trình thử nghiệm khi khung pháp lý cho phép.

Hệ thống Quản lý giá chào bán trái phiếu

Giới thiệu:

Dự án xây dựng hệ thống quản lý giá và ưu đãi trên nền tảng giao dịch trái phiếu, cho phép bộ phận kinh doanh thiết lập các chiến dịch giá riêng biệt áp dụng cho từng nhóm khách hàng cụ thể, tự động phân phối ưu đãi loyalty và voucher theo quy tắc linh hoạt. Khách hàng không chỉ thấy được các sản phẩm ưu đãi phù hợp, mà đồng thời có thể xem chi tiết ưu đãi khi đặt lệnh, giúp tăng tính cá nhân hóa và hiệu quả vận hành.

Giá trị mang lại:

Hệ thống giúp tăng khả năng cá nhân hóa chính sách giá, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút khách hàng mục tiêu. Tối ưu hóa vận hành nhờ tự động hóa quản lý ưu đãi và hạn mức theo chiến dịch. Về phía nhà đầu tư, khách hàng được hưởng ưu đãi giá và voucher trong các chiến dịch phù hợp theo nhóm khách hàng của mình. Với bảng giá minh bạch, khách hàng dễ dàng theo dõi chính xác ưu đãi áp dụng.

Kết quả:

Triển khai thành công vào Q2/2025.

Sản phẩm IPO trực tuyến trên nền tảng TCInvest

Giới thiệu:

Năm 2025 đánh dấu cột mốc quan trọng của TCBS với việc phát hành và niêm yết cổ phiếu TCX trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM. Nhằm nâng cao tính minh bạch và tối ưu trải nghiệm nhà đầu tư, TCBS đã triển khai sản phẩm IPO trực tuyến trên nền tảng TCInvest, cho phép nhà đầu tư tiếp cận thông tin đầy đủ và thực hiện giao dịch một cách nhanh chóng, thuận tiện.

Giá trị mang lại:

Giải pháp giúp nhà đầu tư tiếp cận thông tin doanh nghiệp và cổ phiếu một cách minh bạch, đầy đủ, đồng thời nâng cao tốc độ và sự thuận tiện trong quá trình giao dịch. Đối với TCBS, sản phẩm không chỉ góp phần đảm bảo thành công của đợt IPO TCX mà còn tạo nền tảng để mở rộng dịch vụ hỗ trợ IPO cho các doanh nghiệp khác trong tương lai.

Kết quả:

Sản phẩm IPO trực tuyến đã tiếp cận gần 26.000 nhà đầu tư với hàng nghìn giao dịch đặt mua, đóng góp đáng kể vào thành công chung của đợt IPO TCBS.

Sản phẩm Mập Chatbot

Giới thiệu:

Mập thông thái là trợ lý đầu tư thông minh được phát triển bởi TCBS, đóng vai trò là hạt nhân trong chiến lược ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng.

Giá trị mang lại:

Mập Thông Thái giúp chuyển hóa các dữ liệu rời rạc, phức tạp thành nội dung dễ hiểu, phù hợp với nhiều nhóm nhà đầu tư. Được xây dựng trên nguồn dữ liệu chính thống, đáng tin cậy và có sự đóng góp của đội ngũ chuyên gia tài chính hàng đầu TCBS, Mập Thông Thái khẳng định vai trò là trợ lý đầu tư thông minh, cá nhân hóa theo nhu cầu từng khách hàng và luôn sẵn sàng hỗ trợ 24/7. Sản phẩm tiếp tục củng cố vị thế dẫn đầu của TCBS trong ứng dụng AI nhằm mang đến trải nghiệm đầu tư thân thiện, nhanh chóng và chính xác cho người dùng.

Kết quả:

Mở rộng khả năng tiếp cận thông tin và hỗ trợ nhà đầu tư làm chủ chiến lược đầu tư.

Sản phẩm AI Studio

Giới thiệu:

Năm 2025, TCBS đã phát triển AI Studio (mã nội bộ: xStudio) – nền tảng AI đa tầng mang tính đột phá trong hệ sinh thái công nghệ của Công ty. AI Studio tích hợp và hợp nhất các mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Models – LLM) như ChatGPT, Gemini và Anthropic, đồng thời hỗ trợ các mô hình mã nguồn mở tự vận hành như Qwen và DeepSeek nhằm đáp ứng những tác vụ đòi hỏi mức độ bảo mật cao và khả năng xử lý tiếng Việt chính xác. Với định hướng ưu tiên phục vụ nhu cầu kinh doanh (business-first), tối ưu hóa trải nghiệm và khả năng làm việc của đội ngũ kỹ thuật (developer-foremost), các dịch vụ trên AI Studio được thiết kế để các đơn vị kinh doanh có thể dễ dàng thử nghiệm (playgrounds), đồng thời hỗ trợ đội ngũ công nghệ tích hợp nhanh chóng các giải pháp này vào hệ thống vận hành (API-ready, MCP-ready).

Giá trị mang lại:

Việc tự động hóa các quy trình xử lý dữ liệu, vận hành và xây dựng trợ lý AI giúp tiết kiệm hàng nghìn giờ công lao động mỗi năm, đồng thời trao quyền cho các đơn vị kinh doanh trong việc khai thác dữ liệu để đưa ra quyết định nhanh chóng, chính xác liên quan đến phát triển sản phẩm đầu tư, tối ưu trải nghiệm khách hàng và phân bổ nguồn lực hiệu quả. AI Studio là nền tảng cốt lõi giúp TCBS nâng cao hiệu quả vận hành, tăng tốc độ đổi mới và củng cố vững chắc vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực WealthTech.

Kết quả:

AI Studio giúp rút ngắn thời gian phát triển Chatbot và AI Agent từ vài tuần xuống chỉ còn vài phút. Các phòng ban có thể chủ động xây dựng trợ lý số phục vụ công việc hằng ngày mà không cần phụ thuộc sâu vào kỹ thuật. Đội ngũ công nghệ có thể truy cập và sử dụng các mô hình LLM thông qua một giao diện hợp nhất, không cần kết nối thủ công tới từng mô hình riêng lẻ. Các dịch vụ bổ trợ như Guardrails, OCR và nhiều công cụ AI khác được sử dụng rộng rãi, góp phần nâng cao đáng kể hiệu suất làm việc và thúc đẩy tốc độ chuyển đổi số toàn diện.



Sản phẩm xStream - Từ "Điểm mù" dữ liệu đến Giải pháp Real-time

Giới thiệu:

Trong giai đoạn trước đây, các hoạt động vận hành và chiến dịch tiếp thị thường gặp nhiều hạn chế do độ trễ dữ liệu kéo dài dẫn tới bỏ lỡ một số cơ hội tiếp cận khách hàng tiềm năng. Bên cạnh đó, hệ thống cũ tồn tại nhiều “điểm mù” trong hành vi người dùng khi không thể ghi nhận đầy đủ chuỗi thao tác trên ứng dụng, gây khó khăn trong việc hiểu rõ động lực và nhu cầu thực sự của khách hàng. Để giải quyết các thách thức này, xStream được phát triển như một giải pháp dữ liệu thời gian thực mang tính bước ngoặt, cho phép theo dõi chi tiết hành trình của từng khách hàng trên ứng dụng mỗi ngày, từ đó nâng cao đáng kể năng lực quản trị trải nghiệm và vận hành.

Giá trị mang lại:

Giải pháp xStream không chỉ khắc phục các hạn chế kỹ thuật mà còn tạo ra giá trị chiến lược dài hạn cho toàn bộ hệ thống vận hành và chăm sóc khách hàng:

- Chuyển đổi tư duy dữ liệu: xStream đánh dấu bước dịch chuyển quan trọng từ việc chỉ nắm bắt dữ liệu giao dịch quá khứ (“khách hàng đã mua gì”) sang thấu hiểu dữ liệu hành vi theo thời gian thực (“khách hàng đang làm gì”). Điều này giúp doanh nghiệp hiểu sâu sắc hơn về nhu cầu, ý định và động lực của người dùng.
- Tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng: Khả năng hỗ trợ tức thời đối với khách hàng ưu tiên, đặc biệt là nhóm Diamond/iPower, góp phần nâng cao mức độ hài lòng và củng cố lòng trung thành thông qua các tương tác chủ động, đúng thời điểm.
- Nền tảng cho cá nhân hóa trong tương lai: xStream tạo nền móng vững chắc để triển khai các chiến dịch thông báo và tiếp thị tốc độ cao, đảm bảo thông điệp được truyền tải “đúng người – đúng thời điểm – đúng ngữ cảnh”, từ đó tối đa hóa hiệu quả chuyển đổi và tăng giá trị vòng đời khách hàng.

Kết quả:

Việc ứng dụng xStream đã mang lại những cải thiện rõ rệt và hiệu quả cho toàn bộ hệ thống chăm sóc khách hàng và vận hành:

- Loại bỏ độ trễ dữ liệu: Hệ thống ghi nhận và xử lý hành vi khách hàng theo thời gian thực, chấm dứt hoàn toàn tình trạng báo cáo chậm so với diễn biến thị trường.
- Ứng dụng nổi bật cho Khách hàng Ưu tiên (PBS): xStream đã triển khai thành công cơ chế cảnh báo tức thời (instant alert) dành cho phân khúc khách hàng Diamond. Khi khách hàng đạt 90% hạn mức iPower hoặc xuất hiện biến động số dư lớn, hệ thống ngay lập tức ghi nhận và thông báo.
- Tăng cường khả năng hỗ trợ kịp thời: Các cảnh báo theo thời gian thực giúp đội ngũ chăm sóc khách hàng chủ động tiếp cận và hỗ trợ ngay tại thời điểm phát sinh nhu cầu, thay vì chờ đợi báo cáo định kỳ như trước đây.

Sản phẩm
virtualDA

Giới thiệu:

VirtualDA được phát triển như một trợ lý dữ liệu thông minh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, cho phép người dùng truy vấn và phân tích dữ liệu trực tiếp bằng ngôn ngữ tự nhiên. Thay vì phải viết các câu lệnh SQL phức tạp hoặc chờ đội ngũ phân tích dữ liệu hỗ trợ, người dùng chỉ cần đặt câu hỏi như trong một cuộc trò chuyện. Hệ thống sẽ tự động chuyển đổi yêu cầu thành truy vấn dữ liệu, tổng hợp thông tin và cung cấp kết quả dưới dạng số liệu, biểu đồ trực quan và các phân tích insight ngay lập tức.

Với VirtualDA, TCBS từng bước hiện thực hóa mục tiêu dân chủ hóa dữ liệu (data democratization), giúp mọi đơn vị trong tổ chức có thể khai thác sức mạnh của dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

Giá trị mang lại:

- Tăng năng suất đội ngũ phân tích dữ liệu: virtualDA giúp giảm tải các tác vụ truy xuất thủ công, giải phóng thời gian để Data Analyst tập trung hơn vào các phân tích chuyên sâu, gia tăng giá trị cho doanh nghiệp.
- Trao quyền cho người dùng nghiệp vụ: Công cụ giúp các đơn vị Kinh doanh làm quen với mô hình Phân tích dữ liệu tự phục vụ (Self-service Analytics), giảm phụ thuộc vào bộ phận kỹ thuật và thúc đẩy văn hóa “ra quyết định dựa trên dữ liệu” (Data-driven culture) trên toàn hệ thống.

Kết quả:

Ra mắt chính thức từ Quý IV/2025, VirtualDA đã nhanh chóng hoàn tất giai đoạn triển khai và được đưa vào sử dụng rộng rãi trong toàn hệ thống TCBS. Công cụ trở thành trợ lý đắc lực của đội ngũ Phân tích dữ liệu (Data Analyst) trong việc truy xuất và tổng hợp thông tin, giúp rút ngắn đáng kể thời gian thực hiện các yêu cầu dữ liệu. Đồng thời, VirtualDA cũng thu hút sự tham gia tích cực của các đơn vị Kinh doanh và Vận hành, khi ngày càng nhiều người dùng chủ động khai thác dữ liệu để phục vụ công việc hàng ngày.



Sản phẩm
ESG iAdvisor

Giới thiệu:

ESG iAdvisor là giải pháp AI trực tuyến do TCBS phát triển và phối hợp cùng Techcombank triển khai nhằm tự động hóa quá trình rà soát và đánh giá sơ bộ mức độ phù hợp của dự án với các tiêu chuẩn tín dụng xanh do Chính phủ ban hành. Hệ thống bao gồm hai nhóm tính năng cốt lõi:

- Lõi phân tích (Analysis Core): AI phân tích tài liệu dự án, tự động đối chiếu với bộ tiêu chí tại Quyết định 21/2025/QĐ-TTg, từ đó tạo báo cáo đánh giá tiềm năng dự án xanh một cách nhanh chóng và nhất quán.
- Trợ lý ảo ESG (Chatbot): Hoạt động 24/7, cung cấp kiến thức chuyên môn về ESG, giải đáp tức thời các câu hỏi liên quan đến tiêu chuẩn và quy định về tín dụng xanh.

Giá trị mang lại:

ESG iAdvisor đóng vai trò như công cụ hỗ trợ chuyên gia trong việc đưa ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn, đồng thời mở rộng khả năng phục vụ khi cho phép xử lý nhiều hồ sơ dự án hơn trong cùng một khoảng thời gian.

Giải pháp này kỳ vọng góp phần khẳng định vị thế tiên phong của Techcombank và TCBS trong cung cấp các giải pháp tài chính bền vững, hỗ trợ phát triển xanh, cũng như đón đầu các xu hướng pháp lý và gói vay ưu đãi 2% của Chính phủ dành cho các dự án xanh thuộc khu vực tư nhân đủ điều kiện theo Danh mục phân loại xanh (VN Taxonomy) theo Quyết định 21/2025/QĐ-TTg.

Những nền tảng công nghệ được xây dựng trong năm 2025 đã củng cố vững chắc hạ tầng đầu tư số của công ty, cùng với chiến lược ứng dụng AI vào phát triển công nghệ góp phần giữ vững vị thế tiên phong của TCBS trong lĩnh vực tài chính – công nghệ số, với sứ mệnh mang lại giá trị đầu tư bền vững cho khách hàng. Công ty đã triển khai nhiều sáng kiến đổi mới trên toàn hệ thống, trong đó nổi bật là bốn dịch vụ tiêu biểu ứng dụng AI và tự động hóa nâng cao, tạo ra tác động rõ rệt về hiệu quả vận hành, năng lực phân tích dữ liệu và tăng trưởng kinh doanh. Các giải pháp này không chỉ tối ưu quy trình nội bộ mà còn trực tiếp nâng cao trải nghiệm khách hàng, thúc đẩy ra quyết định dựa trên dữ liệu và củng cố vị thế tiên phong của TCBS trong lĩnh vực Wealthtech tại Việt Nam. Bước sang năm 2026, TCBS tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển công nghệ dựa trên năng lực tự chủ, đổi mới liên tục, đa dạng hoá sản phẩm đầu tư và tập trung vào trải nghiệm khách hàng.



Quan hệ nhà đầu tư

Thương vụ IPO TCBS
Best IPO 2025
FinanceAsia

Trong năm 2025, công tác quan hệ nhà đầu tư của TCBS ghi nhận nhiều kết quả nổi bật, gắn liền với sự kiện Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu ra công chúng. Thương vụ IPO của TCBS thu hút sự quan tâm mạnh mẽ của thị trường, với tổng lượng đăng ký mua đạt hơn 575 triệu cổ phiếu, gấp khoảng 2,5 lần khối lượng chào bán. Tổng giá trị huy động 10.800 tỷ đồng, đưa TCBS trở thành doanh nghiệp đầu tiên thực hiện thành công thương vụ IPO huy động được trên 10 nghìn tỷ trong năm 2025.

Mức độ quan tâm vượt trội của nhà đầu tư phản ánh niềm tin của thị trường đối với mô hình kinh doanh, năng lực thực thi và triển vọng tăng trưởng dài hạn của Công ty. Thương vụ IPO của TCBS được FinanceAsia vinh danh là “Best IPO 2025”, ghi nhận vai trò và tác động tích cực của giao dịch với thị trường vốn Việt Nam.

Việc niêm yết không chỉ đánh dấu một cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển, mà còn mở ra giai đoạn tăng trưởng mới, hướng tới mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả kinh doanh và gia tăng giá trị cho cổ đông trong trung và dài hạn.

Song song với hoạt động niêm yết, TCBS tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng quản trị công ty và minh bạch thông tin. Trong năm, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, đảm bảo quyền lợi và sự tham gia đầy đủ của các cổ đông. Các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư và uy tín của Công ty trên thị trường.

TCBS đặt mục tiêu
Chuẩn hóa
Quan hệ nhà đầu tư

Hoạt động kết nối và tương tác với nhà đầu tư được triển khai một cách chủ động và có hệ thống, nhằm gia tăng mức độ nhận diện câu chuyện cổ phiếu TCX và hỗ trợ thanh khoản giao dịch cổ phiếu. TCBS đã tham gia nhiều chương trình gặp gỡ và hội nghị nhà đầu tư trong nước và quốc tế, đặc biệt tại các trung tâm tài chính lớn như Singapore và Hong Kong, đồng thời duy trì trao đổi thường xuyên với cả nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân qua kênh email và livestream/gặp gỡ trực tiếp.

Sau khi chính thức niêm yết vào tháng 10/2025, TCBS đặt mục tiêu từ năm 2026 sẽ từng bước chuẩn hóa hoạt động quan hệ nhà đầu tư theo thông lệ quốc tế, trong đó dự kiến tổ chức tối thiểu tám cuộc họp công bố kết quả kinh doanh định kỳ hằng năm với sự tham gia của Ban Tổng Giám đốc.

Toàn bộ tài liệu và thông tin liên quan sẽ được công bố đầy đủ trên website của Công ty, đảm bảo khả năng tiếp cận đồng đều cho cộng đồng nhà đầu tư tại đường dẫn sau: <https://www.tcbs.com.vn/nha-dau-tu/>

Bên cạnh đó, bộ phận Quan hệ nhà đầu tư đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị nội bộ trong việc theo dõi, rà soát và xử lý các thông tin sai lệch liên quan đến TCBS trên các kênh truyền thông và mạng xã hội, qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông cũng như hình ảnh của Công ty trên thị trường vốn.

Kế hoạch 2026

Tóm tắt kinh tế vĩ mô 2026

Bước sang năm 2026, kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán được kỳ vọng tiếp tục duy trì xu hướng tích cực trên nền tảng vĩ mô ổn định và các cải cách mang tính cấu trúc đã được thiết lập từ năm 2025. Mục tiêu tăng trưởng cao trong giai đoạn tới, cùng với định hướng cải cách thể chế, thúc đẩy khu vực tư nhân và phát triển hạ tầng, được xem là các động lực quan trọng hỗ trợ tăng trưởng doanh nghiệp và củng cố niềm tin thị trường trong trung hạn.

Trên bình diện quốc tế, dù môi trường bên ngoài vẫn tiềm ẩn rủi ro từ địa chính trị và thương mại, áp lực lớn nhất được đánh giá đã qua. Xu hướng lạm phát hạ nhiệt tại nhiều nền kinh tế lớn mở ra dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ theo lộ trình, góp phần giảm áp lực lên tỷ giá và cải thiện dòng vốn tại các thị trường mới nổi. Trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp diễn, Việt Nam tiếp tục được đánh giá là điểm đến có vị thế thuận lợi trong khu vực.

Đối với thị trường chứng khoán, năm 2026 được xem là giai đoạn củng cố và lan tỏa các thành quả từ nâng hạng thị trường, hoàn thiện hạ tầng giao dịch và cải cách khung pháp lý. Động lực then chốt của thị trường được kỳ vọng đến từ tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp niêm yết, trong bối cảnh mặt bằng lãi suất duy trì ở mức hỗ trợ và hoạt động sản xuất – kinh doanh phục hồi đồng đều hơn. Tuy nhiên, thị trường nhiều khả năng tiếp tục vận động theo hướng phân hóa, với dòng tiền ưu tiên các doanh nghiệp có nền tảng tài chính vững, quản trị tốt và mô hình kinh doanh rõ ràng.

Tổng thể, triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam 2026 được đánh giá tích cực nhưng thận trọng. Trọng tâm của giai đoạn tới không còn nằm ở việc mở rộng điểm số, mà ở chất lượng tăng trưởng và khả năng duy trì lợi nhuận của doanh nghiệp, khi định hướng chính sách tiếp tục ưu tiên ổn định vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng. Trong bối cảnh lãi suất duy trì ở mức thấp hơn, thanh khoản thị trường cải thiện và đà phục hồi kinh tế diễn ra đồng đều hơn, thị trường có cơ sở để bước vào một giai đoạn phát triển bền vững hơn, tạo điều kiện cho dòng vốn tổ chức tham gia dài hạn.

Kế hoạch năm 2026: Tiếp tục lấy khách hàng và công nghệ làm trung tâm

Bước sang năm 2026, trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới sau nâng hạng và hoàn thiện hạ tầng giao dịch, Công ty xác định chiến lược trọng tâm là tăng trưởng có chọn lọc, dựa trên chất lượng khách hàng, chiều sâu sản phẩm và năng lực công nghệ, đồng thời phát huy lợi thế hệ sinh thái để tạo động lực tăng trưởng đồng bộ trên các mảng kinh doanh cốt lõi, cụ thể:

- Mở rộng hoạt động phát hành và phân phối trái phiếu doanh nghiệp, tận dụng dư địa phát triển của kênh trái phiếu trong bối cảnh Ngân hàng Nhà nước điều hành tín dụng theo hướng thận trọng hơn, qua đó gia tăng vai trò của kênh trái phiếu trong cung ứng vốn trung và dài hạn.
- Đẩy mạnh phân phối tài sản tài chính theo hướng đa dạng hóa và cá nhân hóa, phù hợp với khẩu vị rủi ro và mục tiêu đầu tư của từng phân khúc khách hàng. Một số sản phẩm tiêu biểu bao gồm Fundmart, các lựa chọn cá nhân hoá danh mục đầu tư tự động iTracker, chứng quyền - CW, tài sản số, vàng, P2P lending, quản lý quỹ và các sản phẩm cấu trúc.

- Duy trì tăng trưởng môi giới với chính sách zero fee và cho vay ký quỹ với các chính sách lãi suất cạnh tranh, gắn với quản trị rủi ro, tối ưu cấu trúc vốn và đảm bảo an toàn hệ thống trong các giai đoạn biến động của thị trường.
- Mở rộng quy mô khách hàng chất lượng cao thông qua việc khai thác sâu hệ sinh thái tài chính – ngân hàng – bảo hiểm, bao gồm Ngân hàng Techcombank, TechcomLife và TCGI thông qua các chương trình mở tài khoản 2-trong-1, 3-trong-1.
- Phát triển khách hàng tổ chức thông qua nâng cấp hạ tầng giao dịch, Algo trading, kết nối API, Darkpool cho giao dịch thỏa thuận bảo mật và phân tích chuyên sâu One Click Research, tăng cường năng lực phục vụ dòng vốn lớn trong và ngoài nước, đón đầu dòng vốn tổ chức sau nâng hạng.

Đối với công nghệ, TCBS tiếp tục duy trì định hướng tự chủ công nghệ đồng thời đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới nhằm nâng cao năng lực phát triển sản phẩm và vận hành hệ thống. Trọng tâm của giai đoạn tới là xây dựng nền tảng đầu tư thể hệ mới cùng với việc ứng dụng AI Agentic trong toàn bộ vòng đời phát triển và vận hành phần mềm.

CÁC MỤC TIÊU CÔNG NGHỆ TRỌNG ĐIỂM 2026



Khai thác toàn diện nền tảng giao dịch KRX
Năm 2026, TCBS tập trung khai thác sâu các khả năng của nền tảng KRX nhằm mở rộng sản phẩm giao dịch, tối ưu hiệu năng hệ thống và nâng cao dịch vụ cho nhà đầu tư tổ chức. Việc tận dụng nền tảng này giúp đa dạng hóa lựa chọn đầu tư, cải thiện trải nghiệm giao dịch và gia tăng thị phần của TCBS.



Tokenized Asset Platform
TCBS tiếp tục phát triển hạ tầng phát hành và giao dịch tài sản token hóa phù hợp với khung pháp lý trong tương lai. Nền tảng này giúp mở rộng danh mục sản phẩm đầu tư, tăng tính thanh khoản và minh bạch tài sản, đồng thời chuẩn bị cho xu hướng tài chính số hóa.



TC Wealth 2.0 – Nền tảng tư vấn đầu tư thể hệ mới
Nền tảng quản lý tài sản TC Wealth sẽ được nâng cấp với khả năng tích hợp dữ liệu đa nguồn, cá nhân hóa hành trình đầu tư và tối ưu quản lý danh mục. Qua đó giúp khách hàng có góc nhìn toàn diện hơn về tài sản, đồng thời hỗ trợ TCBS gia tăng tài sản quản lý và giá trị vòng đời khách hàng.



Cổng kết nối và phục vụ khách hàng tổ chức
Xây dựng cổng kết nối và hệ thống giao dịch chuyên biệt cho khách hàng tổ chức và nhà đầu tư nước ngoài, với cơ chế kết nối chuẩn hóa và logic nghiệp vụ phù hợp. Hệ thống giúp mở rộng khả năng kết nối với các tập khách hàng lớn, thu hút dòng giao dịch quy mô lớn và gia tăng thị phần, đồng thời thúc đẩy mảng tư vấn giao dịch và tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận cho TCBS.



AI Agentic cho phát triển và vận hành
Trong năm 2026, TCBS đẩy mạnh mô hình phát triển phần mềm dựa trên AI Agent (AI Agentic Software Development) nhằm nâng cao hiệu quả phát triển hệ thống, rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường và tăng độ ổn định của các nền tảng số, qua đó tạo nền tảng công nghệ vững chắc cho việc mở rộng quy mô và cải thiện trải nghiệm khách hàng.

C H Ư Ớ N G

04

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

88 Báo cáo Quản trị

100 Quản trị rủi ro - Nền tảng của tăng trưởng bền vững

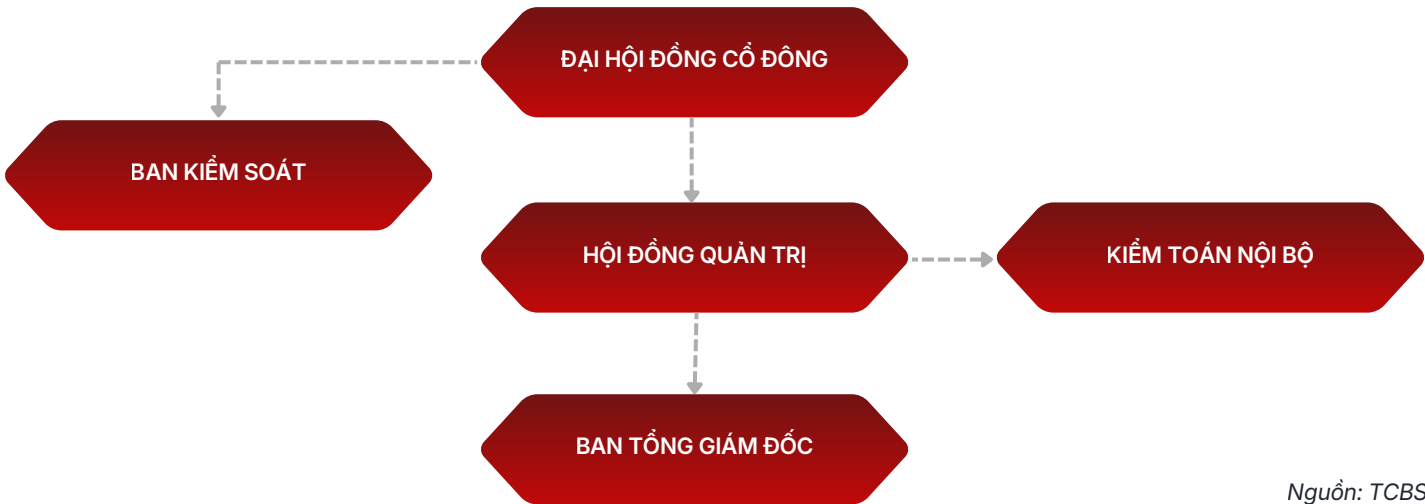


Báo cáo quản trị

Mô hình quản trị

Mô hình quản trị doanh nghiệp của TCBS đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế hiện đại với nguyên tắc minh bạch, hiệu quả và hướng đến phát triển bền vững. Hội đồng Quản trị của TCBS thể hiện sự đa dạng và độc lập, với sự tham gia của cả nam và nữ cùng thành viên HĐQT độc lập – đảm bảo quá trình ra quyết định khách quan và đa chiều.

Cơ cấu tổ chức của Techcom Securities theo như Điều Lệ của Công ty bao gồm:



Nguồn: TCBS

Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều Lệ, trong đó, ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

- Thông qua định hướng phát triển và các báo cáo tài chính hàng năm.
- Quyết định cổ tức, phát hành cổ phần và mua lại cổ phần.
- Bầu, miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS.
- Phê duyệt các hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn (>50% tổng tài sản).
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS và quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

Ban kiểm soát

BKS gồm ít nhất 3 thành viên, được ĐHĐCĐ bầu và miễn nhiệm, có nhiệm kỳ tối đa 5 năm. BKS có quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, trong đó bao gồm việc thực hiện giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình, tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ, được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Hội đồng Quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công Ty với các thành viên được bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm bởi ĐHĐCĐ, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT TCBS có 05 (năm) thành viên, trong đó có 01 (một) thành viên độc lập. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các Phó Tổng Giám đốc phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của HĐQT. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Kiểm toán nội bộ

Bộ phận KTNB – trực thuộc HĐQT của Công ty – đơn vị tham mưu, giúp việc cho HĐQT thông qua việc thực thi các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn để đưa ra các kiến nghị mang tính độc lập, khách quan. Định kỳ, Người phụ trách KTNB báo cáo HĐQT về mục đích, quyền hạn và trách nhiệm, cũng như hiệu suất của bộ phận KTNB liên quan đến kế hoạch của bộ phận. Báo cáo cũng bao gồm các vấn đề rủi ro và kiểm soát đáng kể, rủi ro gian lận, vấn đề quản trị và các vấn đề khác cần thiết hoặc theo yêu cầu của HĐQT.

Ngoài bộ phận KTNB, HĐQT không thành lập các tiểu ban giúp việc khác vì cấu trúc Công ty hiện nay đang được tổ chức theo hướng tích hợp các chức năng kiểm soát, quản trị rủi ro vào chính các Khối/Phòng ban để có thể linh hoạt giám sát hoặc tham gia trực tiếp ngay vào hoạt động vận hành.

Phân cấp trong quản trị và giám sát tác động ESG

Chủ tịch

Hội đồng Quản trị

Điều phối hoạt động của HĐQT, giám sát việc thực hiện chiến lược và đảm bảo tính hiệu quả của cơ chế quản trị (không tham gia vào hoạt động điều hành hàng ngày của Công ty).

Hội đồng Quản trị

Giám sát việc quản lý các tác động kinh tế, xã hội và môi trường từ hoạt động của công ty, định hướng tích hợp phát triển bền vững vào các quyết định. Báo cáo phát triển bền vững được xây dựng bởi Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị chức năng liên quan. Trong giai đoạn hiện tại, Hội đồng Quản trị chưa tham gia trực tiếp vào việc lập báo cáo và sẽ xem xét tăng cường vai trò này trong các kỳ báo cáo tiếp theo.

Ban Kiểm soát

Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ công ty, kiểm tra và giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Chịu trách nhiệm triển khai các sáng kiến ESG, báo cáo các vấn đề trọng yếu phát sinh và giám sát các đơn vị chức năng thực hiện trách nhiệm ESG, bao gồm:

- Quản trị rủi ro
- An ninh thông tin và công nghệ
- Quản lý nhân sự
- Các sản phẩm tài chính bền vững

Nhân sự chủ chốt

Giới thiệu Hội đồng Quản trị



(Ông) Nguyễn Xuân Minh, CFA
Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu: 4,05%

Học vấn: Thạc sỹ Tài chính ứng dụng và Đầu tư tại Úc. Thạc sỹ Kỹ thuật dầu khí tại Liên bang Nga.

Kinh nghiệm làm việc: Ông Minh có hơn 25 năm kinh nghiệm trong đầu tư và quản lý quỹ. Ông từng là CEO của Vietnam Asset Management Ltd. và Phó chủ tịch cao cấp của Franklin Templeton Investment tại Singapore. Ông cũng là thành viên HĐQT một số doanh nghiệp tại Việt Nam.

Các chức vụ nắm giữ khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
- Người đại diện của Công ty TNHH Quản lý tài sản Việt Nam - VAM
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Wealthtech Innovations
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Techcom - TCEX
- Tổng giám đốc kiêm Người đại diện Công ty TNHH MTV Công nghệ và Đầu tư Neon Chain
- Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện Công ty cổ phần công nghệ tài chính Fcapital



(Bà) Nguyễn Thị Dịu
Phó chủ tịch HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT

Tỷ lệ sở hữu: 0,00%

Học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc: Bà từng giữ vị trí Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần One Mount Group từ tháng 9 năm 2019. Ngoài ra, bà Dịu còn là Chủ tịch HĐQT của loạt doanh nghiệp thành viên trong hệ sinh thái One Mount Group và từ tháng 08 năm 2024 bà trở thành Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Masterise. Trước đó, bà Nguyễn Thị Dịu từng có 12 năm làm Giám đốc phụ trách nghiệp vụ của Ngân hàng JP Morgan VN (1996 - 2008), 5 năm làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Tư vấn tài chính đầu tư AFH (2008 - 2013) và 4 năm giữ chức Phó Tổng giám đốc Vingroup (2014 - 2018).

Các chức vụ nắm giữ khác:

- Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty Cổ phần One Mount Group
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Masterise



(Bà) Nguyễn Thị Thu Hiền
Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu: 0,5%

Học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng tại Úc.

Kinh nghiệm làm việc: Bà Hiền có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng. Bà từng giữ vị trí như Giám đốc trung tâm thị trường vốn – Khối nguồn vốn và thị trường Tài chính, ngân hàng Techcombank, Trợ lý phó chủ tịch, chuyên gia mảng thị trường nợ và các sản phẩm nguồn vốn tại Citibank Việt Nam, là thành viên chương trình TIGER cho các quốc gia châu Á của Citibank Singapore.

Các chức vụ nắm giữ khác:

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương
- Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
- Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Wealthtech Innovations
- Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật – Công ty TNHH MTV Tài chính và Công nghệ Astra
- Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần công nghệ tài chính Fcapital



(Ông) Lê Huy Hoàng
Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu: 0,00%

Học vấn: Thạc sĩ Khoa học Quản lý ĐH Glamorgan và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Tài chính ĐH Wales.

Kinh nghiệm làm việc: Ông từng đảm nhiệm các vị trí tại PwC và VietinBank – Chi nhánh Frankfurt; trước khi gia nhập ngân hàng Techcombank với vai trò Trưởng Bộ phận Quản lý rủi ro, ông hiện vẫn đang giữ chức Trưởng Bộ phận Quản trị & Giám sát Chính sách Quản trị rủi ro và Trưởng Bộ phận Quản trị rủi ro Thị trường & Rủi ro Thanh khoản tại ngân hàng này.

Chức vụ nắm giữ khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương



(Ông) Alexandre Charles Emmanuel Macaire
Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu: 0,00%

Học vấn: Thạc sĩ Toán học và Vật lý tại Trường École Polytechnique (Pháp).

Kinh nghiệm làm việc: Ông Alexandre Macaire hiện là Giám đốc Tài chính Tập đoàn (Group Chief Financial Officer) của Techcombank, phụ trách điều hành các hoạt động của Khối Tài chính và Kế hoạch. Trước đó, ông đã có 15 năm làm việc tại HSBC, đảm nhiệm nhiều vị trí cấp cao trong các lĩnh vực Ngân hàng Đầu tư, Quản lý Vốn và Tài chính. Ông từng giữ chức Giám đốc Tài chính mảng Ngân hàng Bán lẻ và Quản lý Tài sản (Wealth and Personal Banking) khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Trong vai trò này, ông đã góp phần mở rộng quy mô năng lực sản xuất và phân phối của các doanh nghiệp trên toàn khu vực, đồng thời phát triển các sản phẩm và kênh phân phối mới, đóng góp quan trọng vào tham vọng của HSBC trở thành đơn vị quản lý tài sản hàng đầu tại khu vực.

Chức vụ nắm giữ khác:

- Giám đốc tài chính tập đoàn (CFO) Ngân hàng Techcombank

Các thay đổi trong năm:

Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập				
STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành)	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 26/04/2023	Miễn nhiệm 25/09/2025

Giới thiệu Ban Tổng giám đốc



(BÀ) NGUYỄN THỊ THU HIỀN
Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu: 0,5%
Học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng tại Úc.
Bà Hiền có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng. Bà từng giữ vị trí như Giám đốc trung tâm thị trường vốn - Khối nguồn vốn và thị trường Tài chính, ngân hàng Techcombank. Trợ lý phó chủ tịch, chuyên gia mảng thị trường nợ và các sản phẩm nguồn vốn tại Citibank Việt Nam, là thành viên chương trình TIGER cho các quốc gia châu Á của Citibank Singapore.



(BÀ) BÙI THỊ THU HẰNG
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu: 0,0083%
Học vấn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng tại Học viện Tài chính.
Bà Hằng có 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng khoán và đầu tư. Bà từng giữ chức vụ Trưởng phòng quản lý giao dịch và thanh toán, phụ trách Phòng quản trị rủi ro và Trưởng sản giao dịch của Công ty chứng khoán MB.



(ÔNG) NGÔ HOÀNG HÀ
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu: 0,0139%
Học vấn: Thạc sỹ Kinh doanh tại trường Đại Học Sydney, Úc và là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc. Ông Hà có 15 năm đồng hành cùng Techcombank và Techcom Securities, nơi ông Hà đã ghi nhiều dấu ấn với những thành tích xuất sắc cũng như những vị trí lãnh đạo cấp cao tại khối Tài chính, bao gồm: Phó Giám đốc khối Tài chính, Giám đốc cao cấp tài chính doanh nghiệp. Trước khi gia nhập Techcombank, ông Hà có 8 năm kinh nghiệm làm việc tại PwC Vietnam và 2 năm tại PwC London, chuyên về mảng ngân hàng tài chính.



(BÀ) PHẠM DIỆU LINH
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu: 0,0228%
Học vấn: Thạc sỹ Tài Chính tại Pháp. Với hơn 16 năm cống hiến tại Techcombank và TCBS bà Linh có am hiểu sâu sắc về thị trường tài chính và thị trường chứng khoán. Tại TCBS, bà đã đảm nhiệm nhiều vị trí điều hành trong các mảng tư vấn tài chính, tham gia vào các giao dịch tư vấn phát hành và tư vấn niêm yết lớn có quy mô lớn trên thị trường; thiết lập mối quan hệ với các khách hàng định chế và khách hàng tổ chức; quản lý hoạt động tự doanh trái phiếu, quản lý danh mục và quản trị rủi ro.



(BÀ) TRẦN THỊ THU TRANG
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu: 0,0130%
Học vấn: Cử nhân Học viện Tài chính Hà Nội.
Bà Trang có hơn 16 năm đồng hành cùng với Techcombank và TCBS từ những ngày đầu thành lập cho tới vị trí là Công ty chứng khoán có thị phần số 1 trên thị trường trái phiếu hiện nay, bà Trang đã dẫn dắt tư vấn phát hành thành công hơn 400.000 tỷ trái phiếu cho nhiều doanh nghiệp trong các lĩnh vực như bất động sản, FMCG, hạ tầng, giáo dục v.v. và góp phần tạo nguồn cung dồi dào cho thị trường trái phiếu bán lẻ. Bên cạnh đó, bà cũng là một thành viên đóng góp tích cực cho việc hoàn thiện khung pháp lý trong lĩnh vực chứng khoán nói chung và trái phiếu doanh nghiệp nói riêng.



(ÔNG) NGUYỄN TUẤN CƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu: 0,0074%
Học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng trường Paris I Pantheon Sorbonne và Paris II Pantheon Assas, Pháp.
Ông Cường có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng và Chứng khoán. Trước khi làm việc tại TCBS, ông từng giữ vị trí Giám đốc Đầu tư và kinh doanh Nợ tại Techcombank, Giám đốc sản phẩm Cấu trúc của VNDIRECT và có nhiều năm làm việc tại Ngân hàng Societe Generale Corporate Investment Banking (SGCIB) tại Pháp.

Giới thiệu Ban Tổng giám đốc (tiếp)



(ÔNG) NGUYỄN ĐĂNG MINH
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu: 0,0114%
Học vấn: Thạc sỹ Khoa học Máy tính, Đại học Quốc gia Giao Thông, Đài Loan. Chứng chỉ Kiến trúc sư giải pháp Amazon Cloud Web Services lĩnh vực công nghệ thông tin. Ông Minh đã có gần 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ, trong đó có giai đoạn đảm nhiệm vai trò Trưởng nhóm, Giám đốc công nghệ và Giám đốc cao cấp công nghệ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương. Trước đó, ông từng là Kiến trúc sư giải pháp điện toán đám mây tại FPT Software.

Các thay đổi trong năm:

STT	Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc
1	Ông Nguyễn Đăng Minh	Thạc sỹ Khoa học máy tính	Bổ nhiệm: 01/02/2025
2	Bà Nguyễn Thị Hoat	Cử nhân Kế toán kiểm toán	Bổ nhiệm: 05/11/2021 Miễn nhiệm: 01/02/2025



(BÀ) PHẠM THÚY VÂN
Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu: 0,0002%
Học vấn: Cử nhân Kế toán Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam. Bà Vân có hơn 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng và Chứng khoán. Trước khi làm việc tại TCBS, bà từng giữ vị trí Giám đốc Quản trị Hiệu quả hoạt động tại Techcombank và 6 năm kinh nghiệm làm việc Deloitte Việt Nam.

Giới thiệu Ban Kiểm soát

(Ông) Đặng Văn Khải
Trưởng Ban kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu: 0,006%
Học vấn: Thạc sĩ kế toán quốc tế tại Úc
Kinh nghiệm làm việc: Từ năm 2000 đến năm 2013, ông đảm nhiệm nhiều vị trí tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, bắt đầu với vai trò Kiểm toán viên và sau đó được bổ nhiệm lên vị trí Giám đốc Kiểm toán. Từ năm 2013, ông giữ chức vụ Trưởng Kiểm toán nội bộ tại Techcombank. Bên cạnh đó, từ tháng 5/2018 đến nay, ông là Trưởng Ban Kiểm soát tại TCBS. Từ năm 2019, ông đồng thời đảm nhận vai trò Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

(Bà) Hoàng Thị Kim Cúc
Thành viên Ban kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu: 0,0002%
Học vấn: Cử nhân – Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và Học viện Ngân hàng
Kinh nghiệm làm việc: Từ 2006 đến 2014, bà giữ chức Phó Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Trợ lý HĐQT Ngân hàng Techcombank. Từ năm 2015 đến nay, bà là Giám đốc vận hành và Quản lý cao cấp vận hành tại TCBS. Bà đồng thời là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Quản lý Quỹ Kỹ Thương từ năm 2019 và Thành viên Ban Kiểm soát TCBS từ tháng 5/2018 đến nay.

(Bà) Lê Thị Thu Hương
Thành viên Ban kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu: 0,0031%
Học vấn: Thạc sĩ Kinh doanh và Quản lý tại Đại học Kinh tế Quốc dân
Kinh nghiệm làm việc: Từ tháng 4/2016 đến 8/2022, bà giữ chức Giám đốc cao cấp hỗ trợ vận hành chứng khoán tại CTCP Chứng khoán Kỹ Thương. Đến tháng 8/2022, bà đảm nhiệm vai trò Giám đốc cao cấp vận hành hoạt động tại CTCP Quản lý Quỹ Kỹ Thương. Trước đó, bà từng giữ vị trí Trưởng nhóm Kiểm soát và Trưởng phòng Lưu ký tại CTCP Chứng khoán MB.

Trong năm không phát sinh thay đổi về Ban Kiểm soát.



Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng

Nguyên tắc 1: Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT

TCBS áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp có cấu trúc rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các thông lệ quản trị tốt dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Hội đồng Quản trị đóng vai trò định hướng chiến lược phát triển, giám sát hoạt động điều hành, đồng thời bảo đảm hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công ty được vận hành hiệu quả. Mô hình hoạt động, cơ cấu tổ chức, vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền và chế độ thù lao của các thành viên HĐQT được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Các quy định này được công bố minh bạch trên Báo cáo thường niên và trang thông tin điện tử chính thức của TCBS, nhằm đảm bảo cổ đông và các bên liên quan có thể tiếp cận đầy đủ thông tin về cơ cấu và cơ chế quản trị của Công ty.

Nguyên tắc 2: Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp

HĐQT của TCBS gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật và góp phần tăng cường tính khách quan trong hoạt động quản trị.

Các thành viên HĐQT được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về:

- Kinh nghiệm quản lý
- Chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đầu tư
- Uy tín nghề nghiệp
- Khả năng đóng góp vào định hướng chiến lược dài hạn của Công ty

Sự đa dạng về kinh nghiệm và chuyên môn của các thành viên HĐQT giúp đảm bảo các quyết định chiến lược được xem xét trên nhiều góc độ khác nhau, đồng thời nâng cao hiệu quả giám sát đối với hoạt động điều hành.

Nguyên tắc 3: Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT

TCBS duy trì cơ chế quản trị nhằm đảm bảo tính độc lập và khách quan trong quá trình ra quyết định của HĐQT. Cơ cấu HĐQT bao gồm một thành viên độc lập nhằm tăng cường tính minh bạch và giảm thiểu rủi ro xung đột lợi ích. Vai trò giữa Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cũng được phân tách rõ ràng, đảm bảo sự độc lập và phân công trách nhiệm cụ thể giữa HĐQT và Ban Giám đốc. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân quyền hiệu quả trong quá trình ra quyết định, đồng thời nâng cao tính độc lập và minh bạch trong hoạt động của HĐQT. Tính độc lập này giúp HĐQT duy trì quan điểm khách quan, giảm thiểu xung đột lợi ích, và đảm bảo rằng mọi quyết định đều hướng đến sự phát triển bền vững và lợi ích tối đa cho cổ đông cùng các bên liên quan.

Nguyên tắc 4: Thành lập các uỷ ban thuộc HĐQT

Ngoài bộ phận KTNB, HĐQT không thành lập các tiểu ban/ủy ban giúp việc khác vì cấu trúc TCBS được tổ chức theo hướng tích hợp các chức năng kiểm soát, quản trị rủi ro vào chính các phòng, ban chức năng để có thể linh hoạt giám sát hoặc tham gia trực tiếp ngay vào hoạt động vận hành.

Nguyên tắc 5: Đảm bảo hoạt động hiệu quả của HĐQT

HĐQT TCBS tổ chức các cuộc họp định kỳ nhằm xem xét và đưa ra các quyết định liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, quản trị rủi ro và các vấn đề quan trọng của Công ty. Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 6 cuộc họp, ban hành 80 Nghị quyết thông qua nhiều chủ trương và điều chỉnh quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty. Thông tin chi tiết về các Nghị quyết được công bố tại Báo cáo quản trị tại đường dẫn: <https://www.tcbs.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/bao-cao-tinh-hinh-quan-tri-cong-ty/cbtt-bao-cao-tinh-hinh-quan-tri-cong-ty-nam-2025/>

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Xuân Minh	6/6	100,00%	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	6/6	100,00%	
3	Ông Phan Thanh Sơn	4/6	66,67%	Miễn nhiệm ngày 25/09/2025
4	Ông Lê Huy Hoàng	6/6	100,00%	
5	Ông Alexandre Charles Emmanuel Macaire	5/6	83,33%	Lý do cá nhân
6	Bà Nguyễn Thị Dịu	4/6	66,67%	Lý do cá nhân

Nguồn: TCBS.

Nội dung trọng tâm tại các cuộc họp

- Giám sát và phê duyệt kết quả kinh doanh: xem xét kết quả kinh doanh theo từng giai đoạn, đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch, thảo luận và phê duyệt kế hoạch các năm tiếp theo.
- Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ: thông qua báo cáo rủi ro, báo cáo và kế hoạch hoạt động Kiểm toán nội bộ.
- Quản trị doanh nghiệp: đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật và các quy chế nội bộ, phê duyệt các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông.
- Giao dịch với bên liên quan: xem xét, phê duyệt các giao dịch với người nội bộ và bên liên quan theo nguyên tắc minh bạch.
- Chiến lược đầu tư và phát triển: thông qua kế hoạch đầu tư và chiến lược dài hạn.
- Huy động vốn và thị trường vốn: thảo luận các giao dịch vay vốn, kế hoạch tăng vốn điều lệ; lộ trình trở thành công ty đại chúng/IPO.
- Các vấn đề khác: phê duyệt chi phí, hợp đồng tư vấn, thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT.

Đào tạo quản trị

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao năng lực quản trị và cập nhật các thông lệ quản trị tiên tiến, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty thường xuyên tham gia các chương trình đào tạo và hội thảo chuyên môn liên quan đến quản trị công ty, quản trị rủi ro và các quy định của thị trường chứng khoán bao gồm Quản trị lỗi nhân sự, Năng lực lãnh đạo, Quản trị rủi ro gian lận, Quản trị rủi ro hoạt động, Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, v.v.

Thù lao

TCBS áp dụng chính sách thù lao minh bạch và công bằng đối với Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc (TGD), nhằm đảm bảo thu hút, duy trì đội ngũ lãnh đạo có năng lực và chuyên môn cao, đồng thời thúc đẩy hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững của Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	2025	2024
Hội đồng Quản trị				
1	Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch	8.572.703.427	9.657.834.843
2	Bà Nguyễn Thị Dịu	Phó Chủ tịch Thành viên độc lập	-	-
3	Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên	-	-
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	-	-
5	Ông Alexandre Charles Emmanuel Macaire	Thành viên	-	-
6	Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên	-	-
Ban Kiểm soát				
1	Ông Đặng Văn Khải	Trưởng ban	60.000.000	60.000.000
2	Bà Hoàng Thị Kim Cúc	Thành viên	-	-
3	Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên	-	-
Tổng Giám đốc				
	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Tổng giám đốc	3.609.779.369	4.098.446.754
Người quản lý khác				
	Người quản lý khác		34.699.543.058	34.949.123.066

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2025 của TCBS.

Nguyên tắc 6:
Thiết lập và
duy trì văn hoá

TCBS tập trung vào tầm nhìn đến năm 2030, trở thành Nhạc trưởng dòng chảy vốn tại Việt Nam. Văn hóa làm việc dựa trên mô hình Agile, với cấu trúc tổ chức linh hoạt xoay quanh các nhóm kinh doanh – công nghệ tích hợp (“business squads”) và “văn hóa băng trắng” – nơi ý tưởng được khuyến khích chia sẻ, thảo luận và hoàn thiện mà không bị ràng buộc bởi cấp bậc hay vai trò, tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa TCBS phát triển vượt bậc trong lĩnh vực chứng khoán. Bên cạnh đó, TCBS triển khai đồng bộ các chính sách tuân thủ và chuẩn mực đạo đức trên toàn hệ thống, coi đây là nền tảng quan trọng để bảo đảm phát triển bền vững. Các chương trình đào tạo định kỳ về tuân thủ pháp luật, phòng chống tham nhũng

quản lý xung đột lợi ích, cùng các quy tắc ứng xử và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, được tổ chức rộng rãi qua nhiều kênh truyền thông nội bộ. Mục tiêu là nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của toàn bộ đội ngũ nhân sự, giúp mọi thành viên hiểu rõ vai trò của mình trong việc tuân thủ các quy định và chuẩn mực đạo đức. Hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán được duy trì và tăng cường để giám sát việc tuân thủ chính sách và quy định pháp luật một cách nhất quán, minh bạch và hiệu quả. Sự kết hợp giữa đào tạo, phổ biến chuẩn mực và cơ chế giám sát này giúp TCBS xây dựng một môi trường làm việc có trách nhiệm, thúc đẩy văn hóa tuân thủ và đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh đều hướng tới sự phát triển bền vững.

Nguyên tắc 7:
Thiết lập khung quản lý
rủi ro và môi trường kiểm
soát vững mạnh

TCBS xây dựng khung Quản trị rủi ro (QTRR) hướng đến thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đồng thời đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức và môi trường hoạt động kinh doanh của Việt Nam. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ, trực thuộc HĐQT đóng vai trò cung cấp sự đảm bảo khách quan và tư vấn độc lập, giúp nâng cao giá trị và cải tiến các hoạt động trong Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT đã xây dựng các tiêu chí để lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, đánh giá hiệu quả công việc của đơn vị kiểm toán, đồng thời thiết lập quy trình theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị do kiểm toán độc lập đề xuất. Báo cáo tài chính của TCBS được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán có uy tín trên toàn cầu như là Ernst & Young. TCBS thiết lập các quy trình và cơ chế nội bộ nhằm tiếp nhận, xem xét và xử lý các tác động tiêu cực tiềm

ẩn phát sinh từ hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp phát sinh sự việc ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan hoặc vi phạm cam kết chính sách, Công ty thực hiện đánh giá nguyên nhân và triển khai các biện pháp khắc phục phù hợp theo quy định pháp luật và quy chế nội bộ. Đối với các tác động tiêu cực mà Công ty không trực tiếp gây ra nhưng có liên quan đến hoạt động của TCBS với vai trò trung gian, Công ty phối hợp với các bên liên quan nhằm hỗ trợ quá trình khắc phục. Ngoài ra, công ty duy trì cơ chế khiếu nại và phản ánh dành cho cán bộ nhân viên và các bên liên quan theo nguyên tắc bảo mật và không trả đũa. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức vận hành cơ chế này, Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát ở cấp quản trị phù hợp.

Nguyên tắc 8:
Tăng cường hoạt động
công bố thông tin của
công ty

Công ty thực hiện công khai thông tin đầy đủ, chính xác và công bằng đến cổ đông và các bên liên quan, tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật. Mọi thông tin quan trọng về hoạt động kinh doanh đều được cập nhật song ngữ trên trang web chính thức và các kênh truyền thông, hoặc tại các buổi gặp gỡ định kỳ với nhà đầu tư. Các dữ liệu về cấu trúc sở hữu, mô hình hoạt động, cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, cùng các giao dịch với bên liên quan được công khai trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 (Thuyết minh số 39.1: "Nghịệp vụ với các bên liên quan") và Báo cáo thường niên của Công ty. Các thông tin về tác động môi trường, xã hội và hoạt động trách nhiệm xã hội cũng được cập nhật minh bạch trong Báo cáo thường niên.

Nguyên tắc 9:
Thiết lập khuôn khổ để
thực hiện hiệu quả
quyền của Cổ đông

TCBS cam kết bảo đảm đầy đủ các quyền hợp pháp của cổ đông và nguyên tắc đối xử công bằng giữa các cổ đông, bao gồm cả cổ đông thiểu số. Mỗi cổ đông có quyền tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp, thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc bỏ phiếu từ xa (nếu áp dụng). Cổ đông cũng có quyền ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mình và được cung cấp thông tin kịp thời theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần, trừ các trường hợp hạn chế theo pháp luật, Điều lệ công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Công ty đảm bảo rằng mỗi cổ phần cùng loại có quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty phát hành cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ liên quan sẽ được công bố đầy đủ và được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định. Ngoài việc tuân thủ nghiêm ngặt nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, TCBS chủ động tổ chức các buổi họp, hội nghị và đối thoại định kỳ với cổ đông, nhà đầu tư và các thành viên thị trường để cung cấp thông tin và giải đáp các thắc mắc. Các thông tin liên quan sẽ được công bố rộng rãi trên website chính thức của Công ty.

Nguyên tắc 10:
Tăng cường tham gia
hiệu quả của các bên
có quyền lợi liên quan

TCBS chú trọng xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững với các bên liên quan, bao gồm khách hàng, đối tác, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và người lao động. Công ty thiết lập các cơ chế nhằm đảm bảo việc quản lý xung đột lợi ích một cách minh bạch và công bằng. Các cá nhân liên quan có trách nhiệm kê khai các lợi ích có thể phát sinh xung đột và không tham gia vào các quyết định có liên quan đến xung đột đó.

TCBS cũng cam kết tuân thủ các nguyên tắc cạnh tranh công bằng, đảm bảo mọi giao dịch và hoạt động kinh doanh được thực hiện minh bạch, bình đẳng và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc thực hiện các quy định này được giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống quản trị và kiểm soát nội bộ của công ty. Tùy theo tính chất và mức độ nghiêm trọng, các vấn đề liên quan đến đạo đức, tuân thủ và rủi ro sẽ được báo cáo định kỳ hoặc khi phát sinh tới Hội đồng Quản trị, đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong quá trình ra quyết định.

Quản trị rủi ro

Nền tảng của tăng trưởng bền vững

Với định vị là công ty công nghệ tài chính WealthTech hàng đầu Việt Nam, TCBS xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro (QTRR) toàn diện và chuẩn mực, kết hợp giữa khung kiểm soát thừa hưởng từ ngân hàng mẹ Techcombank với cấu trúc tổ chức hiện đại và nền tảng công nghệ vận hành độc lập. Từ cơ cấu tổ chức, quy trình nội bộ đến hệ thống kiểm soát và cảnh báo, mọi hoạt động quản trị rủi ro tại TCBS đều được triển khai theo hướng chủ động, tích hợp, và có khả năng mở rộng nhanh nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển không ngừng của một mô hình kinh doanh số.

Đổi mới sáng tạo và quản trị rủi ro hiệu quả là hai trụ cột then chốt tạo nên lợi thế cạnh tranh vững chắc, định hình chuẩn mực phát triển mới của ngành tài chính công nghệ Việt Nam. Với mô hình đổi mới tuần hoàn, TCBS không ngừng ứng dụng các công nghệ hiện đại nhằm tối ưu hóa quy trình vận hành quản lý rủi ro, nâng cao bảo mật và bảo vệ khách hàng.

Cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị trong công tác quản lý rủi ro

Cơ cấu QTRR tại TCBS được tổ chức bài bản, phản ánh cam kết mạnh mẽ trong việc bảo vệ lợi ích khách hàng và tối ưu hóa hiệu quả vận hành. Hội đồng Quản trị đóng vai trò cao nhất, chịu trách nhiệm phê duyệt các chính sách quản lý rủi ro, các quy định/quy trình quản trị rủi ro và giới hạn rủi ro, với sự hỗ trợ từ một thành viên chuyên trách theo quy định của pháp luật.

Đóng vai trò cốt lõi trong quản lý và thực thi các chiến lược rủi ro, TCBS thành lập Hội đồng Rủi ro dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hội đồng, thường là Giám đốc Quản trị Rủi ro. Hội đồng này phát triển, xem xét và đề xuất các chính sách quản lý rủi ro, đồng thời triển khai quản lý cho mọi loại rủi ro trọng yếu như tín dụng, thị trường, thanh khoản, vận hành và công nghệ - an ninh thông tin tư vấn cho Tổng Giám đốc về các hoạt động quan trọng như xây dựng sản phẩm mới và kế hoạch dự phòng.

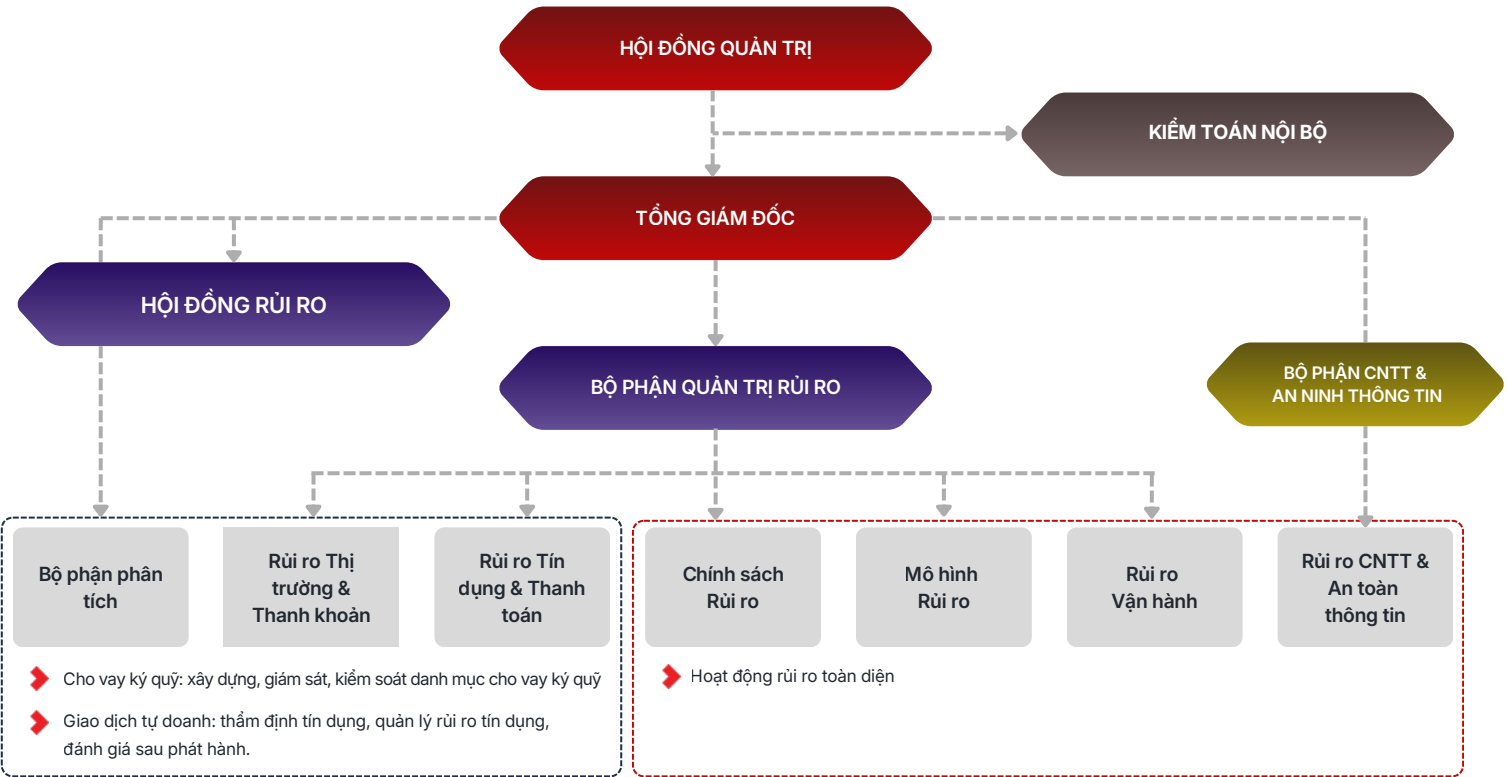
Về cơ cấu tổ chức, ngoài các bộ phận có vai trò đồng hành với kinh doanh trong hoạt động hàng ngày như QTRR tín dụng, QTRR thị trường và thanh khoản, TCBS xây dựng thêm các bộ phận, mảng chuyên biệt như sau:

- Bộ phận Mô hình rủi ro gồm các chuyên gia khoa học dữ liệu có kiến thức tài chính chuyên sâu, tận dụng dữ liệu lớn để xây dựng các mô hình rủi ro hiệu quả, áp dụng thực tế trong công việc QTRR danh mục đầu tư, sản phẩm chuyên biệt của TCBS.
- Bộ phận QTRR Công nghệ và An ninh thông tin hoạt động độc lập với bộ phận Công nghệ thông tin và Dữ liệu, luôn song hành cùng đội phát triển phần mềm để rà soát và đảm bảo kiểm soát rủi ro về công nghệ và an toàn thông tin.
- Mạng quản trị rủi ro môi trường và xã hội cũng đang được xây dựng khung quản trị tiêu chuẩn, triển khai và tích hợp trong cơ cấu QTRR nhằm đáp ứng yêu cầu chiến lược kinh doanh và phát triển bền vững của công ty trong tương lai.

Các bộ phận trong QTRR hoạt động đồng bộ dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc và Hội đồng rủi ro, đảm bảo một hệ thống quản lý rủi ro toàn diện.

Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro tại TCBS

Bên cạnh khung QTRR mạnh và toàn diện, TCBS xây dựng một văn hóa rủi ro lan tỏa, nơi mọi nhân viên đều có trách nhiệm nhận diện và quản lý rủi ro, được hỗ trợ bởi các công cụ tự động hóa và quy trình số hóa chặt chẽ. Hệ thống này bao gồm các phương pháp đo lường, giám sát và thử nghiệm áp lực, cùng kế hoạch dự phòng thanh khoản và xử lý khủng hoảng đa chiều. Sự kết hợp giữa chính sách rủi ro toàn diện và các ngưỡng cảnh báo sớm không chỉ bảo vệ công ty mà còn nâng cao niềm tin của nhà đầu tư trong dài hạn.



Khung quản trị rủi ro

Quy trình quản trị rủi ro tại TCBS được triển khai qua 5 giai đoạn chính, tất cả đều được thực hiện trên hệ thống để đảm bảo hiệu quả và chính xác

- Nhận diện Rủi ro
- Đo lường Rủi ro
- Giám sát Rủi ro
- Báo cáo Rủi ro
- Xử lý Rủi ro

Việc áp dụng quy trình QTRR trên giúp TCBS tăng cường tính minh bạch và phản ứng nhanh chóng trước biến động thị trường, đặc biệt trong việc xử lý các kịch bản rủi ro phức tạp, đồng thời đảm bảo tính bảo mật dữ liệu trong quá trình số hóa.

Tại TCBS, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp là một trong những mảng trọng yếu, đồng thời công ty hiện đang dẫn đầu thị phần ở lĩnh vực tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Do đó, việc quản lý rủi ro trong hoạt động này luôn được TCBS đặc biệt chú trọng để đảm bảo sự thành công bền vững.

Quy trình Thẩm định và quản lý rủi ro tín dụng tại TCBS được xây dựng chặt chẽ để đảm bảo tính minh bạch và an toàn trong các hoạt động kinh doanh trái phiếu:

Giai đoạn hiểu biết khách hàng

Giai đoạn hiểu biết khách hàng khởi đầu với việc gặp gỡ khách hàng, tiếp nhận nhu cầu phát hành và các tài liệu sơ bộ như hồ sơ pháp lý, dòng tiền, tài sản, và báo cáo tài chính, do Hội đồng nhận diện Khách hàng phối hợp cùng các phòng ban như Phân tích, Pháp lý và Nguồn vốn để đánh giá toàn diện khách hàng, xác định cấu trúc sở hữu, tình hình tài chính và khả năng thanh toán.

Giai đoạn thẩm định chuyên sâu

Giai đoạn thẩm định chuyên sâu được thực hiện sau khi Hội đồng này phê duyệt chính sách triển khai, tập trung vào đánh giá chuyên sâu bởi Ban Giám đốc và các phòng ban liên quan, bao gồm Phân tích, Pháp lý, QTRR, v.v. để xác nhận tính khả thi của khoản đầu tư trái phiếu.

Giai đoạn đàm phán điều khoản

Giai đoạn đàm phán điều khoản diễn ra sau khi Hội đồng nhận diện phê duyệt, với việc đề xuất và thống nhất các điều khoản trái phiếu cùng khách hàng, đảm bảo tuân thủ hợp đồng tư vấn và các điều kiện phát hành. Quản lý rủi ro tín dụng được củng cố trong giai đoạn này thông qua kinh nghiệm pháp lý và tài chính của TCBS, với sự rà soát kỹ lưỡng các tài liệu và điều kiện phát hành để đảm bảo tuân thủ trước khi phát hành.

Giai đoạn quản lý sau phát hành

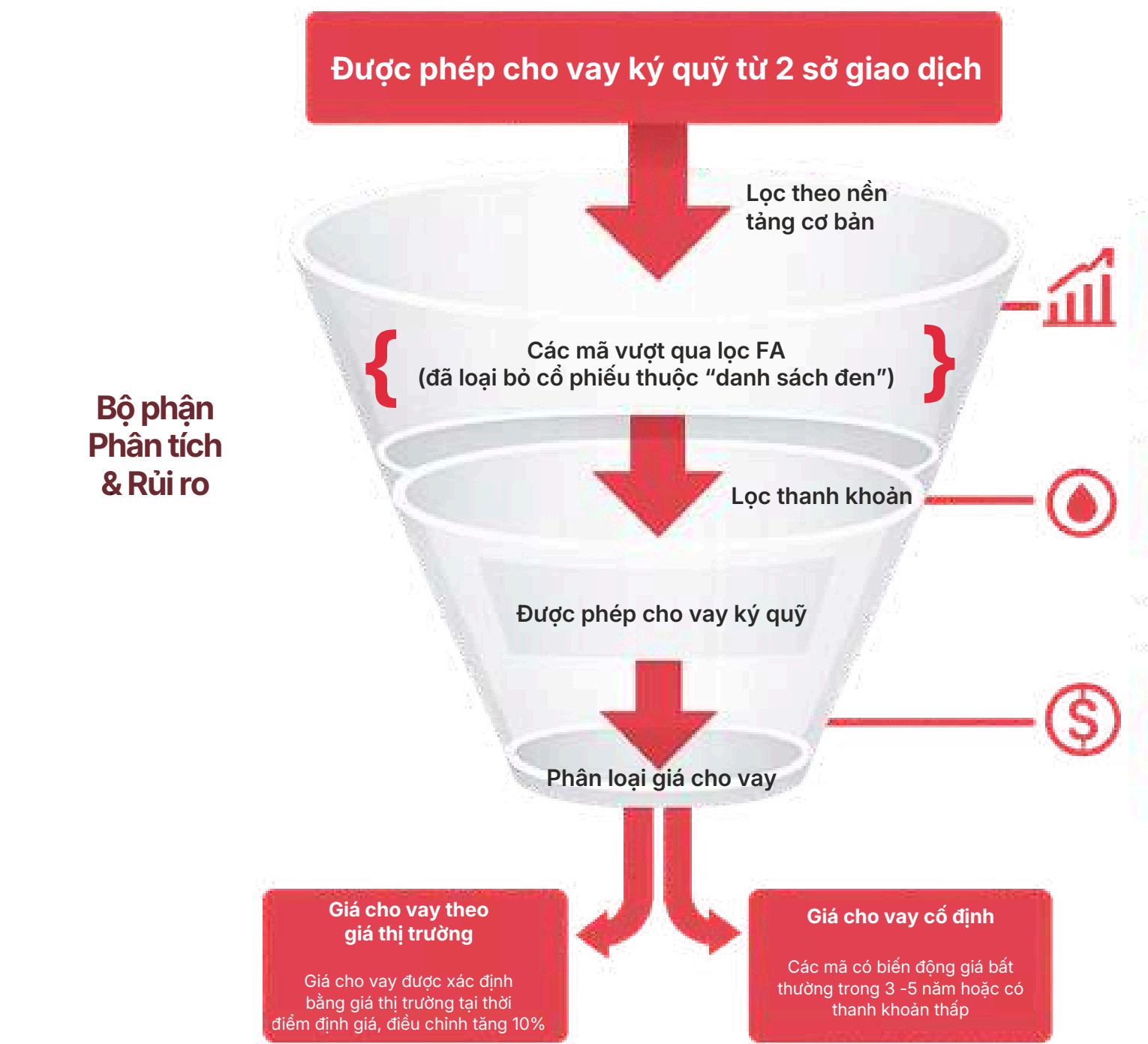
Giai đoạn quản lý sau phát hành tập trung vào vai trò của TCBS như đại lý lưu ký hoặc đại diện trái chủ, giám sát các cam kết, theo dõi tình trạng tài sản thế chấp, và quản lý chất lượng tín dụng thông qua hệ thống cảnh báo sớm, từ đó đưa ra các kế hoạch ứng phó kịp thời để duy trì chất lượng trái phiếu.



Phương pháp xây dựng danh mục cho vay ký quỹ tại TCBS

Với vị thế dẫn đầu trong thị trường cho vay ký quỹ, công ty đặc biệt chú trọng đến việc triển khai các biện pháp quản trị rủi ro để đảm bảo sự bền vững.

- Ở bước đầu tiên, dựa trên danh sách các mã cổ phiếu được phép cho vay ký quỹ từ hai Sở giao dịch, Bộ phận Phân tích & QTRR tiến hành thẩm định nền tảng cơ bản của các mã này để tìm kiếm các mã chứng khoán tiềm năng sinh lời và tuân thủ quy định, đồng thời loại bỏ các mã không đạt yêu cầu dựa trên tiêu chí "danh sách đen" (blacklist).
- Ở bước tiếp theo, Bộ phận Phân tích, QTRR tiến hành lọc theo thanh khoản cổ phiếu để ưu tiên chọn các mã có thanh khoản tốt. Đối với các mã thanh khoản thấp hơn nhưng nền tảng cơ bản tốt, TCBS có thể vẫn xem xét cho vay tùy thuộc vào điều kiện cụ thể.



- Sau khi đã có danh sách cổ phiếu được phép cho vay ký quỹ, các bộ phận trên tiếp tục phân loại Giá cho vay thành Giá cho vay theo giá thị trường và Giá cho vay cố định.
- Danh mục cho vay ký quỹ được rà soát hàng ngày, hàng tuần, hàng quý, khi có giao dịch cho vay mới, và khi có mã mới được Sở thêm vào danh mục.

Phương pháp này có khả năng kết hợp tốt giữa phân tích tài chính và quản lý rủi ro, đặc biệt trong việc lọc mã chứng khoán và xác định Giá cho vay. TCBS cũng đã thiết lập hệ thống vận hành tự động để cải thiện tốc độ xử lý và giảm thiểu rủi ro cho quá trình xây dựng, quản lý danh mục này.

LỌC THEO FA – LOẠI BỎ CỔ PHIẾU “DANH SÁCH ĐEN”

Loại bỏ các cổ phiếu trong “danh sách đen” dựa trên phân tích cơ bản trong 3 - 5 năm, tập trung vào các công ty có đặc điểm như hoạt động kinh doanh yếu, hệ thống quản trị kém, hoặc không có nguồn lợi nhuận cốt lõi ổn định. Các tiêu chí bổ sung bao gồm chất lượng tài sản thấp, dòng tiền âm, và tỷ lệ D/E cao, làm tăng rủi ro phá sản.

LỌC THEO THANH KHOẢN CHO CỔ PHIẾU

Lọc theo thanh khoản ưu tiên các mã có trung bình 20 phiên đạt trên 10,000 cổ phiếu hoặc 1 tỷ đồng/phiên, trong khi các mã không đạt điều kiện vẫn có thể được xem xét nếu có cơ bản tốt (doanh thu, lợi nhuận ổn định, ROE cao, lợi suất cổ tức cao) và tài sản đảm bảo phù hợp. Quyết định phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng khách hàng.

PHÂN LOẠI GIÁ CHO VAY & RÀ SOÁT ĐỊNH KỲ

Rà soát hàng ngày (15 phút cuối phiên để điều chỉnh giá vay với mã biến động lớn), hàng tuần (đánh giá mã biến động trung bình 5 phiên > 10%), khi có deal VIP mới hoặc mã mới từ HNX/HSX, và hàng quý (phân loại và cập nhật phương pháp cho vay sau công bố kết quả kinh doanh). Các đợt rà soát đảm bảo điều chỉnh kịp thời và phù hợp với biến động thị trường, với sự tham gia của Bộ phận phân tích và QTRR.

Quản trị rủi ro theo nhóm rủi ro trọng yếu

Quản trị rủi ro thanh khoản

Tại TCBS, quản trị rủi ro thanh khoản được coi là một yếu tố trọng yếu và là một quy trình toàn diện, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự ổn định và khả năng hoạt động liên tục của công ty. Quản trị rủi ro thanh khoản tại TCBS được thực hiện thông qua hệ thống quản lý thanh khoản (Liquidity Management System), cung cấp báo cáo thời gian thực về trạng thái thanh khoản, hệ thống cảnh báo sớm và việc thực hiện kiểm tra căng thẳng (stress test) tự động hàng ngày dựa trên các giả định đã được thiết lập. Bên cạnh đó, TCBS cũng xây dựng và thường xuyên diễn tập kế hoạch dự phòng thanh khoản (Liquidity Contingency Plan) phù hợp với các điều kiện thị trường hiện tại và các giả định chuyên biệt. Điều này thể hiện sự chú trọng và thận trọng trong việc quản lý thanh khoản, không chỉ trong điều kiện bình thường mà còn sẵn sàng ứng phó với các khủng hoảng tiềm ẩn.

Quy trình Cảnh báo Sớm bổ sung cơ chế phát hiện sớm trước khi vượt ngưỡng để QTRR và các bộ phận kinh doanh có kế hoạch hành động nhằm đưa các chỉ số về mức bình thường. Điều này giúp hạn chế được đáng kể các rủi ro vượt hạn mức.

Quản trị rủi ro hoạt động

Với đặc thù là công ty Fintech, TCBS hiểu rõ rằng sản phẩm và hệ thống công nghệ phát triển liên tục để đáp ứng nhu cầu thị trường. Chính vì vậy, quản trị rủi ro vận hành là yếu tố cực kỳ quan trọng để đảm bảo tính ổn định và an toàn trong mọi hoạt động của công ty. TCBS là một trong những công ty đầu tiên tại Việt Nam áp dụng QTRR vận hành một cách toàn diện.



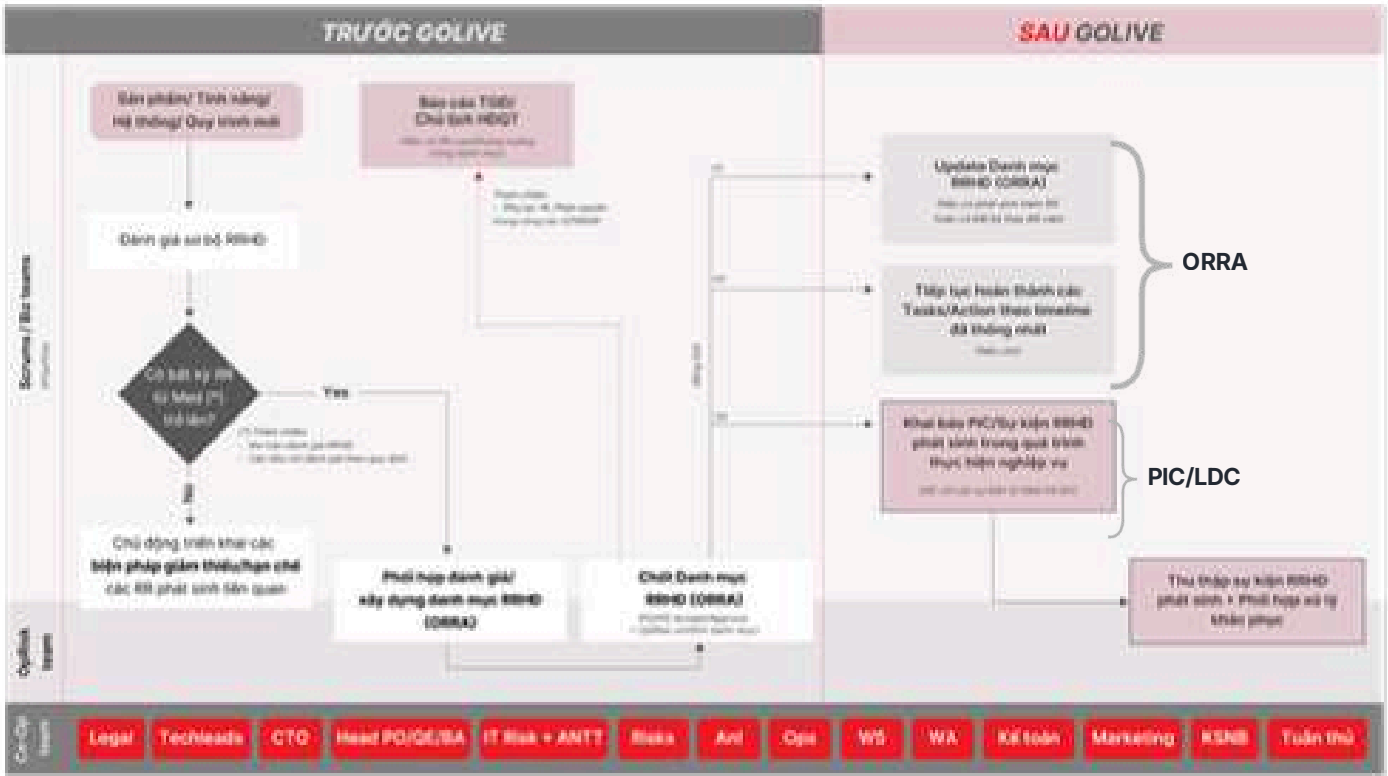
Quy trình Quản trị rủi ro hoạt động

Quy trình quản trị rủi ro hoạt động (RRHĐ) tại TCBS được thiết kế một cách hệ thống, bao quát toàn bộ vòng đời của một sáng kiến kinh doanh, từ giai đoạn phát triển đến khi vận hành chính thức.

Điểm nổi bật của khung quản trị này là sự phân định vai trò và trách nhiệm một cách minh bạch giữa ba nhóm chính: các Đội ngũ Nghiệp vụ/Sản phẩm, Đội ngũ Quản trị Rủi ro Hoạt động, và các Đội ngũ Hợp tác. Cấu trúc này đảm bảo rằng rủi ro không chỉ được nhận diện bởi các đơn vị phát triển, mà còn được thẩm định và giám sát bởi một bộ phận chuyên trách độc lập và nhận được sự tư vấn từ các đơn vị chức năng liên quan (Pháp chế, Công nghệ, Tuân thủ, v.v.). Cách tiếp cận này tạo ra một cơ chế kiểm soát và đối trọng hiệu quả, là nền tảng cho một văn hóa quản trị rủi ro vững mạnh và toàn diện trong toàn tổ chức.

Trong giai đoạn phát triển, quy trình thể hiện một cơ chế "cổng kiểm soát" chặt chẽ. Mọi sáng kiến mới đều phải trải qua bước đánh giá sơ bộ. Đối với các rủi ro có tác động đáng kể, quy trình yêu cầu sự phối hợp bắt buộc giữa đơn vị nghiệp vụ và QTRR hoạt động để xây dựng một Danh mục RRHĐ chi tiết. Đặc biệt, cơ chế báo cáo lên cấp lãnh đạo cao nhất (Tổng Giám đốc/Chủ tịch HĐQT) đối với các rủi ro ở mức "Cao/Khủng hoảng" cho thấy mức độ ưu tiên và sự giám sát nghiêm ngặt đối với các rủi ro trọng yếu. Việc "Chốt Danh mục RRHĐ" đòi hỏi sự phê duyệt song phương từ cả đại diện nghiệp vụ và sự xác nhận của QTRR, đảm bảo sự đồng thuận và cam kết chung về các biện pháp kiểm soát trước khi một sản phẩm hay hệ thống được chính thức ra mắt. Quy trình QTRR hoạt động sau phát triển được thực thi theo hai luồng song song: quản lý danh mục rủi ro và quản lý sự kiện rủi ro. Thứ nhất, việc liên tục cập nhật Danh mục RRHĐ và hoàn thành các hành động đã thống nhất cho thấy đây là một quy trình sống, có khả năng thích ứng với những thay đổi và rủi ro mới phát sinh. Thứ hai, việc thiết lập một cơ chế riêng để khai báo, thu thập và xử lý các sự kiện RRHĐ phát sinh trong thực tế tạo ra một vòng lặp phản hồi giá trị. Dữ liệu từ các sự kiện này không chỉ giúp khắc phục sự cố kịp thời mà còn là nguồn thông tin đầu vào quan trọng để tinh chỉnh các biện pháp kiểm soát, cải tiến quy trình và nâng cao năng lực quản trị rủi ro của tổ chức một cách bền vững.

Quy trình Quản trị rủi ro hoạt động



Quản trị rủi ro Công nghệ, An ninh Thông tin vận hành & Bảo vệ khách hàng

Các trụ cột bảo vệ khách hàng được xây dựng trên nền tảng an ninh cơ sở hạ tầng vững mạnh, do các bộ phận chuyên trách về Rủi ro Công nghệ và An ninh Thông tin vận hành phụ trách. TCBS áp dụng quy trình quản trị rủi ro dựa trên mức độ nghiêm trọng, tập trung xử lý các nguy cơ trọng yếu trước, nhằm tối đa hóa hiệu quả bảo mật, ổn định hệ thống giao dịch và bảo vệ quyền lợi khách hàng ở mức cao nhất.

Trụ cột đầu tiên và cũng là nền tảng cốt lõi của toàn bộ hệ thống là An ninh Cơ sở Hạ tầng. TCBS xác định rằng một hạ tầng công nghệ thông tin vững mạnh là điều kiện tiên quyết để bảo vệ mọi hoạt động. Trách nhiệm này được giao cho các bộ phận chuyên trách là Rủi ro Công nghệ và An ninh Thông tin (Information Security). Điểm đáng chú ý trong cách tiếp cận của TCBS là việc áp dụng một quy trình ưu tiên xử lý các rủi ro công nghệ dựa trên mức độ nghiêm trọng, theo thứ tự từ Trọng yếu => Cao => Trung bình => Thấp. Điều này cho thấy một phương pháp luận rất rõ ràng, đảm bảo rằng các nguồn lực được tập trung để giải quyết những mối đe dọa nguy hiểm nhất trước, tối ưu hóa hiệu quả bảo mật và đảm bảo sự ổn định cho toàn bộ hệ thống giao dịch và dịch vụ.

Ở tầng thứ hai, TCBS xây dựng một cơ chế bảo vệ khách hàng trực tiếp thông qua sự kết hợp giữa yếu tố con người và hệ thống tự động. Mô hình này bao gồm ba thành phần: Đội Phản ứng nhanh, Hệ thống Phản ứng nhanh và Công cụ Hỗ trợ Khách hàng. Việc duy trì một đội ngũ chuyên trách cho thấy sự cam kết trong việc giải quyết

các sự cố phức tạp cần đến sự can thiệp và phân tích của chuyên gia. Đồng thời, việc phát triển các hệ thống và công cụ tự động giúp xử lý các yêu cầu một cách nhanh chóng, quy mô lớn và tức thời, đồng thời cung cấp cho khách hàng nhiều sự lựa chọn về bảo mật nâng cao. Sự kết hợp này đảm bảo khách hàng vừa nhận được sự hỗ trợ kịp thời, hiệu quả từ công nghệ, vừa có được sự chăm sóc chuyên sâu, thấu đáo từ con người khi cần thiết.

Trụ cột thứ ba là sử dụng khoa học dữ liệu và áp dụng các công nghệ mới để liên tục gia tăng khả năng giám sát và ngăn chặn gian lận, phản ứng ngày một nhanh hơn với các dấu hiệu gian lận hoặc khủng hoảng. Thay vì một giải pháp đơn lẻ, TCBS triển khai một hệ sinh thái các công cụ như: Biz Guardian (sử dụng dữ liệu quá khứ kết hợp với các bộ quy tắc để phát hiện hành vi gian lận, tấn công), Crisis Management (quản lý khủng hoảng), Skyfall (ngắt kết nối tạm thời để ngăn chặn tấn công).

TCBS không chỉ đối phó với gian lận mà còn đang xây dựng năng lực để dự báo các lĩnh vực trọng yếu, bao gồm khủng hoảng thanh khoản, sự cố vận hành, an ninh công nghệ & dữ liệu, và khủng hoảng truyền thông. Cách tiếp cận này giúp tối ưu hóa tốc độ ra quyết định và triển khai hành động, nhằm mục tiêu cao nhất là giảm thiểu tác động tiêu cực đến hoạt động và uy tín của công ty.

Quản trị rủi ro môi trường và sự phát triển bền vững

TCBS nhận thức rõ các rủi ro môi trường và xã hội có thể tác động gián tiếp đến hoạt động kinh doanh. Các yếu tố như biến đổi khí hậu, các quy định bảo vệ môi trường, xã hội và yêu cầu từ nhà đầu tư về tài chính bền vững ngày càng trở nên quan trọng. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến danh mục đầu tư mà còn có thể tác động đến các công ty phát hành trái phiếu.

Dưới sự đồng hành, định hướng và hỗ trợ từ ngân hàng mẹ Techcombank, cũng như nhận được sự tư vấn từ các đối tác tài chính chiến lược quốc tế, chúng tôi tin tưởng rằng cấu phần quản trị rủi ro môi trường và xã hội tại TCBS (bao gồm nhưng không giới hạn: khung quản trị rủi ro môi trường xã hội, bộ chính sách, quy trình và các công cụ hỗ trợ quản trị liên quan) sẽ dần

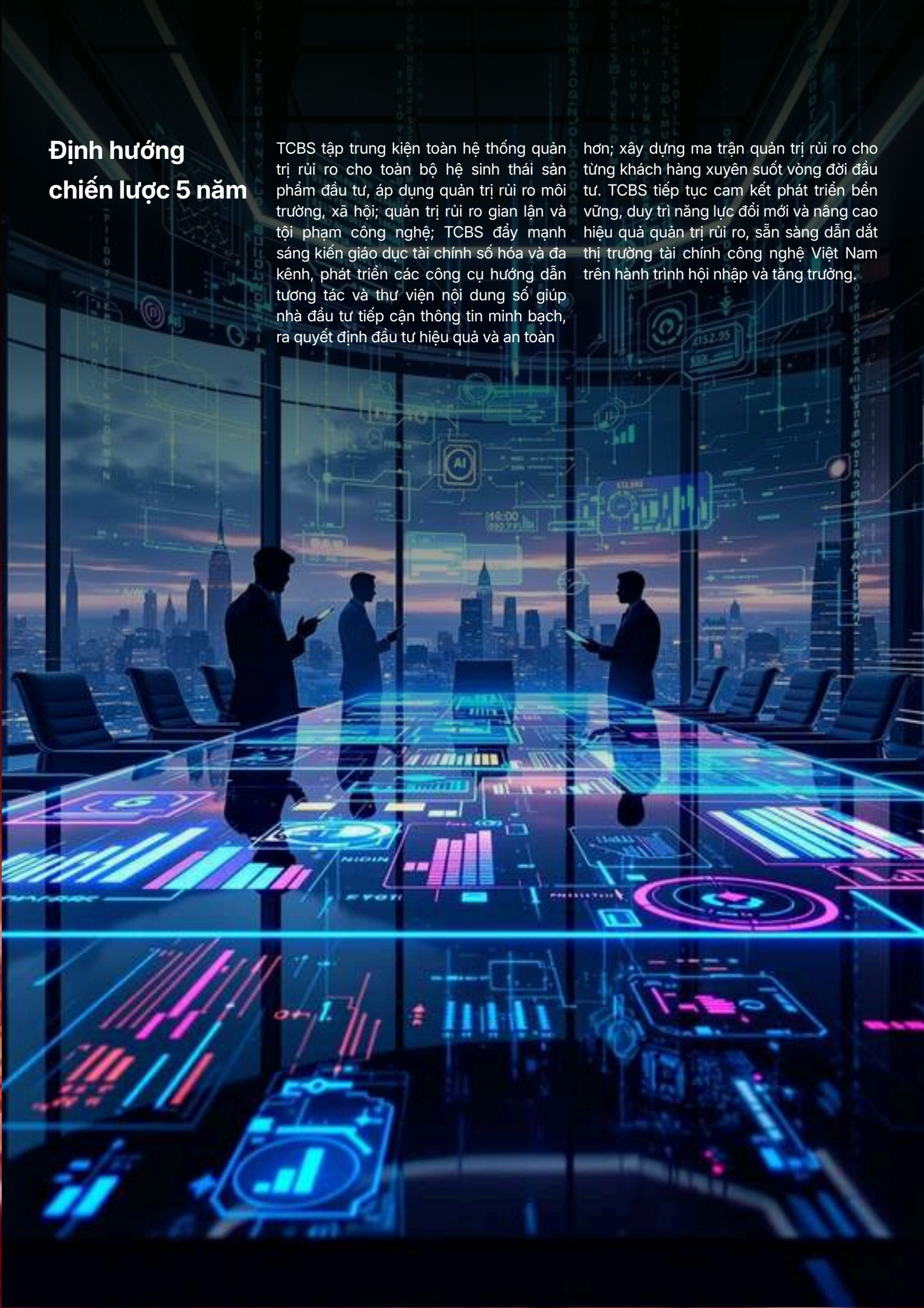
được hình thành, triển khai hiệu quả và hoàn thiện theo thời gian.

Với tầm nhìn phát triển bền vững, TCBS cam kết thúc đẩy các sản phẩm tài chính "xanh" đi kèm các nghiệp vụ đánh giá chuyên sâu tác động của việc triển khai các sản phẩm hiện hữu và sản phẩm mới với môi trường và xã hội. Có thể nói, công tác quản trị rủi ro môi trường và xã hội sẽ là mục tiêu hàng đầu được ban lãnh đạo TCBS ưu tiên triển khai trong chiến lược quản trị rủi ro hiệu quả và kịp thời, nhằm tuân thủ các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường xã hội, đồng thời phát triển chiến lược đầu tư phù hợp với yêu cầu ngày càng cao từ các nhà đầu tư.

Định hướng chiến lược 5 năm

TCBS tập trung kiện toàn hệ thống quản trị rủi ro cho toàn bộ hệ sinh thái sản phẩm đầu tư, áp dụng quản trị rủi ro môi trường, xã hội; quản trị rủi ro gian lận và tội phạm công nghệ; TCBS đẩy mạnh sáng kiến giáo dục tài chính số hóa và đa kênh, phát triển các công cụ hướng dẫn tương tác và thư viện nội dung số giúp nhà đầu tư tiếp cận thông tin minh bạch, ra quyết định đầu tư hiệu quả và an toàn

hơn; xây dựng ma trận quản trị rủi ro cho từng khách hàng xuyên suốt vòng đời đầu tư. TCBS tiếp tục cam kết phát triển bền vững, duy trì năng lực đổi mới và nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro, sẵn sàng dẫn dắt thị trường tài chính công nghệ Việt Nam trên hành trình hội nhập và tăng trưởng.



C H Ư Ớ N G

05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 112 Thông tin chung
- 120 Báo cáo tác động môi trường và xã hội



Thông tin chung

Định hướng phát triển bền vững

Phát triển bền vững là kim chỉ nam trong chiến lược tăng trưởng và quản trị rủi ro của TCBS, được xem như sợi dây liên kết giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm xã hội. Trước bối cảnh thị trường tài chính toàn cầu ngày càng đề cao tính minh bạch, an toàn hệ thống và trách nhiệm với các bên liên quan, TCBS chủ động tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào mọi hoạt động quản lý và vận hành, đặc biệt trong các hoạt động tư vấn, cấu trúc và phân phối sản phẩm tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc hướng đến một mô hình phát triển bền vững thận trọng, phù hợp với đặc thù ngành chứng khoán và khả năng sẵn sàng của dữ liệu, nhằm vừa thúc đẩy tăng trưởng dài hạn, vừa củng cố niềm tin của nhà đầu tư. Để hiện thực hóa chiến lược này, TCBS tập trung vào ba trụ cột chính:

- Tài chính có trách nhiệm: Tích hợp các yếu tố ESG vào quy trình tư vấn, cấu trúc và phân phối sản phẩm tài chính, đặc biệt là các công cụ tài chính xanh, xã hội, bền vững và tài chính chuyển đổi.
- Quản trị minh bạch và hiệu quả: Nâng cao các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, đạo đức kinh doanh và quản lý rủi ro nhằm bảo vệ lợi ích của khách hàng và nhà đầu tư.
- Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đa dạng và bao trùm, đồng thời đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường tài chính hiện đại.

Đồng thời, trong quá trình mở rộng hợp tác với các định chế tài chính phát triển quốc tế, TCBS từng bước áp dụng các chuẩn mực ESG nhằm:

- Đảm bảo tuân thủ các điều kiện ESG trong các khoản vay và chương trình hợp tác với DFI;
- Thiết lập khung quản trị ESG phù hợp với thông lệ quốc tế;
- Tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động kinh doanh.

TCBS cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và chưa có vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ luật pháp và các quy định môi trường hiện hành.

Phạm vi và cơ sở lập báo cáo

Năm 2025, TCBS xây dựng Báo cáo Phát triển bền vững với mục tiêu phản ánh một cách hệ thống các tác động của hoạt động kinh doanh đối với các yếu tố Kinh tế, Môi trường và Con người bao gồm các vấn đề về nhân quyền, đồng thời thể hiện cách thức Công ty quản lý các tác động này trong chiến lược và vận hành. Báo cáo tập trung vào những chủ đề trọng yếu gắn với đặc thù mô hình WealthTech và vai trò trung gian trên thị trường vốn, qua đó cung cấp cái nhìn minh bạch về ảnh hưởng kinh tế – xã hội của TCBS đối với khách hàng, nhà đầu tư và thị trường.

Trong năm 2025, TCBS áp dụng cách tiếp cận “GRI Core” như một khung tham chiếu định hướng nội dung và cấu trúc báo cáo trên cơ sở tự nguyện, nhằm nâng cao tính minh bạch và tính so sánh của thông tin. Các nội dung và chỉ số được lựa chọn công bố dựa trên đánh giá chủ đề trọng yếu và mức độ phù hợp với hoạt động kinh doanh của TCBS. Phạm vi báo cáo bao gồm toàn bộ hoạt động của TCBS trong kỳ báo cáo, không bao gồm công ty con do TCBS chưa có. Báo cáo được lập cho kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 và được phát hành trên cơ sở hằng năm. Mọi yêu cầu làm rõ thông tin liên quan đến báo cáo xin gửi về Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư của Công ty.

Trong kỳ báo cáo, Công ty không thực hiện điều chỉnh đối với các thông tin đã công bố trong các kỳ trước. Trường hợp có thay đổi về phương pháp tính toán, phạm vi báo cáo hoặc dữ liệu ESG trong các kỳ tiếp theo, TCBS sẽ công bố đầy đủ thông tin điều chỉnh theo thông lệ công bố minh bạch. Trong năm 2025, TCBS chưa thực hiện xác nhận độc lập bởi bên thứ ba cho Báo cáo Phát triển bền vững. Tuy nhiên, Công ty dự kiến từng bước nâng cao chất lượng và độ tin cậy của thông tin ESG, bao gồm việc xem xét áp dụng cơ chế xác nhận độc lập trong các kỳ báo cáo tiếp theo, phù hợp với yêu cầu của các định chế tài chính phát triển và thông lệ quốc tế.



Gắn kết với các bên liên quan

TCBS duy trì việc gắn kết với các nhóm bên liên quan chính, bao gồm cổ đông, khách hàng, người lao động, cơ quan quản lý, các đối tác kinh doanh và cộng đồng, nguyên tắc minh bạch – kịp thời – đa kênh – lấy khách hàng làm trung tâm, tận dụng lợi thế WealthTech để mở rộng khả năng tiếp cận, đối thoại và phản hồi trên quy mô lớn. Phản hồi của các bên liên quan được TCBS xem là đầu vào quan trọng cho phát triển sản phẩm, quản trị rủi ro, an toàn giao dịch và nâng cao trải nghiệm số trên TCInvest. Hoạt động gắn kết được thực hiện định kỳ và linh hoạt, tùy theo bối cảnh hoạt động và yêu cầu quản trị.

Bên liên quan	Chủ đề quan tâm chính	Kênh giao tiếp	Hoạt động chính
Cổ đông / nhà đầu tư	- Hoạt động đầu tư & kinh doanh - Chính sách cổ tức và KQKD - Thực hành kinh doanh công bằng	- Đại hội cổ đông - Hội nghị và cuộc họp gặp gỡ cổ đông - Báo cáo kết quả kinh doanh quý & báo cáo thường niên - Bộ phận quan hệ nhà đầu tư	- Công bố chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh - Thảo luận và quyết nghị các vấn đề chiến lược - Nâng chuẩn chất lượng báo cáo và minh bạch thông tin - Định kỳ gặp gỡ nhà đầu tư và tương tác tích cực qua các kênh giao tiếp
Khách hàng và nhà đầu tư	- Chất lượng sản phẩm & trải nghiệm khách hàng - Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	- Website & mạng xã hội - Khảo sát khách hàng - Chương trình kinh doanh	- Cải tiến sản phẩm và dịch vụ - Đi đầu về công nghệ và hệ thống quản lý vận hành - Mang đến sản phẩm đa dạng - Cung cấp thông tin sản phẩm minh bạch
Nhà cung cấp và Đối tác	- Tuân thủ đạo đức kinh doanh - Hỗ trợ phát triển đối tác	- Đánh giá nhà cung cấp - Bộ quy tắc ứng xử	- Giám sát và đánh giá nhà cung cấp - Đào tạo & hỗ trợ cải tiến quy trình - Thực hành kinh doanh công bằng, tuân thủ Quy tắc ứng xử
Người lao động / Công đoàn	- Điều kiện làm việc, - Phúc lợi và an sinh - Phát triển nghề nghiệp - Văn hóa doanh nghiệp	- Kênh thông tin nội bộ - Chương trình đào tạo nội bộ - Chương trình hỗ trợ phúc lợi	- Cải thiện môi trường làm việc và đời sống nhân viên - Chương trình đào tạo & phát triển - Khuyến khích văn hóa doanh nghiệp tích cực - Tăng cường hỗ trợ sức khỏe tinh thần và thể chất cho nhân viên - Đảm bảo quyền lợi & điều kiện làm việc công bằng
Cộng đồng	- Giáo dục & sức khỏe cộng đồng - Phát triển kinh tế địa phương - Thiện nguyện xã hội	- Các chương trình trách nhiệm xã hội - Hoạt động tài trợ & thiện nguyện - Chương trình bảo vệ môi trường	- Giáo dục tài chính cho nhà đầu tư cá nhân - Chương trình Chạy để góp quỹ từ thiện – Chạm Yêu Thương - Chương trình gian hàng “Trao yêu thương” tại Hội chợ Đồng Trao
Cơ quan quản lý	- Tuân thủ và phát triển hệ thống pháp lý & quy định ngành - Tạo việc làm và phát triển kinh tế địa phương	- Đối thoại chính sách - Báo cáo & tham vấn chính phủ	- Tuân thủ, thượng tôn pháp luật - Tham gia xây dựng chính sách - Đóng góp ngân sách nhà nước và tạo việc làm bền vững

Các chủ đề trọng yếu

Trong năm 2025, TCBS bắt đầu áp dụng Tiêu chuẩn GRI như một khung tham chiếu cho việc xây dựng Báo cáo Phát triển Bền vững. Do đang ở giai đoạn đầu triển khai ESG, TCBS áp dụng phương pháp triển khai theo từng bước, tập trung vào việc nhận diện các vấn đề phát triển bền vững có liên quan trực tiếp đến mô hình kinh doanh WealthTech và hoạt động cốt lõi của Công ty.

Quy trình xác định chủ đề trọng yếu

1

Nhận diện các vấn đề ESG

- TCBS rà soát các yếu tố có tác động lớn đến kinh tế, môi trường xã hội và quản trị, từ đặc thù mô hình WealthTech. Các vấn đề nhận diện gồm:
- Rủi ro an ninh thông tin và phụ thuộc vào công nghệ
 - Đổi mới trong môi trường fintech cạnh tranh
 - Minh bạch và niềm tin trên thị trường trái phiếu
 - Mức độ hiểu biết tài chính của nhà đầu tư cá nhân
 - Nhu cầu phát triển sản phẩm tài chính bền vững và ESG

2

Thu thập ý kiến từ khách hàng

TCBS sử dụng dữ liệu từ khảo sát hài lòng - CSAT, khiếu nại, và hành vi khách hàng trên nền tảng giao dịch để đánh giá tác động của các vấn đề đã xác định đến trải nghiệm và quyền lợi của nhà đầu tư.

3

Xác định danh sách chủ đề trọng yếu

- Các chủ đề trọng yếu được chọn dựa trên mức độ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và uy tín, quan tâm của khách hàng, rủi ro thị trường, yêu cầu pháp lý và xu hướng phát triển thị trường vốn. Các chủ đề chính bao gồm:
- An ninh thông tin và hạ tầng công nghệ
 - Đạo đức kinh doanh và tuân thủ
 - Bảo vệ nhà đầu tư và minh bạch thị trường
 - Nâng cao am hiểu tài chính cho nhà đầu tư cá nhân
 - Đổi mới công nghệ và chất lượng dịch vụ
 - Tài chính bền vững và phát triển sản phẩm ESG



Quản lý các chủ đề trọng yếu

Các chủ đề trọng yếu được quản lý thông qua ba lớp chính:

1. Khung chính sách và quy định nội bộ;

2. Quy trình nghiệp vụ và kiểm soát rủi ro;

3. Hệ thống chỉ số theo dõi và báo cáo định kỳ.

Chi tiết về cách thức TCBS quản lý các chủ đề trọng tâm được trình bày trong bảng sau:

Chủ đề trọng yếu	Cách tiếp cận quản lý	Cơ chế kiểm soát	Đơn vị liên quan
An ninh thông tin và hạ tầng công nghệ	- Áp dụng các chính sách an ninh thông tin và quản lý truy cập hệ thống - Kiểm soát rủi ro công nghệ thông qua các quy trình kiểm thử, sao lưu dữ liệu và kế hoạch dự phòng vận hành - Giám sát liên tục hoạt động của các hệ thống giao dịch và nền tảng số	- Phân quyền truy cập theo chức năng - Kiểm tra, đánh giá hệ thống định kỳ - Quy trình ứng phó sự cố công nghệ	- Bộ phận An ninh thông tin - Bộ phận Công nghệ
Đạo đức kinh doanh và tuân thủ	- Áp dụng quy tắc đạo đức nghề nghiệp và quy định tuân thủ nội bộ - Đào tạo định kỳ cho nhân viên về tuân thủ, phòng chống tham nhũng và xung đột lợi ích - Thiết lập cơ chế giám sát và báo cáo vi phạm	- Hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán - Quy trình xử lý vi phạm và kỷ luật - Cơ chế báo cáo và tiếp nhận phản ánh	- Bộ phận Kiểm tra kiểm soát nội bộ - Bộ phận Tuân thủ - Bộ phận Hành chính Nhân Sự - Bộ phận Kiểm toán nội bộ
Bảo vệ nhà đầu tư và minh bạch thị trường	- Thực hiện quy trình thẩm định sản phẩm và kiểm soát rủi ro trước khi phân phối - Công bố thông tin theo quy định và chuẩn mực thị trường - Duy trì cơ chế tiếp nhận và xử lý phản hồi, khiếu nại của khách hàng	- Quy trình phê duyệt sản phẩm - Kiểm soát giao dịch và giám sát rủi ro - Hệ thống chăm sóc khách hàng đa kênh	- Bộ phận Pháp chế - Bộ phận Tư vấn và trải nghiệm khách hàng trực tuyến - Bộ phận Marketing - Bộ phận Kiểm tra kiểm soát nội bộ - Bộ phận Kiểm toán nội bộ
Nâng cao am hiểu tài chính cho nhà đầu tư cá nhân	- Phát triển các chương trình đào tạo, hội thảo và nội dung giáo dục tài chính - Cung cấp công cụ, tài liệu hướng dẫn đầu tư trên nền tảng số - Tích hợp nội dung am hiểu nền tảng và sản phẩm vào hành trình khách hàng	- Chương trình đào tạo trực tuyến và trực tiếp - Nội dung truyền thông và tài liệu hướng dẫn đầu tư - Hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định	- Bộ phận Marketing - Bộ phận Kinh doanh chứng khoán trực tuyến - Bộ phận Giải pháp tài chính công nghệ - Bộ phận Tư vấn kinh doanh và hợp tác phát triển đối tác
Đổi mới công nghệ và chất lượng dịch vụ	- Đầu tư vào nền tảng công nghệ và hệ thống giao dịch - Phát triển các sản phẩm và tính năng mới nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng - Theo dõi hiệu quả đầu tư công nghệ và năng suất vận hành	- Chương trình phát triển sản phẩm số - Dự án nâng cấp hệ thống công nghệ - Đánh giá hiệu quả đầu tư	- Bộ phận Công nghệ - Bộ phận Nghiên cứu và Phát triển - Bộ phận Tư vấn và trải nghiệm khách hàng trực tuyến - Bộ phận Giải pháp tài chính công nghệ - Bộ phận Phát triển sản phẩm kỹ thuật số
Tài chính bền vững/chuyển đổi và phát triển sản phẩm ESG	- Phát triển các sản phẩm tài chính xanh, xã hội, bền vững và chuyển đổi - Tích hợp yếu tố ESG vào quy trình tư vấn, cấu trúc và phân phối sản phẩm tài chính - Tuân thủ các điều kiện ESG từ các định chế tài chính phát triển	- Khung tài chính bền vững, các chính sách ESG nội bộ - Quy trình đánh giá yếu tố ESG trong giao dịch - Phát triển danh mục sản phẩm ESG	- Bộ phận Quản trị rủi ro - Bộ phận Quản lý Nguồn vốn và thị trường tài chính - Bộ phận Kiểm tra kiểm soát nội bộ

Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá toàn diện về trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty. Nhìn chung, công ty đã tích cực triển khai các chính sách và biện pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ quyền lợi người lao động, cũng như đóng góp tích cực vào cộng đồng, cụ thể như sau:

Tác động môi trường và tuyên bố về tính trọng yếu

Với đặc thù là một tổ chức trung gian tài chính hoạt động theo mô hình WealthTech, TCBS không trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, khai thác hoặc sử dụng nguyên vật liệu đầu vào cho mục đích sản xuất. Do đó, các tác động môi trường trực tiếp từ hoạt động cốt lõi được đánh giá là không trọng yếu so với các tác động về quản trị, phân bổ vốn và bảo vệ nhà đầu tư. Trên cơ sở đánh giá chủ đề trọng yếu theo GRI 2021 và phù hợp với đặc thù ngành chứng khoán, báo cáo này không đi sâu vào các chỉ số môi trường ở mức độ chi tiết như các doanh nghiệp sản xuất.

Quản lý tác động môi trường trực tiếp

- TCBS duy trì khuôn khổ quản lý môi trường ở mức phù hợp đối với hoạt động văn phòng, bao gồm:
- Tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính: Do không có hoạt động sản xuất hay cơ sở hạ tầng phát thải lớn, lượng phát thải trực tiếp chủ yếu phát sinh từ tiêu thụ điện năng và hoạt động văn phòng. Công ty thúc đẩy số hóa quy trình, giảm sử dụng giấy, tối ưu hóa hạ tầng công nghệ và khuyến khích các giải pháp làm việc linh hoạt nhằm hạn chế phát thải gián tiếp.
 - Tiêu thụ nước: Hoạt động văn phòng sử dụng nước chủ yếu cho vận hành, được giám sát và tối ưu hóa thông qua các biện pháp tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng.
 - Chất thải: TCBS không phát sinh nước thải công nghiệp hay chất thải nguy hại. Rác thải sinh hoạt văn phòng được thu gom và xử lý theo quy định của tòa nhà và cơ quan chức năng.
 - Tuân thủ pháp luật và quản trị môi trường: Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, đồng thời lồng ghép trách nhiệm môi trường vào hệ thống quản trị chung và chức năng quản trị rủi ro.

Quản lý rủi ro môi trường gián tiếp

- TCBS nhận diện các rủi ro môi trường gián tiếp thông qua hoạt động phân bổ vốn và cung cấp sản phẩm tài chính. Vì vậy, công ty lồng ghép các tiêu chí môi trường vào chính sách kinh doanh, bao gồm:
- Danh mục cổ phiếu cho vay margin: TCBS cho vay margin trên danh mục rộng các cổ phiếu đáp ứng quy định pháp luật. Trong đó, các cổ phiếu thuộc Chỉ số Phát triển Bền vững Việt Nam (VNSI) hiện chiếm 26% tổng dư nợ margin.
 - Tiêu chí loại trừ theo thông lệ quốc tế: Không đầu tư hoặc cho vay các dự án, lĩnh vực có tác động tiêu cực tới môi trường – xã hội, phù hợp với các nguyên tắc của IFC, DFI và quy định pháp luật Việt Nam. Các lĩnh vực loại trừ bao gồm: hoạt động bất hợp pháp, lao động cưỡng bức, sản xuất amiăng, sản xuất hoặc kinh doanh vũ khí, và các dự án gây hủy hoại môi trường, di tích lịch sử – văn hóa hoặc sức khỏe cộng đồng.



Tác động xã hội

Người lao động

Mô hình Agile và văn hóa bảng trắng

Công ty xây dựng văn hóa làm việc dựa trên mô hình Agile, với cấu trúc tổ chức linh hoạt xoay quanh các nhóm kinh doanh – công nghệ tích hợp - “Business Squads”. Thay vì vận hành IT như một bộ phận tách biệt, các Scrum team được tổ chức gắn chặt với từng mảng kinh doanh, đảm bảo sự phối hợp xuyên suốt từ hình thành ý tưởng, phát triển sản phẩm đến triển khai và tối ưu vận hành. Mỗi squad quy tụ đầy đủ các chức năng cốt lõi như kinh doanh, công nghệ, phân tích dữ liệu, marketing và pháp chế, qua đó rút ngắn chu trình ra quyết định, nâng cao tốc độ triển khai và khả năng phản ứng với nhu cầu thị trường.

Song song đó, công ty nuôi dưỡng văn hóa hợp tác cởi mở và học hỏi liên tục, thể hiện rõ qua “văn hóa bảng trắng” – nơi ý tưởng được khuyến khích chia sẻ, thảo luận và hoàn thiện mà không bị ràng buộc bởi cấp bậc hay vai trò. Các họp nhóm/trao đổi giữa các phòng ban được diễn ra thường xuyên, giúp các nội bộ nhanh chóng tích lũy kiến thức lẫn nhau, thúc đẩy tư duy sáng tạo, tinh thần chủ động và khả năng học hỏi nhanh trên toàn tổ chức.

Tại Công ty, chúng tôi tin: Công nghệ tạo ra công cụ, con người tạo ra khác biệt. Chúng tôi theo đuổi sứ mệnh thu hút và phát triển những cá nhân xuất sắc — dám nghĩ, dám làm, dám thử thách giới hạn và không ngừng vươn tới phiên bản tốt hơn của chính mình. Một đội ngũ mạnh là đội ngũ hạnh phúc, được ghi nhận và được chăm sóc toàn diện. Vì vậy, chúng tôi liên tục nâng cấp phúc lợi, môi trường làm việc và trải nghiệm nhân viên, đảm bảo mỗi người cảm thấy an toàn, tự tin và tự hào khi gắn bó. Nhân viên của chúng tôi không chỉ là “nhân viên” — họ là những đồng đội cùng kiến tạo tương lai, nhận được sự tận tâm và chất lượng hỗ trợ tương xứng với những gì công ty mang đến cho khách hàng.



Tại TCBS, bảng trắng có ở khắp mọi nơi. Ai có ý tưởng, đề xuất cũng có thể vẽ lên bảng để cùng thiết kế sản phẩm. Trên các tấm bảng đó “không có chức vụ hay cấp bậc”.

Cơ cấu nhân sự đa dạng

Cơ cấu nhân sự của công ty phản ánh trọng tâm số hóa, với 588 cán bộ nhân viên, trong đó có 359 kỹ sư công nghệ, chiếm hơn 60% đội ngũ nhân sự. Đây là lực lượng nòng cốt giúp công ty thực hiện mục tiêu chuyển đổi số toàn diện.

Tỷ lệ nữ trong tổng số nhân sự đạt 49%, trong khi tỷ lệ nữ ở vị trí quản lý cấp trung là 48%, thể hiện cam kết của TCBS trong việc xây dựng lực lượng lao động đa dạng và bình đẳng giới, đồng thời thúc đẩy môi trường làm việc nơi mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển công bằng.

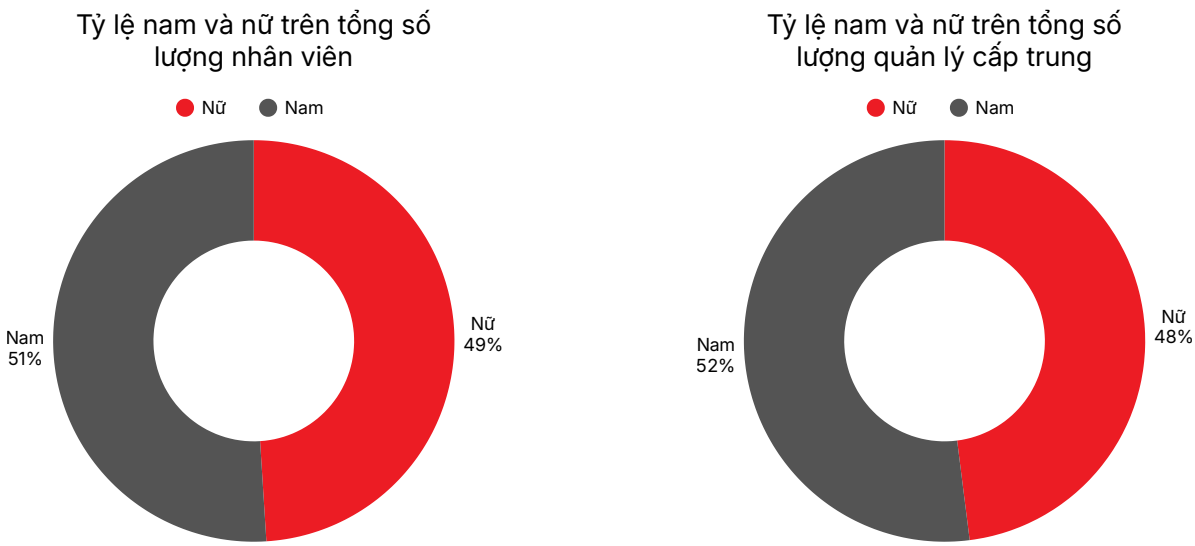
Lực lượng nhân sự của Công ty có tuổi trung bình khoảng 30 tuổi, với phần lớn nhân sự tập trung trong nhóm tuổi 24–33. Cơ cấu nhân sự trẻ, năng động và có nền tảng chuyên môn về tài chính, công nghệ và dữ liệu là yếu tố quan trọng giúp Công ty thúc đẩy đổi mới và phát triển các giải pháp đầu tư dựa trên nền tảng công nghệ. Cơ cấu nhân sự này góp phần giúp Công ty duy trì khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thị trường, đồng thời nâng cao năng lực phát triển các nền tảng công nghệ và giải pháp đầu tư hướng tới trải nghiệm khách hàng ngày càng tối ưu.

Tại 31/12/2025, toàn bộ nhân sự đang làm việc theo hợp đồng chính thức, toàn thời gian, phù hợp với đặc thù hoạt động dịch vụ tài chính. Công ty không sử dụng lao động thuê ngoài cho các hoạt động cốt lõi trong kỳ báo cáo. Bên cạnh đó, TCBS có hợp tác với các đơn vị cung cấp dịch vụ bên ngoài để hỗ trợ một số hoạt động không cốt lõi, bao gồm công nghệ, an ninh và hành chính. Những cá nhân này không có quan hệ lao động trực tiếp với công ty và được quản lý theo hợp đồng dịch vụ với nhà cung cấp.

Công ty cũng đã xây dựng Thỏa ước lao động tập thể, các nội dung trọng yếu của thỏa ước được thảo luận dân chủ, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người lao động và doanh nghiệp. Thỏa ước sau đó đã được thông qua với sự đồng thuận cao và phổ biến rộng rãi đến toàn thể người lao động. Việc triển khai thỏa ước góp phần củng cố môi trường làm việc ổn định, nâng cao phúc lợi và tăng cường cam kết gắn bó của đội ngũ nhân sự trong công ty.

Chỉ tiêu	Tổng số	Nam	Nữ
Nhân viên	588	300	288
Quản lý cấp trung	95	49	46

Nguồn: TCBS



Phúc lợi, An toàn, Sức khỏe và Môi trường làm việc

Phúc lợi

TCBS duy trì chính sách lương, thưởng và phúc lợi cạnh tranh, với mức lương trung bình 65 triệu đồng/tháng/CBNV, nhằm thúc đẩy hiệu quả làm việc và tăng cường gắn bó lâu dài. Các chương trình thưởng KPI được thiết kế liên kết trực tiếp với kết quả kinh doanh, khuyến khích nhân viên đạt hiệu suất công việc vượt trội. Chương trình ESOP dành cho CBNV chủ chốt góp phần gắn kết đội ngũ với sự phát triển dài hạn của công ty.

Bên cạnh bảo hiểm sức khỏe, Công ty còn chủ động mang đến nhiều hoạt động hỗ trợ sức khỏe thể chất và tinh thần. Định kỳ, các chuyên gia y tế và dinh dưỡng được mời đến để chia sẻ về:

- Sức khỏe tổng quát
- Dinh dưỡng khoa học
- Phòng ngừa bệnh lý cột sống
- Sức khỏe sinh sản
- Các thói quen sống và làm việc lành mạnh

Những chương trình này không chỉ giúp nâng cao nhận thức về sức khỏe mà còn góp phần tạo nên một lối sống bền vững, giúp mỗi nhân viên duy trì sự cân bằng lâu dài. Tất cả nhằm tạo điều kiện để họ mở rộng tầm nhìn, gia tăng ảnh hưởng và trở thành những nhân sự xuất sắc, những nhà lãnh đạo truyền cảm hứng cho đội ngũ mai sau.

An toàn vệ sinh lao động

Hàng năm, Công ty xây dựng Kế hoạch An toàn – Vệ sinh lao động theo đúng quy định, bao gồm:

- Đào tạo VSATLĐ và thẻ ATLĐ cho CBNV chuyên trách
- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ, thiết bị hỗ trợ công việc
- Xây dựng và cập nhật phương án xử lý sự cố – ứng cứu khẩn cấp
- Tổ chức diễn tập định kỳ các tình huống rủi ro như cháy nổ, sự cố kỹ thuật
- Duy trì phòng y tế riêng với đầy đủ trang thiết bị sơ cứu tiêu chuẩn và nhân viên y tế trực tiếp túc trực để hỗ trợ kịp thời.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện:

- Đo đạc định kỳ các yếu tố môi trường lao động (ánh sáng, tiếng ồn, chất lượng không khí)
- Triển khai biện pháp cải thiện khi có yếu tố không đạt quy chuẩn
- Khám sức khỏe tuyển dụng, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp

Đào tạo BCP & nâng cao nhận thức an toàn

Hàng năm, toàn bộ CBNV đều tham gia các khóa học bắt buộc về Kế hoạch đảm bảo liên tục hoạt động kinh doanh (BCP), trang bị kỹ năng ứng phó với thiên tai, hỏa hoạn, trộm cướp, sự cố nghiêm trọng hoặc khủng hoảng vận hành. Nhờ đó, mỗi nhân viên đều chủ động, tự tin và bình tĩnh hơn trước các tình huống bất ngờ.

Phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo để bứt phá – Kiến tạo những chuyên gia dẫn đầu

Chúng tôi đầu tư vào con người như đầu tư vào tương lai của chính mình. Với 19 giờ đào tạo bình quân mỗi năm/CBNV, mỗi CBNV đều được trao cơ hội để nâng cao năng lực, phát triển tư duy và tiếp cận những chuẩn mực quốc tế.

Từ những khóa đào tạo nội bộ như TechTalk, TAS, Leader talk, đến các khóa học chuyên sâu như AWS, Product Owner, Scrum Master, hay chương trình People Manager Excellence, chúng tôi không chỉ dạy kỹ năng – chúng tôi truyền cảm hứng, trao công cụ và mở đường để nhân viên tự tin dẫn dắt sự thay đổi.

Nuôi dưỡng nhân tài – Bồi đắp những thủ lĩnh của tương lai

Nhân tài không tự sinh ra. Họ được mài giũa qua thử thách, cơ hội và sự dẫn dắt đúng đắn. Chúng tôi xây dựng những chương trình phát triển chuyên biệt dành cho đội ngũ nhân sự chủ chốt nhằm trang bị về tư duy, kiến thức và kỹ năng phù hợp với chân dung của nhà lãnh đạo trong kỷ nguyên mới:

- Những buổi chia sẻ từ các chuyên gia hàng đầu
- Teccomlead 2.0 – 2.1
- Những dự án lớn để học qua trải nghiệm thật
- Những khóa đào tạo mở rộng để nâng tầm tư duy

Song song với đào tạo và phát triển, Công ty đặc biệt chú trọng đến sức khỏe – an toàn nhằm đảm bảo điều kiện làm việc tối ưu cho toàn thể CBNV.



Khách hàng và nhà đầu tư

Bảo vệ nhà đầu tư và nâng cao chất lượng dịch vụ

Thông qua quy trình thẩm định và lựa chọn sản phẩm, TCBS góp phần nâng cao tiêu chuẩn chất lượng đối với các công cụ đầu tư trước khi phân phối tới khách hàng. Việc áp dụng các tiêu chí đánh giá về năng lực tài chính, tính minh bạch và khả năng thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành giúp hạn chế các sản phẩm có rủi ro cao, qua đó giảm thiểu khả năng phát sinh tổn thất cho nhà đầu tư cá nhân. Đồng thời, cách tiếp cận thận trọng trong lựa chọn giao dịch cũng góp phần cải thiện tính minh bạch và kỷ luật trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

TCBS thực hiện công bố thông tin minh bạch theo chuẩn mực pháp lý và thị trường, cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan để hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình ra quyết định. Thông tin sản phẩm được trình bày rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo nhà đầu tư tiếp cận đầy đủ các dữ liệu về đặc điểm, rủi ro và quyền lợi đi kèm.

Để nâng cao trải nghiệm khách hàng, TCBS duy trì hệ thống tiếp nhận và xử lý phản hồi, khiếu nại của khách hàng thông qua nhiều kênh khác nhau. Các phản hồi được ghi nhận, xử lý theo quy trình nội bộ và theo dõi định kỳ nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ. Chỉ số hài lòng khách hàng (CSAT) đã ghi nhận mức cao bền vững 4.34/5, phản ánh sự nâng cao trong chất lượng phục vụ và mức độ gắn bó của khách hàng.

Trong môi trường số hóa ngày càng phức tạp, TCBS xây dựng hệ thống quy trình nội bộ bám sát tiêu chuẩn pháp lý và quốc tế, đồng thời đầu tư mạnh mẽ vào năng lực xác minh khách hàng (e-KYC), giám sát giao dịch và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Mọi chính sách và hoạt động vận hành đều được thiết kế nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng hiệu quả kỳ vọng đa dạng của khách hàng mà vẫn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định bảo mật. Với chỉ số bảo mật như Microsoft Security Score đạt 83,24/100 và AWS Foundation Security Best Practices đạt 90/100, TCBS không chỉ đạt chuẩn cao trong ngành mà còn tạo được niềm tin vững chắc từ khách hàng và đối tác.



Dẫn dắt đổi mới và mở rộng khả năng tiếp cận đầu tư số

Trong bối cảnh thị trường tài chính ngày càng số hóa, TCBS xác định đổi mới công nghệ và phát triển mô hình WealthTech là yếu tố cốt lõi để tạo ra giá trị cho khách hàng và duy trì lợi thế cạnh tranh dài hạn. Việc ứng dụng công nghệ vào toàn bộ quy trình giao dịch và quản lý tài khoản giúp nâng cao hiệu quả vận hành, rút ngắn thời gian xử lý giao dịch và giảm chi phí tiếp cận thị trường vốn, đồng thời góp phần thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái tài chính số tại Việt Nam.

Trong ngành tài chính, nơi cạnh tranh và sự đổi mới không ngừng, TCBS chủ động học hỏi từ các mô hình thành công trên thế giới như eToro, Robinhood và Charles Schwab. Cách tiếp cận này giúp công ty duy trì sự sáng tạo và thích ứng nhanh với thay đổi công nghệ, đồng thời xây dựng văn hóa đổi mới mạnh mẽ, phù hợp với bối cảnh thị trường Việt Nam.

Nâng cao năng lực tài chính và lan tỏa các giá trị cho cộng đồng

TCBS nhận thức rõ rằng mức độ hiểu biết tài chính của khách hàng có tác động trực tiếp đến chất lượng quyết định đầu tư và sự ổn định của thị trường vốn. Công ty xác định giáo dục tài chính không chỉ là hoạt động hỗ trợ khách hàng mà còn là một cấu phần trong chiến lược phát triển bền vững, góp phần nâng cao năng lực tài chính của nhà đầu tư và củng cố nền tảng của thị trường.

TCBS triển khai các chương trình đào tạo và truyền thông nhằm nâng cao hiểu biết tài chính và khả năng ra quyết định của nhà đầu tư cá nhân. Khi được trang bị kiến thức đầu tư cơ bản, tiếp cận thông tin minh bạch và sử dụng các công cụ hỗ trợ phù hợp, nhà đầu tư có xu hướng lựa chọn sản phẩm tương thích với khẩu vị rủi ro và mục tiêu tài chính dài hạn của mình. Điều này góp phần hạn chế hành vi đầu tư theo cảm tính hoặc chạy theo lợi nhuận ngắn hạn, qua đó nâng cao chất lượng dòng vốn trên thị trường. TCBS cũng nhận diện nguy cơ từ việc thiếu kiến thức và thông tin, có thể dẫn đến quyết định đầu tư sai lầm và tăng rủi ro hệ thống. Do đó, công ty tích hợp giáo dục tài chính vào hệ sinh thái dịch vụ, như một giải pháp phòng ngừa rủi ro và góp phần phát triển thị trường vốn lành mạnh.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo đầu tư và phát triển hệ thống nội dung giáo dục tài chính trên nền tảng số. Tài liệu hướng dẫn, video đào tạo và thư viện kiến thức được tích hợp trực tiếp vào nền tảng giao dịch, giúp khách hàng tiếp cận thông tin một cách chủ động và thuận tiện. Bên cạnh đó, TCBS cung cấp các công cụ hỗ trợ ra quyết định đầu tư, cho phép nhà đầu tư đánh giá rủi ro, so sánh sản phẩm và xây dựng danh mục phù hợp với mục tiêu tài chính cá nhân.

Cộng đồng

Gắn kết cộng đồng và trách nhiệm xã hội

Trong năm qua, cán bộ nhân viên TCBS đã tham gia chương trình “Chạy để góp quỹ từ thiện – Chạm Yêu Thương”, qua đó thúc đẩy tinh thần thể thao và trách nhiệm xã hội. Với mỗi kilomet được hoàn thành, TCBS đóng góp 10.000 đồng vào Quỹ Chạm Yêu Thương. Hoạt động không chỉ khuyến khích lối sống lành mạnh trong nội bộ doanh nghiệp mà còn tạo nguồn lực tài chính bền vững cho các chương trình hỗ trợ cộng đồng.

Tiếp nối cam kết này, TCBS triển khai gian hàng “Trao yêu thương” tại Hội chợ Đông Trao, đóng vai trò cầu nối đưa các sản phẩm từ các cơ sở thiện nguyện đến gần hơn với khách hàng và đối tác. Chương trình hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm thủ công của Cơ sở Thương Thương Handmade – nơi tạo việc làm cho người khuyết tật và bệnh nhân chạy thận nhằm giúp họ có thêm thu nhập ổn định. Đặc biệt, TCBS tham gia phân phối “Lịch Cơm Có Thịt” – sản phẩm gây quỹ cho chương trình thiện nguyện “Cơm Có Thịt”, sáng kiến nhằm mang đến những bữa cơm có thịt đầy đủ dinh dưỡng cho học sinh vùng cao còn nhiều khó khăn. Thông qua hoạt động này, TCBS góp phần chung tay cải thiện điều kiện học tập và phát triển thể chất cho trẻ em tại các địa bàn khó khăn. Bên cạnh đó, chương trình cũng hỗ trợ quảng bá và tiêu thụ nông sản của bà con vùng Điện Biên, góp phần tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm địa phương. Toàn bộ lợi nhuận từ các hoạt động trên được chuyển trực tiếp đến các cơ sở thụ hưởng và Quỹ Chạm Yêu Thương, bảo đảm tính minh bạch và lan tỏa giá trị bền vững trong cộng đồng.

Thông qua các sáng kiến xã hội này, TCBS tiếp tục khẳng định cam kết phát triển bền vững, gắn tăng trưởng kinh doanh với trách nhiệm xã hội và tạo tác động tích cực lâu dài cho cộng đồng.



Hoạt động thị trường vốn xanh – Kết nối dòng vốn với phát triển bền vững

TCBS định hướng phát triển các giải pháp tài chính bền vững như một phần trong chiến lược dài hạn, nhằm kết nối dòng vốn trên thị trường với các hoạt động kinh tế có tác động tích cực đến môi trường và xã hội. Thông qua các hoạt động tư vấn, cấu trúc và phân phối sản phẩm tài chính, công ty góp phần hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn cho các dự án xanh, xã hội và chuyển đổi, đồng thời thúc đẩy sự hình thành của thị trường tài chính bền vững tại Việt Nam.

Việc phát triển các sản phẩm ESG không chỉ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực mà còn mở ra cơ hội kinh doanh mới cho TCBS, đáp ứng xu hướng quốc tế. TCBS đã chủ động hợp tác với UOB Asset Management để phân phối Quỹ đầu tư cổ phiếu United ESG Việt Nam – UVEEF, một trong những sản phẩm tiên phong tại thị trường quỹ mở trong nước theo chiến lược đầu tư tích hợp ESG và loại trừ các ngành có tác động tiêu cực đến môi trường.

Bên cạnh hoạt động phân phối sản phẩm, TCBS từng bước phát triển năng lực tư vấn tài chính bền vững và tài chính chuyển đổi cho doanh nghiệp. Công ty xây dựng khung tài chính bền vững và các chính sách ESG nội bộ làm cơ sở cho việc cấu trúc, tư vấn và phân phối các công cụ tài chính xanh, xã hội, bền vững và chuyển đổi. Để giảm thiểu nguy cơ "greenwashing", TCBS ưu tiên xây dựng nền tảng chính sách, quy trình và năng lực tư vấn trước khi mở rộng quy mô các sản phẩm ESG.

Trong những năm tới, TCBS tiếp tục phát triển danh mục sản phẩm tài chính bền vững và mở rộng hoạt động tư vấn tài chính chuyển đổi, qua đó góp phần định hướng dòng vốn theo hướng minh bạch, có trách nhiệm và hỗ trợ quá trình chuyển đổi bền vững của doanh nghiệp.



C H Ư Ớ N G

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

132 Báo cáo tài chính kiểm toán 2025 của TCBS



Báo cáo tài chính 2025

Thông tin chung

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 125/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 05 năm 2018. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương được chuyển đổi hình thức pháp lý từ Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương theo Quyết định số 222/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 03 năm 2018.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn góp của chủ sở hữu của Công ty là 23.113.080.210.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 09 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023 cho nhiệm kỳ 2023-2028
Bà Nguyễn Thị Dịu	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2024 cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028
	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2024 cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023 cho nhiệm kỳ 2023-2028
Ông Alexandre Charles Emmanuel Macaire	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023 cho nhiệm kỳ 2023-2028
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2023 cho nhiệm kỳ 2023-2028

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Văn Khải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023 cho nhiệm kỳ 2023-2028
Bà Hoàng Thị Kim Cúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023 cho nhiệm kỳ 2023-2028
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023 cho nhiệm kỳ 2023-2028

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 01 năm 2024
Bà Phạm Diệu Linh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2018
Bà Bùi Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2020
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hoạt	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2025
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 08 năm 2022
Ông Ngô Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc Người phụ trách Quản trị Công ty	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 05 năm 2023 Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2025
Ông Nguyễn Đăng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Minh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Bà Trần Thị Thu Trang, Phó Tổng Giám đốc được Ông Nguyễn Xuân Minh ủy quyền ký báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo Giấy Ủy quyền số 020511/21/UQ-TCBS ký ngày 05 tháng 11 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Bà Trần Thị Thu Trang

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 02 năm 2026

Số tham chiếu: 12837671/E-69120047

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: **Các cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“Công ty”) được lập ngày 27 tháng 02 năm 2026 và được trình bày từ trang 06 đến trang 71, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga

Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 02 năm 2026



Nguyễn Văn Trung

Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2026-004-1

BẢO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)		76.612.765.855.403	49.394.749.963.613
110	I. Tài sản tài chính		76.597.293.421.692	49.341.572.003.957
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	3.108.078.221.717	2.864.601.041.636
111.1	1.1. Tiền		3.108.078.221.717	2.864.601.041.636
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1, 7.5	38.923.020.900	17.278.163.500
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	7.3	3.657.418.739.619	2.232.105.785.348
114	4. Các khoản cho vay	7.4	43.859.732.477.143	25.911.246.001.189
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	7.2, 7.6	25.218.442.812.696	17.670.549.755.100
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp	8	(12.757.948.678)	(10.806.072.274)
117	7. Các khoản phải thu	9	686.848.052.984	539.116.528.852
117.1	7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		195.489.000	-
117.2	7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		686.652.563.984	539.116.528.852
117.3	7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		1.200.000	4.752.786
117.4	7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		686.651.363.984	539.111.776.066
118	8. Trả trước cho người bán	9	5.729.878.954	1.949.853.033
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	32.804.970.727	93.625.988.628
122	10. Các khoản phải thu khác	9	2.271.195.630	22.076.558.945
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(198.000.000)	(171.600.000)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		15.472.433.711	53.177.959.656
131	1. Tạm ứng		410.200.000	219.400.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		1.640.794.000	259.390.000
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	13.408.458.353	52.699.169.656
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		12.981.358	-

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)		4.019.491.143.606	3.849.383.856.581
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		3.610.268.431.824	3.533.431.775.000
212	1. Các khoản đầu tư		3.610.268.431.824	3.533.431.775.000
212.1	1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.3	410.000.000.000	500.000.000.000
212.4	1.2. Đầu tư dài hạn khác	10	3.200.268.431.824	3.033.431.775.000
220	II. Tài sản cố định		107.181.206.706	50.740.739.690
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	33.220.423.249	39.993.555.777
222	1.1. Nguyên giá		126.797.126.020	117.475.687.200
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(93.576.702.771)	(77.482.131.423)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	73.960.783.457	10.747.183.913
228	2.1. Nguyên giá		138.768.470.729	66.775.606.490
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(64.807.687.272)	(56.028.422.577)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	53.765.213.326	8.471.319.232
250	IV. Tài sản dài hạn khác		248.276.291.750	256.740.022.659
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	14	183.408.219.803	195.229.298.800
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	15	16.980.000.795	8.909.838.294
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	17.804.201.744	23.846.393.223
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	17	20.000.000.030	18.754.492.342
255	5. Tài sản dài hạn khác	18	10.083.869.378	10.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		80.632.256.999.009	53.244.133.820.194

BẢO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B01-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)		36.532.676.815.634	26.947.161.543.516
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		35.016.932.279.815	25.934.267.565.771
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	31.079.695.096.211	20.522.995.942.980
312	1.1. Vay ngắn hạn		31.079.695.096.211	20.522.995.942.980
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	21	1.504.310.847.194	3.574.904.342.006
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22	51.121.802.352	30.358.344.178
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn		2.000.410.883	66.489.220
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	126.000.000.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23	1.384.739.664.586	878.447.688.270
323	7. Phải trả người lao động		231.830.280.548	183.986.993.939
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.459.010.095	756.498.450
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	24	265.828.841.247	191.122.324.100
327	10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	25	375.518.055.392	251.238.807.204
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	26	120.138.271.307	174.100.135.424
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		290.000.000	290.000.000
340	II. Nợ phải trả dài hạn		1.515.744.535.819	1.012.893.977.745
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	21	1.509.970.833.337	1.006.350.476.843
351	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	25	5.743.148.982	6.512.947.402
355	3. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư		30.553.500	30.553.500

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		44.099.580.183.375	26.296.972.276.678
410	I. Vốn chủ sở hữu		44.099.580.183.375	26.296.972.276.678
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.2	31.720.060.628.518	19.613.221.200.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		23.113.080.210.000	19.613.221.200.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		8.606.980.418.518	-
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	27.2	7.475.370.203	(4.961.252.868)
417	3. Lợi nhuận chưa phân phối	27.1	12.372.044.184.654	6.688.712.329.546
417.1	3.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		12.347.939.323.386	6.665.324.621.285
417.2	3.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		24.104.861.268	23.387.708.261
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)		80.632.256.999.009	53.244.133.820.194

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

B01-CTCK

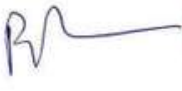
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	27.3	2.311.308.021	1.961.322.120
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK	28.1	22.556.742.060.000	17.055.403.900.000
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	28.2	2.720.000	20.000
010	4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	28.3	1.860.100.000	7.282.100.000
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	28.4	1.230.262.890.000	18.786.720.000
014	6. Chứng quyền (số lượng)		1.204.900	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	28.5	325.307.278.790.000	231.123.600.446.000
021.1	1.1 Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		240.019.596.860.000	141.951.366.816.000
021.2	1.2 Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		1.467.945.100.000	1.013.558.230.000
021.3	1.3 Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		56.063.707.010.000	72.409.443.760.000
021.4	1.4 Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		26.601.662.760.000	15.028.179.710.000
021.5	1.5 Tài sản tài chính chờ thanh toán		1.154.367.060.000	721.051.930.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	28.6	192.827.990.000	348.405.300.000
22.1	2.1 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		174.185.350.000	132.398.410.000
22.2	2.2 Tài sản tài chính đã lưu ký VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		18.642.640.000	216.006.890.000
23	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	28.7	1.291.904.460.000	875.589.460.000
024.b	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư	28.8	9.407.201.530.000	15.338.753.340.000

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)				
026	5. Tiền gửi của khách hàng		10.702.593.296.252	10.024.246.349.048
027	5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.9	6.447.211.380.125	8.245.482.244.688
027.1	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		198.220.624.524	172.607.043.516
029	5.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	28.9	4.206.007.929.509	1.734.150.405.730
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		4.204.858.774.509	1.734.122.885.730
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		1.149.155.000	27.520.000
030	5.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	28.1	49.373.986.618	44.613.698.630
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.11	10.653.219.309.634	9.979.632.650.418
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		10.609.074.997.196	9.899.574.189.167
031.2	6.1 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		44.144.312.438	80.058.461.251
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	28.12	49.373.986.618	44.613.698.630

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 02 năm 2026


Bà Trần Thị Lan Anh
Người lập


Bà Phạm Thúy Vân
Kế toán trưởng


Bà Trần Thị Thu Trang
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		3.669.453.931.882	2.449.688.939.032
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	29.1	3.662.416.587.827	2.448.980.152.070
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		4.829.351.718	683.706.962
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	29.2	126.368.800	25.080.000
01.4	1.4. Chênh lệch giảm đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	29.3	2.081.623.537	-
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	29.2	180.059.518.864	110.341.784.335
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	29.2	3.727.517.878.641	2.621.919.468.982
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	29.2	548.520.255.484	432.978.205.265
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		957.608.985.434	600.923.377.250
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		1.715.251.565.918	1.180.992.811.061
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		109.980.172.740	50.962.737.249
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		302.431.008.000	163.260.900.000
11	9. Thu nhập hoạt động khác	30	6.603.197.687	4.185.017.363
20	Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 → 11)		11.217.426.514.650	7.615.253.240.537
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		431.637.082.069	204.396.149.905
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	29.1	427.957.520.911	204.145.264.905
21.2	1.2. Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		3.532.576.725	250.885.000
21.4	1.3. Chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	29.3	146.984.433	-

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay các khoản cho vay	31	1.951.876.404	6.031.468.910
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		13.459.159	-
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	31	391.454.796.421	259.060.189.756
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	31	101.719.576.574	44.478.890.519
32	6. Chi phí hoạt động khác	31	286.774.899.108	181.492.695.748
40	Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 → 32)		1.213.551.689.735	695.459.394.838
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		45.376.233.569	17.491.002.103
44	2. Doanh thu khác về đầu tư		718.551.666	9.025.218.706
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 42 → 44)	32	46.094.785.235	26.516.220.809
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
52	1. Chi phí lãi vay		2.055.011.378.498	1.471.244.444.534
55	2. Chi phí tài chính khác		226.855.818.008	105.819.563.366
60	Cộng chi phí tài chính (60 = 52 → 55)	33	2.281.867.196.506	1.577.064.007.900
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	34	658.975.463.710	566.893.494.770
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)		7.109.126.949.934	4.802.352.563.838

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	1. Thu nhập khác		555.850.844	194.841.244
72	2. Chi phí khác		979.059.169	441.536.896
80	Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)		(423.208.325)	(246.695.652)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)		7.108.703.741.609	4.802.105.868.186
91	Lợi nhuận đã thực hiện		7.105.472.327.512	4.801.673.046.224
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		3.231.414.097	432.821.962
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		1.425.371.886.501	952.410.944.615
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.1	1.422.857.625.411	955.991.010.186
100.2	Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	35.2	2.514.261.090	(3.580.065.571)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)		5.683.331.855.108	3.849.694.923.571
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	36,37	12.436.623.071	11.558.779.299
400	Tổng lỗ toàn diện khác (400 = 301)		12.436.623.071	11.558.779.299
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		5.683.331.855.109	3.849.694.923.571
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	38	2.713	1.964

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 02 năm 2026


Bà Trần Thị Lan Anh
Người lập


Bà Phạm Thúy Vân
Kế toán trưởng


Bà Trần Thị Thu Trang
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		7.108.703.741.609	4.802.105.868.186
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		1.393.260.250.557	961.768.937.755
03	Khấu hao tài sản cố định	11,12	24.873.836.043	23.565.200.377
04	Các khoản trích lập dự phòng		26.400.000	6.071.068.910
06	Chi phí lãi vay	33	2.055.011.378.498	1.471.244.444.534
08	Dự thu tiền lãi	9	(686.651.363.984)	(539.111.776.066)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		5.631.437.562	-
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		3.679.561.158	-
13	Lỗi suy giảm giá trị Các khoản cho vay		1.951.876.404	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(6.910.975.255)	-
19	Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(6.910.975.255)	-
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.500.684.454.473	5.763.874.805.941
31	Thay đổi tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		(18.413.443.303)	(17.278.163.500)
32	Thay đổi các khoản đầu tư HTM		(1.335.312.954.271)	(1.440.059.785.348)
33	Thay đổi các khoản cho vay		(17.948.486.475.954)	(9.292.078.962.942)
34	Thay đổi tài sản tài chính AFS		(7.531.928.504.136)	(2.614.293.738.429)
35	Thay đổi phải thu bán các tài sản tài chính		(195.489.000)	-
36	Thay đổi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		539.115.328.852	337.847.776.224
37	Thay đổi phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(65.178.982.099)	(77.566.821.611)
39	Thay đổi các khoản phải thu khác		16.025.337.394	2.686.954.618.085
40	Thay đổi các tài sản khác		8.906.516.573	(197.697.100.000)

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
41	Thay đổi chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		52.947.827.083	(74.600.938.496)
42	Thay đổi chi phí trả trước		31.220.548.802	(18.967.765.286)
43	Thuế TNDN đã nộp	35.1	(969.623.062.726)	(583.532.014.718)
44	Lãi vay đã trả		(2.033.252.688.434)	(1.342.453.255.799)
45	Thay đổi các khoản phải trả cho người bán		1.933.921.663	125.459.716.520
46	Thay đổi các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		702.511.645	(63.376.177)
47	Thay đổi thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		53.057.413.631	9.629.489.049
48	Thay đổi phải trả người lao động		47.843.286.609	38.272.728.216
50	Thay đổi phải trả, phải nộp khác		85.568.505.507	2.516.743.124.189
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(20.564.385.947.691)	(4.179.809.664.082)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác		(126.608.197.153)	(15.530.023.681)
63	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(175.249.480.890)	-
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		8.412.824.066	-
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(293.444.853.977)	(15.530.023.681)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		12.106.839.428.518	2.252.600.000
73	Tiền vay gốc		95.576.293.979.754	81.148.615.568.719
73.2	- Tiền vay khác		95.576.293.979.754	81.148.615.568.719
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(86.581.825.426.523)	(77.477.067.820.028)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(86.581.825.426.523)	(77.477.067.820.028)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.196.040.613.480)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		21.101.307.981.749	2.477.759.735.211
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM (90 = 60 + 70 + 80)		243.477.180.081	(1.717.579.952.552)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	2.864.601.041.636	4.582.180.994.188
101.1	Tiền		2.864.601.041.636	4.547.180.994.188
101.2	Các khoản tương đương tiền		-	35.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (103 = 90 + 101)	5	3.108.078.221.717	2.864.601.041.636
103.1	Tiền		3.108.078.221.717	2.864.601.041.636

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTCK

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

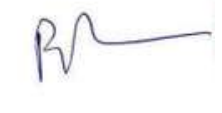
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		738.046.448.339.303	499.928.912.941.086
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(843.973.115.884.084)	(575.279.337.471.679)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		1.198.232.900.374.700	786.635.095.183.819
07.1	4. Tăng tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		25.613.581.008	43.719.133.278
08	5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.091.597.443.071.580)	(706.044.416.408.489)
11	6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(60.816.680.131)	(47.576.177.569)
14	7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		139.355.134.797.811	190.416.150.569.365
15	8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(139.350.374.509.823)	(191.403.026.217.302)
20	Tăng tiền thuần trong năm		678.346.947.204	4.249.521.552.509
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		10.024.246.349.048	5.774.724.796.539
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		10.024.246.349.048	5.774.724.796.539
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.9	8.245.482.244.688	2.945.784.273.957
	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	28.9	172.607.043.516	128.887.910.238
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	28.9	1.734.150.405.730	1.797.451.176.015
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	28.10	44.613.698.630	1.031.489.346.567

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)		10.702.593.296.252	10.024.246.349.048
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		10.702.593.296.252	10.024.246.349.048
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.9	6.447.211.380.125	8.245.482.244.688
42.1	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	28.9	198.220.624.524	172.607.043.516
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	28.9	4.206.007.929.509	1.734.150.405.730
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	28.10	49.373.986.618	44.613.698.630

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 02 năm 2026


Bà Trần Thị Lan Anh
Người lập


Bà Phạm Thúy Vân
Kế toán trưởng


Bà Trần Thị Thu Trang
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn góp của chủ sở hữu	27.2	2.176.994.200.000	19.613.221.200.000	17.436.227.000.000	-	3.499.859.010.000	-	19.613.221.200.000	23.113.080.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	27.2	9.191.910.000.000	-	-	(9.191.910.000.000)	8.606.980.418.518	-	-	8.606.980.418.518
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	27.2	(16.520.032.167)	(4.961.252.868)	39.380.735.869	(27.821.956.570)	17.609.655.881	(5.173.032.810)	(4.961.252.868)	7.475.370.203
4. Lợi nhuận chưa phân phối	27.1	12.277.122.419.455	6.688.712.329.546	3.849.694.923.571	(9.438.105.013.480)	5.685.846.116.198	(2.514.261.090)	6.688.712.329.546	12.372.044.184.654
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		12.257.063.891.765	6.665.324.621.285	3.846.365.743.000	(9.438.105.013.480)	5.682.614.702.101	-	6.665.324.621.285	12.347.939.323.386
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		20.058.527.690	23.387.708.261	3.329.180.571	-	3.231.414.097	(2.514.261.090)	23.387.708.261	24.104.861.268
TỔNG CỘNG		23.629.506.587.288	26.296.972.276.678	21.325.302.659.440	(18.657.836.970.050)	17.810.295.200.597	(7.687.293.900)	26.296.972.276.678	44.099.580.183.375
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	36, 37	(16.520.032.167)	(4.961.252.868)	39.380.735.869	(27.821.956.570)	17.609.655.881	(5.173.032.810)	(4.961.252.868)	7.475.370.203
TỔNG CỘNG		(16.520.032.167)	(4.961.252.868)	39.380.735.869	(27.821.956.570)	17.609.655.881	(5.173.032.810)	(4.961.252.868)	7.475.370.203

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 02 năm 2026

Bà Trần Thị Lan Anh
Người lập

Bà Phạm Thúy Vân
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Thu Trang
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức pháp lý từ Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương theo Quyết định số 222/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 03 năm 2018, và kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ khác của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 125/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 05 năm 2018 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102935813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2018, cấp thay đổi gần nhất lần thứ 11 ngày 26 tháng 09 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 588 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 491 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 23.113.080.210.000 VND, vốn chủ sở hữu là: 44.099.580.183.375 VND, tổng tài sản là: 80.632.256.999.009 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với sứ mệnh trở thành đối tác tư vấn tài chính chiến lược tin cậy của khách hàng doanh nghiệp và kiến tạo một trải nghiệm đầu tư tích lũy ưu việt cho mỗi gia đình Việt Nam.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu;
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Danh sách các chi nhánh công ty:
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh hoạt động theo Quyết định chấp nhận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán số 609/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 7 năm 2018.Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương - Chi nhánh Hà Nội hoạt động theo Quyết định chấp nhận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán số 43/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 3 năm 2025.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo các quyết định dưới đây:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn (có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua), có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Giá mua của tài sản tài chính FVTPL không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính”.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính”.

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế (đối với chứng khoán chưa niêm yết của Tổ chức phát hành) hoặc giá khớp lệnh mua bán chứng khoán trên các Sở Giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết). Giá mua tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS bao gồm cả các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này, như: Phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán đã niêm yết (ngoại trừ trái phiếu) trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày lập báo cáo tài chính hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.
- Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.
- Đối với trái phiếu Chính phủ, giá trái phiếu thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giá giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính thì giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi (-) giá trị dự phòng giảm giá.

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào khoản mục “Chi phí tài chính” trong năm.

4.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí hoạt động khác” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được thực hiện theo tỷ lệ sau như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
<i>Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm</i>	<i>30%</i>
<i>Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm</i>	<i>50%</i>
<i>Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm</i>	<i>70%</i>
<i>Từ ba (03) năm trở lên</i>	<i>100%</i>

4.12 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định hữu hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý, bán và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.13 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý, bán và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.14 Khấu hao và hao mòn	Loại tài sản	Số năm
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:	Máy móc và thiết bị	03 - 07
	Phần mềm	03 - 06

4.15 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.16 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.17 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.18 Các hợp đồng mua bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.19 Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu và trừ (-) Chi phí phát hành trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng năm, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng năm trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng năm trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Công ty sử dụng phương pháp đường thẳng để phân bổ chi phí phát hành trái phiếu và chiết khấu hoặc phụ trội, cụ thể: chi phí phát hành trái phiếu và các khoản chiết khấu hoặc phụ trội được phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

4.20 Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là một loại chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền tại mức giá đã xác định trước (giá thực hiện) và tại thời điểm đã được xác định trước (ngày đáo hạn); hoặc nhận khoản tiền thanh toán là giá trị chênh lệch giữa giá thực hiện và giá thanh toán tại ngày đáo hạn.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành nhưng chưa lưu hành. Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm phát sinh. Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động.

Cuối kỳ, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành").

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền mua có bảo đảm. Cuối kỳ, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

4.21 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do dịch vụ hoặc hàng hóa đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về số tiền cần thiết để thanh toán các nghĩa vụ nợ liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.22 Lợi ích của nhân viên

4.22.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.22.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.22.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.23 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.24 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán chưa được cung cấp. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

4.25 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.26 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

4.27 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.28 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.29 Vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận sau thuế đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4.30 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.31 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư 210, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 210 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	3.108.078.221.717	2.864.601.041.636
Tổng cộng	3.108.078.221.717	2.864.601.041.636

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

Đơn vị tính: VND

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
Của Công ty	2.230.698.954	518.169.571.820.770
- Cổ phiếu	161.974.488	4.203.647.696.535
- Trái phiếu	2.008.545.331	485.026.932.621.103
- Chứng chỉ tiền gửi	60.179.135	28.938.991.503.132
Của Nhà đầu tư	50.137.488.406	3.014.263.057.061.050
- Cổ phiếu	45.386.331.744	1.138.321.196.990.940
- Trái phiếu	456.428.426	685.785.771.784.720
- Chứng khoán khác	4.294.728.236	1.190.156.088.285.390
Tổng cộng	52.368.187.360	3.532.432.628.881.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh số 4.7.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục “Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp” trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết (không bao gồm cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền)	5.700.979.912	5.836.764.300	16.845.341.538	17.278.163.500
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	19.169.289.986	18.586.256.600	-	-
Chứng chỉ quỹ	13.594.967.190	14.500.000.000	-	-
Tổng cộng	38.465.237.088	38.923.020.900	16.845.341.538	17.278.163.500

7.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	2.453.179	17.123.850	1.126.389.623.481	1.113.876.175.770
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.701.003.854.751	1.701.003.854.751	2.558.661	2.558.661
Trái phiếu chưa niêm yết	20.328.838.593.888	20.328.838.593.888	15.370.846.772.556	15.370.846.772.556
Trái phiếu niêm yết	2.970.980.099.738	2.979.305.396.147	1.172.953.373.123	1.178.285.401.399
Chứng chỉ tiền gửi	201.311.490.400	201.311.490.400	-	-
Chứng chỉ quỹ	5.511.000.000	7.966.353.660	5.511.000.000	7.524.626.714
Chứng khoán khác	-	-	15.660.000	14.220.000
Tổng cộng	25.207.647.491.956	25.218.442.812.696	17.675.718.987.821	17.670.549.755.100

7.3 Các khoản đầu tư HTM

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	3.657.418.739.619	3.657.418.739.619	2.232.105.785.348	2.232.105.785.348
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại trên 12 tháng	410.000.000.000	410.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000
Tổng cộng (i)	4.067.418.739.619	4.067.418.739.619	2.732.105.785.348	2.732.105.785.348

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang cầm cố một số hợp đồng tiền gửi với giá gốc và giá trị hợp lý là 1.614.098.575.976 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 631.000.000.000 VND) để đảm bảo cho một số khoản vay ngắn hạn như trình bày tại Thuyết minh số 19, và ký quỹ hợp đồng tiền gửi với giá gốc và giá trị hợp lý là 225.000.000.000 VND để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đối với chứng quyền do Công ty phát hành như trình bày tại Thuyết minh số 22.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện cầm cố hợp đồng tiền gửi với giá gốc và giá trị hợp lý là 1.151.122.547 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.105.785.348 VND) để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán thề tín dụng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.4 Các khoản cho vay

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (iii)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (iii)
Cho vay hoạt động ký quỹ (i)	43.162.734.820.966	43.149.976.872.288	25.606.519.152.893	25.595.713.080.619
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (ii)	696.997.656.177	696.997.656.177	304.726.848.296	304.726.848.296
Tổng cộng	43.859.732.477.143	43.846.974.528.465	25.911.246.001.189	25.900.439.928.915

(i) Chứng khoán của Nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay của Nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ là 54.698.490.270.000 VND (giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ là 168.578.464.807.095 VND).

(ii) Phản ánh khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho Nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán chứng khoán.

(iii) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

Đơn vị tính: VND

Các loại tài sản tài chính FVTPL	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
		Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Cổ phiếu niêm yết	5.700.979.912	546.189.311	(410.404.923)	5.836.764.300
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	19.169.289.986	60.543.517	(643.576.903)	18.586.256.600
Chứng chỉ quỹ	13.594.967.190	905.032.810	-	14.500.000.000
Tổng cộng	38.465.237.088	1.511.765.638	(1.053.981.826)	38.923.020.900
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Cổ phiếu niêm yết	16.845.341.538	683.706.962	(250.885.000)	17.278.163.500
Tổng cộng	16.845.341.538	683.706.962	(250.885.000)	17.278.163.500

7.6 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính AFS

Đơn vị tính: VND

Các loại tài sản tài chính AFS	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
		Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Cổ phiếu niêm yết	2.453.179	15.202.714	(532.043)	17.123.850
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.701.003.854.751	-	-	1.701.003.854.751
Trái phiếu niêm yết	2.970.980.099.738	8.966.200.075	(640.903.666)	2.979.305.396.147
Trái phiếu chưa niêm yết	20.328.838.593.888	-	-	20.328.838.593.888
Chứng chỉ tiền gửi	201.311.490.400	-	-	201.311.490.400
Chứng chỉ quỹ	5.511.000.000	2.455.353.660	-	7.966.353.660
Tổng cộng	25.207.647.491.956	11.436.756.449	(641.435.709)	25.218.442.812.696
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Cổ phiếu niêm yết	1.126.389.623.481	12.151.948	(12.525.599.659)	1.113.876.175.770
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.558.661	-	-	2.558.661
Trái phiếu niêm yết	1.172.953.373.123	6.873.846.226	(1.541.817.950)	1.178.285.401.399
Trái phiếu chưa niêm yết	15.370.846.772.556	-	-	15.370.846.772.556
Chứng chỉ quỹ	5.511.000.000	2.013.626.714	-	7.524.626.714
Chứng khoán khác	15.660.000	-	(1.440.000)	14.220.000
Tổng cộng	17.675.718.987.821	8.899.624.888	(14.068.857.609)	17.670.549.755.100

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	12.757.948.678	10.806.072.274
Tổng cộng	12.757.948.678	10.806.072.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU			Đơn vị tính: VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
a. Phải thu bán các tài sản tài chính	195.489.000	-	
b. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	686.652.563.984	539.116.528.852	
- Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	1.200.000	4.752.786	
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	686.651.363.984	539.111.776.066	
Dự thu lãi tiền gửi, giấy tờ có giá	113.210.291.947	58.268.209.581	
Dự thu lãi trái phiếu	146.864.472.631	147.141.777.197	
Lãi từ hoạt động cho vay ký quỹ (Thuyết minh số 28.14)	426.576.599.406	333.701.789.288	
c. Trả trước cho người bán	5.729.878.954	1.949.853.033	
d. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	32.804.970.727	93.625.988.628	
- Phải thu dịch vụ môi giới chứng khoán	11.122.381.024	9.673.021.238	
- Phải thu phí lưu ký chứng khoán	6.283.049.609	7.286.568.375	
- Phải thu phí bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán	12.358.250.000	67.502.000.000	
- Phải thu phí dịch vụ tư vấn	639.108.800	6.831.000.000	
- Phải thu dịch vụ khác	2.402.181.294	2.333.399.015	
e. Các khoản phải thu khác	2.271.195.630	22.076.558.945	
- Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.912.963.952	21.972.898.860	
Phải thu khác liên quan hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.912.963.952	21.972.898.860	
- Phải thu khác	358.231.678	103.660.085	
f. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(198.000.000)	(171.600.000)	
Tổng cộng	727.456.098.295	656.597.329.458	

Chi tiết biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2024	Số dự phòng tại 31/12/2024	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng tại 31/12/2025	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2025
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp khó đòi						
- Công ty Cổ phần Bông Sen	55.000.000	55.000.000	-	-	55.000.000	55.000.000
- Công ty Cổ phần Quê hương Liberty	55.000.000	55.000.000	-	-	55.000.000	55.000.000
- Công ty TNHH Vina Alliance	55.000.000	38.500.000	16.500.000	-	55.000.000	55.000.000
- Đối tượng khác	33.000.000	23.100.000	9.900.000	-	33.000.000	33.000.000
Tổng cộng	198.000.000	171.600.000	26.400.000	-	198.000.000	198.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư dài hạn khác								
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Hưng Yên	8,20%	8,20%	2.026.827.000.000	2.026.827.000.000	8,20%	8,20%	2.026.827.000.000	2.026.827.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển NewCo	9,90%	9,90%	1.006.604.775.000	1.006.604.775.000	9,90%	9,90%	1.006.604.775.000	1.006.604.775.000
- Công Ty Cổ Phần Sàn Giao Dịch Tài Sản Mã Hóa Techcom	0,29%	0,29%	297.000.000	297.000.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần WealthTech Innovations	0,5%	0,5%	1.539.656.824	1.539.656.824	-	-	-	-
- Công Ty Cổ Phần Đầu tư và Công nghệ TokenBay (i)	0%	10,99%	165.000.000.000	165.000.000.000	-	-	-	-
Tổng cộng			3.200.268.431.824	3.200.268.431.824			3.033.431.775.000	3.033.431.775.000

(i) Công ty đầu tư vào cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi do Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ TokenBay phát hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Máy móc thiết bị	
Nguyên giá	
Số đầu năm	117.475.687.200
Mua mới trong năm	9.321.438.820
Số cuối năm	126.797.126.020
Khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	77.482.131.423
Khấu hao trong năm	16.094.571.348
Số cuối năm	93.576.702.771
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	39.993.555.777
Số cuối năm	33.220.423.249

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	44.116.756.340	30.622.285.254

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Phần mềm	
Nguyên giá	
Số đầu năm	66.775.606.490
Mua mới trong năm	71.992.864.239
Số cuối năm	138.768.470.729
Hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	56.028.422.577
Hao mòn trong năm	8.779.264.695
Số cuối năm	64.807.687.272
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	10.747.183.913
Số cuối năm	73.960.783.457

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	41.799.742.893	40.496.132.919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí triển khai hệ thống	53.765.213.326	8.471.319.232
Tổng cộng	53.765.213.326	8.471.319.232

14. TÀI SẢN CẨM CỐ, THẾ CHẤP

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	183.296.219.803	195.000.000.000
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ khác	112.000.000	229.298.800
Tổng cộng	183.408.219.803	195.229.298.800

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	13.408.458.353	52.699.169.656
Chi phí dịch vụ trả trước	13.408.458.353	52.699.169.656
Dài hạn	16.980.000.795	8.909.838.294
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.265.006.570	1.795.747.753
Chi phí dịch vụ trả trước	12.714.994.225	7.114.090.541
Tổng cộng	30.388.459.148	61.609.007.950

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số đầu năm	23.846.393.223	24.188.580.704
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(3.527.930.389)	(3.922.253.052)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.514.261.090)	3.580.065.571
Số cuối năm	17.804.201.744	23.846.393.223

17. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

Theo Quyết định số 40/QĐ-HĐTV ban hành ngày 29/04/2025 của Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hằng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung lũy kế	17.969.613.710	17.837.675.078
Tiền lãi phân bổ phát sinh trong năm	1.910.386.320	796.817.264
Tổng cộng	20.000.000.030	18.754.492.342

18. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Phản ánh tiền nộp quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh. Theo Quy chế quản lý và sử dụng quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 28/QĐ-HĐTV ngày 16/4/2025 của Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh		
- Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
- Lãi phân bổ	83.869.378	-
Tổng cộng	10.083.869.378	10.000.000.000

19. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẨM CỐ, THẾ CHẤP

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay ngắn hạn và nghĩa vụ thanh toán thẻ tín dụng của Công ty:

	Số cuối năm	Số đầu năm	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn			
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (Thuyết minh 7.3)	1.614.098.575.976	631.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn bằng VND
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (Thuyết minh 7.3)	1.151.122.547	1.105.785.348	Thanh toán thẻ tín dụng
Tổng cộng	1.615.249.698.523	632.105.785.348	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Phát sinh tăng trong năm	Phát sinh giảm trong năm	Số cuối năm
Các khoản vay ngắn hạn bằng USD (ii)	8.839.156.100.000	9.242.080.600.000	9.624.586.700.000	8.456.650.000.000
- Vay hợp vốn (Ngân hàng Cathay United đại diện)	-	5.869.600.000.000	-	5.869.600.000.000
- Vay khác	8.839.156.100.000	3.372.480.600.000	9.624.586.700.000	2.587.050.000.000
Các khoản vay ngắn hạn bằng VND (iii)	11.683.839.842.980	84.325.043.979.754	73.385.838.726.523	22.623.045.096.211
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.500.000.000.000	15.300.000.000.000	15.000.000.000.000	2.800.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	500.000.000.000	6.300.000.000.000	4.300.000.000.000	2.500.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.000.000.000.000	6.225.000.000.000	4.250.000.000.000	2.975.000.000.000
- Vay khác	7.683.839.842.980	56.500.043.979.754	49.835.838.726.523	14.348.045.096.211
Tổng cộng (i)	20.522.995.942.980	93.567.124.579.754	83.010.425.426.523	31.079.695.096.211

(i) Các khoản vay ngắn hạn được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động và các mục đích khác của Công ty với lãi suất của các khoản vay còn số dư tại ngày cuối kỳ là từ 3,8%/năm đến 8,5%/năm.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản vay tại các Tổ chức tài chính nước ngoài có tổng giá trị nguyên tệ là 330.000.000 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 350.000.000 USD). Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất bởi các sản phẩm phái sinh ngoại hối và phái sinh lãi suất với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và các ngân hàng thương mại khác cho các khoản vay bằng USD nói trên.

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang thế chấp một số hợp đồng tiền gửi để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh 7.3 và hợp đồng cấp bảo lãnh với giá trị là 798.847.800.000 VND cho một số khoản vay ngân hàng nước ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Trái phiếu phát hành được phân loại ngắn hạn và dài hạn theo kỳ hạn còn lại của trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu ngắn hạn	1.504.310.847.194	3.574.904.342.006
Trái phiếu dài hạn	1.509.970.833.337	1.006.350.476.843
Tổng cộng	3.014.281.680.531	4.581.254.818.849

Chi tiết các mã trái phiếu ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất	31/12/2025 VND
a. Ngắn hạn				
TCSCH2126002	16/06/2021	16/06/2026	9,80%	692.000.000
TCSCH2126003	24/06/2021	24/06/2026	10,80%	3.226.200.000
TCXCH2426004	29/07/2024	29/01/2026	7,90%	500.000.000.000
TCXCH2426005	8/8/2024	8/2/2026	7,90%	500.000.000.000
TCX12503	10/6/2025	10/7/2026	6,88%	500.000.000.000
Giá trị theo mệnh giá				1.503.918.200.000
Cộng: Phụ trội				392.647.194
Trừ: Chi phí phát hành trái phiếu				-
Giá trị ghi sổ (i)				1.504.310.847.194

Chi tiết các mã trái phiếu dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất	31/12/2025 VND
b. Dài hạn				
TCX12501	4/4/2025	4/4/2028	7,18%	500.000.000.000
TCX12502	12/5/2025	12/5/2028	7,18%	500.000.000.000
TCX12504	25/12/2025	25/03/2027	8,00%	500.000.000.000
TCX12505	31/12/2025	31/03/2027	8,00%	5.000.000.000
TCX12506	31/12/2025	30/06/2028	8,00%	5.000.000.000
Giá trị theo mệnh giá				1.510.000.000.000
Cộng: Phụ trội				(29.166.663)
Trừ: Chi phí phát hành trái phiếu				-
Giá trị ghi sổ (i)				1.509.970.833.337

(i) Trái phiếu phát hành còn số dư tại ngày cuối kỳ gồm các trái phiếu thường được phát hành thành nhiều đợt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 010304/25/NQ-ĐHĐCĐ-TCBS ngày 08 tháng 04 năm 2021, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 011506/21/NQ-ĐHĐCĐ-TCBS ngày 15 tháng 06 năm 2021 với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 010106/23/NQ-HĐQT-TCBS ngày 01 tháng 06 năm 2023 với mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu, Nghị quyết Hội đồng quản trị 011209/23/NQ-HĐQT-TCBS ngày 12 tháng 09 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị 021209/23/NQ-HĐQT-TCBS ngày 12 tháng 09 năm 2023 với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu và Nghị quyết Hội đồng quản trị 010706/24/NQ-HĐQT-TCBS ngày 07 tháng 06 năm 2024 với mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 010304/25/NQ-HĐQT-TCBS và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 020304/25/NQ-HĐQT-TCBS ngày 01 tháng 04 năm 2025 với mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu. Đây là các trái phiếu không có tài sản đảm bảo, có kỳ hạn 1,5 - 05 năm và có lãi suất trái phiếu cố định kỳ đầu tiên, trả lãi sau vào ngày tròn 03 tháng, 06 tháng và 12 tháng kể từ ngày phát hành và ngày đáo hạn, gốc được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.

Chi tiết các mã trái phiếu ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất	31/12/2024 VND
a. Ngắn hạn				
TCSCH2325001	05/06/2023	05/06/2025	8,23%	9.400.000.000
TCSCH2325002	04/07/2023	04/07/2025	7,75%	400.000.000.000
TCSCH2325003	17/07/2023	17/07/2025	7,75%	300.000.000.000
TCSCPO2325001	09/05/2024	09/11/2025	7,18%	500.000.000.000
TCSCPO2325002	15/04/2024	15/10/2025	7,18%	500.000.000.000
TCSCPO2325003	27/05/2024	27/11/2025	7,18%	500.000.000.000
TCXCH2425001	14/06/2024	14/12/2025	7,90%	500.000.000.000
TCXCH2425002	26/06/2024	26/12/2025	7,90%	361.700.000.000
TCXCH2425003	28/06/2024	28/12/2025	7,90%	500.000.000.000
Giá trị theo mệnh giá				3.571.100.000.000
Cộng: Phụ trội				4.225.398.161
Trừ: Chi phí phát hành trái phiếu				(421.056.155)
Giá trị ghi sổ				3.574.904.342.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết các mã trái phiếu dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất	31/12/2024 VND
c. Dài hạn				
TCSCH2126002	16/06/2021	16/06/2026	9,80%	692.000.000
TCSCH2126003	24/06/2021	24/06/2026	10,80%	3.226.200.000
TCSCH2126004	29/07/2024	29/01/2026	7,92%	500.000.000.000
TCSCH2126005	08/08/2024	08/02/2026	7,92%	500.000.000.000
Giá trị theo mệnh giá				1.003.918.200.000
Cộng: Phụ trội				2.654.856.607
Trừ: Chi phí phát hành trái phiếu				(222.579.764)
Giá trị ghi sổ				1.006.350.476.843

22. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN			Đơn vị tính: VND
		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam		37.659.221.495	16.174.175.049
Phải trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam		7.040.667.857	11.876.007.171
Phải trả chứng quyền (đang lưu hành) (*)		4.094.927.000	-
Phải trả tổ chức, cá nhân khác		2.326.986.000	2.308.161.958
Tổng cộng		51.121.802.352	30.358.344.178

(*) Công ty được phát hành sản phẩm Chứng quyền có đảm bảo theo các giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chi tiết số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

Đơn vị tính: Chứng quyền

	Số cuối năm	Số đầu năm		
	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền đang lưu hành
FPT/TCBS/C/EU/12M/CASH/24-01	1.000.000	1.000.000	-	-
HPG/TCBS/C/EU/12M/CASH/24-01	1.500.000	1.499.000	-	-
MBB/TCBS/C/EU/12M/CASH/24-01	1.500.000	296.100	-	-
Tổng cộng	4.000.000	2.795.100	-	-

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.241.697.156	(1.466.720.537)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.250.766.807.176	797.532.244.491
Thuế thu nhập cá nhân	123.809.164.515	71.608.560.165
Các loại thuế khác	7.921.995.739	10.773.604.151
Tổng cộng	1.384.739.664.586	878.447.688.270

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

		Đơn vị tính: VND			
STT	Chi tiêu	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 35)	797.532.244.491	1.422.857.625.411	(969.623.062.726)	1.250.766.807.176
2	Thuế thu nhập cá nhân	71.608.560.165	1.385.693.309.015	(1.333.492.704.665)	123.809.164.515
	- Thuế thu nhập cá nhân	3.686.187.698	87.426.587.014	(86.187.702.981)	4.925.071.731
	- Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	67.922.372.467	1.298.266.722.001	(1.247.305.001.684)	118.884.092.784
3	Thuế giá trị gia tăng	(1.466.720.537)	13.125.164.637	(9.416.746.944)	2.241.697.156
4	Các loại thuế khác	10.773.604.151	53.638.582.578	(56.490.190.990)	7.921.995.739
	- Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	- Thuế nhà thầu	10.773.604.151	53.404.354.556	(56.255.962.968)	7.921.995.739
	- Thuế, phí khác	-	231.228.022	(231.228.022)	-
Tổng cộng		878.447.688.270	2.875.314.681.641	(2.369.022.705.325)	1.384.739.664.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN			Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Chi phí lãi vay phải trả	183.923.392.305	93.585.618.129		
Chi phí lãi trái phiếu	49.175.335.596	78.071.197.092		
Chi phí hoạt động trích trước	32.730.113.346	19.465.508.879		
Tổng cộng	265.828.841.247	191.122.324.100		

25. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN			Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Ngắn hạn	375.518.055.392	251.238.807.204		
Phí dịch vụ đại lý đăng ký và lưu ký	349.440.303.629	216.296.409.384		
Phí đại diện người sở hữu trái phiếu	25.927.751.164	32.456.512.221		
Phí dịch vụ chứng khoán	-	2.309.999.998		
Phí khác	150.000.599	175.885.601		
Dài hạn	5.743.148.982	6.512.947.402		
Phí dịch vụ đại lý đăng ký và lưu ký	5.627.177.571	6.083.714.413		
Phí đại diện người sở hữu trái phiếu	115.971.411	429.232.989		
Tổng cộng	381.261.204.374	257.751.754.606		

26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC			Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Phải trả khách hàng về chương trình tích lũy điểm và đổi điểm giao dịch chứng khoán iXu	105.621.660.853	118.291.085.523		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.516.610.454	55.809.049.901		
Tổng cộng	120.138.271.307	174.100.135.424		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	12.347.939.323.386	6.665.324.621.285
Lợi nhuận chưa thực hiện	24.104.861.268	23.387.708.261
Tổng cộng	12.372.044.184.654	6.688.712.329.546

27.2 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	2.176.994.200.000	9.191.910.000.000	(16.520.032.167)	12.277.122.419.455	23.629.506.587.288
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	3.849.694.923.571	3.849.694.923.571
Tăng vốn chủ sở hữu do chào bán cổ phần riêng lẻ được thông qua tại Nghị quyết số 022506/24/NQ-HĐQT-TCBS ngày 25/06/2024	2.252.600.000	-	-	-	2.252.600.000
Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu được thông qua tại Nghị quyết số 010511/24/NQ-HĐQT-TCBS ngày 5/11/2024	17.433.974.400.000	(9.191.910.000.000)	-	(8.242.064.400.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết số 021406/24/NQ-HĐQT-TCBS ngày 14/06/2024	-	-	-	(1.196.040.613.480)	(1.196.040.613.480)
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	11.558.779.299	-	11.558.779.299
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	19.613.221.200.000	-	(4.961.252.868)	6.688.712.329.546	26.296.972.276.678
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	19.613.221.200.000	-	(4.961.252.868)	6.688.712.329.546	26.296.972.276.678
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	5.683.331.855.108	5.683.331.855.108
Tăng vốn chủ sở hữu do chào bán cổ phần riêng lẻ được thông qua tại Nghị quyết số 022504/25/NQ-HĐQT-TCBS ngày 25/04/2025	1.188.359.010.000	188.354.903.085	-	-	1.376.713.913.085
Tăng vốn chủ sở hữu do đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng được thông qua tại Nghị quyết số 011007/25/NQ-HĐQT-TCBS ngày 10/07/2025 và theo Xác nhận kết quả chào bán từ UBCKNN số 5402/UBCK-QLKD ngày 18/9/2025	2.311.500.000.000	8.418.625.515.433	-	-	10.730.125.515.433
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	12.436.623.071	-	12.436.623.071
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	23.113.080.210.000	8.606.980.418.518	7.475.370.203	12.372.044.184.654	44.099.580.183.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.311.308.021	1.961.322.120
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.311.308.021	1.961.322.120
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	2.311.308.021	1.961.322.120
- Cổ phiếu phổ thông	2.311.308.021	1.961.322.120
Số lượng cổ phiếu lưu hành	2.311.308.021	1.961.322.120
- Cổ phiếu phổ thông	2.311.308.021	1.961.322.120
Tổng cộng	2.311.308.021	1.961.322.120

27.4 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	6.665.324.621.285	12.257.063.891.765
Lợi nhuận đã thực hiện phát sinh trong năm	5.682.614.702.101	3.846.365.743.000
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho chủ sở hữu tính đến cuối năm	12.347.939.323.386	16.103.429.634.765
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm	-	(9.438.105.013.480)
- Trả cổ tức bằng tiền	-	(1.196.040.613.480)
- Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận chưa phân phối	-	(8.242.064.400.000)
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối	12.347.939.323.386	6.665.324.621.285

28. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

28.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	22.556.466.360.000	17.055.403.900.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	275.700.000	-
Tổng cộng	22.556.742.060.000	17.055.403.900.000

28.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.720.000	20.000

28.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu	1.497.100.000	7.282.100.000
Cổ phiếu	352.000.000	-
Chứng quyền	11.000.000	-
Tổng cộng	1.860.100.000	7.282.100.000

28.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu	-	13.401.400.000
Cổ phiếu	1.024.877.930.000	360.000
Chứng chỉ quỹ	5.384.960.000	5.384.960.000
Chứng chỉ tiền gửi	200.000.000.000	-
Tổng cộng	1.230.262.890.000	18.786.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	240.019.596.860.000	141.951.366.816.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	1.467.945.100.000	1.013.558.230.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	56.063.707.010.000	72.409.443.760.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	26.601.662.760.000	15.028.179.710.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.154.367.060.000	721.051.930.000
Tổng cộng	325.307.278.790.000	231.123.600.446.000

28.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	174.185.350.000	132.398.410.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	18.642.640.000	216.006.890.000
Tổng cộng	192.827.990.000	348.405.300.000

28.7 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu	107.913.100.000	10.113.700.000
Cổ phiếu	1.181.231.130.000	812.606.130.000
Chứng chỉ quỹ	1.026.230.000	1.423.870.000
Chứng quyền	1.734.000.000	51.445.760.000
Tổng cộng	1.291.904.460.000	875.589.460.000

28.8 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu	2.085.000.000.000	7.265.598.600.000
Cổ phiếu	-	-
Chứng chỉ quỹ	7.322.201.530.000	8.073.154.740.000
Tổng cộng	9.407.201.530.000	15.338.753.340.000

28.9 Tiền gửi của nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	6.447.211.380.125	8.245.482.244.688
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	6.404.216.222.687	8.165.451.303.437
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42.995.157.438	80.030.941.251
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	198.220.624.524	172.607.043.516
- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư trong nước tại VSDC	197.536.198.404	170.703.510.582
- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài tại VSDC	684.426.120	1.903.532.934
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	4.206.007.929.509	1.734.150.405.730
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	4.204.858.774.509	1.734.122.885.730
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	1.149.155.000	27.520.000
Tổng cộng	10.653.219.309.634	9.979.632.650.418

28.10 Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	49.373.986.618	44.613.698.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28.11 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	10.653.219.309.634	9.979.632.650.418
- Của Nhà đầu tư trong nước	10.609.074.997.196	9.899.574.189.167
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	44.144.312.438	80.058.461.251
Tổng cộng	10.653.219.309.634	9.979.632.650.418

28.12 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	49.373.986.618	44.613.698.630

28.13 Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả phí môi giới chứng khoán	11.122.381.024	9.673.021.238
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	6.283.049.609	7.286.568.375
Phải trả phí bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán	12.358.250.000	67.502.000.000
Phải trả phí dịch vụ tư vấn	639.108.800	6.831.000.000
Phải trả phí dịch vụ khác	2.402.181.294	2.333.399.015
Tổng cộng	32.804.970.727	93.625.988.628

28.14 Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nghiệp vụ cho vay hoạt động ký quỹ ("margin")	43.589.311.420.372	25.940.220.942.181
Phải trả gốc margin (Thuyết minh số 7.4)	43.162.734.820.966	25.606.519.152.893
- Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước	43.162.734.820.966	25.606.519.152.893
Phải trả lãi margin (Thuyết minh số 9)	426.576.599.406	333.701.789.288
- Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước	426.576.599.406	333.701.789.288
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	696.997.656.177	304.726.848.296
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Thuyết minh số 7.4)	696.997.656.177	304.726.848.296
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	696.997.656.177	304.726.848.296
Tổng cộng	44.286.309.076.549	26.244.947.790.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

29.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	58.282.641	28.768	1.676.669.025.900	1.136.083.838.758	540.585.187.142	2.376.538
2	Cổ phiếu phòng ngừa rủi ro chứng quyền	6.900.000	27.317	188.483.915.000	181.164.418.275	7.319.496.725	-
3	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	142.821.000.000
4	Trái phiếu niêm yết	432.649.059	104.780	45.333.127.704.882	45.117.631.065.566	215.496.639.316	226.306.793.963
5	Trái phiếu chưa niêm yết	3.846.595	30.704.445	118.107.566.339.917	115.239.280.153.896	2.868.286.186.021	2.031.676.841.295
6	Chứng chỉ tiền gửi	8.375.485	1.705.860	14.287.401.529.161	14.265.196.150.637	22.205.378.524	48.173.140.274
7	Chứng quyền do công ty phát hành	9.354.400	1.441	13.478.624.481	10.434.756.888	3.043.867.593	-
8	Chứng chỉ quỹ	7.700.000	6.119	47.114.171.514	41.634.339.008	5.479.832.506	-
	Tổng lãi bán	527.108.180		179.653.841.310.855	175.991.424.723.028	3.662.416.587.827	2.448.980.152.070
II	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	70.534	25.042	1.766.316.670	1.851.220.730	(84.904.060)	(760.000)
2	Cổ phiếu phòng ngừa rủi ro chứng quyền	3.049.000	30.952	94.374.090.000	98.646.496.739	(4.272.406.739)	-
3	Chứng quyền	21.200	558	11.829.000	17.474.000	(5.645.000)	-
4	Trái phiếu niêm yết	560.467.372	109.115	61.155.328.191.124	61.249.506.448.898	(94.178.257.774)	(47.158.423.364)
5	Trái phiếu chưa niêm yết	291.544	53.208.699	15.512.676.872.766	15.836.129.565.264	(323.452.692.498)	(153.903.346.443)
6	Chứng chỉ tiền gửi	133.615	100.008	13.362.503.410	13.501.863.855	(139.360.445)	(3.082.735.098)
7	Chứng quyền do công ty phát hành	16.414.300	2.251	36.942.774.500	42.767.028.895	(5.824.254.395)	-
	Tổng lỗ bán	580.447.565		76.814.462.577.470	77.242.420.098.381	(427.957.520.911)	(204.145.264.905)
	Tổng cộng	1.107.555.745		256.468.303.888.325	253.233.844.821.409	3.234.459.066.916	2.244.834.887.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29.2 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu và các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Từ các khoản cho vay và phải thu	3.727.517.878.641	2.621.919.468.982
Từ tài sản tài chính FVTPL	126.368.800	25.080.000
Từ tài sản tài chính AFS	548.520.255.484	432.978.205.265
Từ tài sản tài chính HTM	180.059.518.864	110.341.784.335
- Lãi hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	180.059.518.864	110.341.784.335
Tổng cộng	4.456.224.021.789	3.165.264.538.582

29.3 Chênh lệch về đánh giá lại phải trả chứng quyền

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch giảm phải trả do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	2.081.623.537	-
Chênh lệch tăng phải trả do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(146.984.433)	-
Tổng cộng	1.934.639.104	-

30. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư cá nhân	6.237.602.488	3.881.134.177
Thu nhập hoạt động khác	365.595.199	303.883.186
Tổng cộng	6.603.197.687	4.185.017.363

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	391.454.796.421	259.060.189.756
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	101.719.576.574	44.478.890.519
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	1.951.876.404	6.031.468.910
- Trích lập chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	1.951.876.404	6.031.468.910
Chi phí hoạt động khác, trong đó: (i)	286.774.899.108	181.492.695.748
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	39.600.000	39.600.000
Tổng cộng	781.901.148.507	491.063.244.933

(i) Phản ánh chi phí cho các chương trình của Công ty, bao gồm: chương trình tích lũy điểm và đổi điểm giao dịch chứng khoán, chương trình đổi tác phát triển kinh doanh, chương trình nền tảng đầu tư cộng đồng và các chi phí khác.

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	45.376.233.569	17.491.002.103
Doanh thu hoạt động tài chính khác	718.551.666	9.025.218.706
Tổng cộng	46.094.785.235	26.516.220.809

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.055.011.378.498	1.471.244.444.534
- Chi phí lãi trái phiếu	369.299.239.482	221.565.448.585
- Chi phí lãi vay ngắn hạn	1.685.712.139.016	1.249.678.995.949
Chi phí tài chính khác	226.855.818.008	105.819.563.366
Tổng cộng	2.281.867.196.506	1.577.064.007.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	422.394.877.243	415.675.532.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.873.836.043	23.565.200.377
Chi phí thuế, phí và lệ phí	22.459.088.252	7.661.252.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	181.101.529.552	112.178.475.763
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	2.314.123.470	2.650.420.970
Chi phí khác	5.832.009.150	5.162.612.652
Tổng cộng	658.975.463.710	566.893.494.770

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

35.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2025.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	7.108.703.741.609	4.802.105.868.186
Các khoản điều chỉnh tăng	-	17.900.327.855
- Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế khác	-	17.900.327.855
Các khoản điều chỉnh giảm	(180.538.012.142)	(58.013.280.000)
- Thu nhập cố tức không chịu thuế	(29.030.424.500)	(58.013.280.000)
- Thu nhập đã quyết toán năm trước	(138.936.282.192)	-
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế khác	(12.571.305.450)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	6.928.165.729.467	4.761.992.916.041
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	1.385.633.145.893	952.398.583.208
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế năm trước và kết quả thanh tra thuế	37.224.479.518	3.592.426.978
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.422.857.625.411	955.991.010.186
Thuế TNDN phải trả đầu năm	797.532.244.490	425.073.249.023
Thuế TNDN đã trả trong năm	(969.623.062.726)	(583.532.014.718)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	1.250.766.807.176	797.532.244.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số đầu năm	23.846.393.223	24.188.580.704
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(3.527.930.389)	(3.922.253.052)
Thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ thuế	(2.514.261.090)	3.580.065.571
Số cuối năm	17.804.201.744	23.846.393.223

36. LŨY KẾ LÃI/(LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Số cuối năm
Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	(4.961.252.868)	-	12.436.623.071	7.475.370.203
Tổng cộng	(4.961.252.868)	-	12.436.623.071	7.475.370.203

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	12.436.623.071	11.558.779.299
- Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	12.436.623.071	11.558.779.299
Tổng cộng	12.436.623.071	11.558.779.299

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong năm được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được tính vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)	5.683.331.855.108	3.849.694.923.571
Trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế (VND)	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.683.331.855.108	3.849.694.923.571
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) (*)	2.094.560.777	1.960.446.930
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.713	1.964

(*) Việc điều chỉnh lại tính đến ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 05 tháng 11 năm 2024 phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ 2.179.246.800.000 đồng lên 19.613.221.200.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

39.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Techcom	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty Cổ phần Wealthtech Innovations	Công ty có thành viên Hội đồng quản trị là thành viên trong Hội đồng Quản trị của TCBS
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Techcom	Công ty có thành viên Hội đồng quản trị là thành viên trong Hội đồng Quản trị của TCBS
Công ty Cổ phần Đầu tư và công nghệ Tokenbay	Công ty có cổ đông lớn là thành viên trong Hội đồng Quản trị của TCBS

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Doanh thu hoạt động chứng khoán	9.657.525.072	9.206.704.972
	Doanh thu lãi tiền gửi	4.148.496.773	3.265.789.507
	Doanh thu quản lý cổ đông	2.000.000.000	2.000.000.000
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán phân bổ	9.070.555.547	6.277.777.734
	Chi phí văn phòng	(2.725.742.880)	(2.270.268.497)
	Chi phí phòng ngừa rủi ro	42.395.161.749	65.648.670.554
	Chi trả cổ tức bằng tiền	-	(1.126.269.945.060)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	103.754.989.191	55.354.031.385
	Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	24.723.776	20.243.355
Công ty Cổ phần Wealthtech Innovations	Góp vốn đầu tư	9.952.480.890	-
	Thoái vốn đầu tư	8.412.824.066	-
	Doanh thu hoạt động chứng khoán	574.336.908	-
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Techcom	Mua cổ phần nhằm mục đích đầu tư dài hạn	297.000.000	-
	Doanh thu hoạt động chứng khoán	24.206.561	-
Công ty cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Techcom	Doanh thu hoạt động chứng khoán	12.391.059	-
Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ TokenBay	Góp vốn đầu tư	165.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

39.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Tiền gửi thanh toán	2.423.158.973.638	2.634.327.113.472
	Phải thu phí quản lý cổ đông	2.200.000.000	2.200.000.000
	Phải trả khác	(3.633.706.856)	(2.971.693.932)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương	Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	7.119.171.430	8.975.548.728

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như sau:

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch	8.572.703.427	9.657.834.843
Bà Nguyễn Thị Dịu	Phó Chủ tịch Thành viên độc lập	-	-
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	-	-
Ông Alexandre Charles Emmanuel Macaire	Thành viên	-	-
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên	-	-
Ban Kiểm soát			
Ông Đặng Văn Khải	Trưởng ban	60.000.000	60.000.000
Bà Hoàng Thị Kim Cúc	Thành viên	-	-
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên	-	-
Tổng Giám đốc			
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Tổng giám đốc	3.609.779.369	4.098.446.754
Người quản lý khác		34.699.543.058	34.949.123.066

39.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (i)	Kinh doanh nguồn vốn và Tự doanh	Tư vấn phát hành	Tổng cộng
31/12/2025				
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	4.801.710.234.502	4.398.033.706.230	2.017.682.573.918	11.217.426.514.650
2. Chi phí từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	781.874.748.507	431.650.541.228	26.400.000	1.213.551.689.735
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh	4.019.835.485.995	3.966.383.165.002	2.017.656.173.918	10.003.874.824.915
1. Doanh thu từ hoạt động tài chính	-	46.094.785.235	-	46.094.785.235
2. Chi phí từ hoạt động tài chính	1.332.110.437.205	949.756.759.301	-	2.281.867.196.506
Chi phí thuần từ hoạt động tài chính	(1.332.110.437.205)	(903.661.974.066)	-	(2.235.772.411.271)
Khấu hao và các chi phí phân bổ	243.097.339.631	316.216.659.039	100.084.673.365	659.398.672.035
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	2.444.627.709.159	2.746.504.531.897	1.917.571.500.553	7.108.703.741.609
Số dư cuối kỳ				
1. Tài sản bộ phận	44.395.695.650.164	32.788.018.835.605	12.799.358.800	77.196.513.844.569
2. Tài sản phân bổ	1.266.508.298.843	1.643.785.558.846	520.403.043.685	3.430.696.901.374
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	5.046.253.066
Tổng tài sản	45.662.203.949.007	34.431.804.394.451	533.202.402.485	80.632.256.999.009
4. Nợ phải trả bộ phận	229.186.328.474	51.121.802.352	393.128.204.374	673.436.335.200
5. Nợ phân bổ	20.146.475.262.912	14.415.364.908.092	36.179.809.359	34.598.019.980.363
6. Nợ không phân bổ	-	-	-	1.261.220.500.071
Tổng công nợ	20.375.661.591.386	14.466.486.710.444	429.308.013.733	36.532.676.815.634

(i): Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay ký quỹ, doanh thu tư vấn đầu tư và doanh thu lưu ký.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

39.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)				
Đơn vị tính: VND				
	Môi giới và dịch vụ khách hàng (i)	Kinh doanh nguồn vốn và Tự doanh	Tư vấn phát hành	Tổng cộng
31/12/2024				
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	3.277.990.600.844	2.993.008.928.632	1.344.253.711.061	7.615.253.240.537
2. Chi phí từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	491.023.644.933	204.396.149.905	39.600.000	695.459.394.838
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh	2.786.966.955.911	2.788.612.778.727	1.344.214.111.061	6.919.793.845.699
1. Doanh thu từ hoạt động tài chính	-	26.516.220.809	-	26.516.220.809
2. Chi phí từ hoạt động tài chính	845.995.254.327	731.068.753.573	-	1.577.064.007.900
Chi phí thuần từ hoạt động tài chính	(845.995.254.327)	(704.552.532.764)	-	(1.550.547.787.091)
Khấu hao và các chi phí phân bổ	212.967.555.797	263.174.724.174	90.997.910.451	567.140.190.422
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	1.728.004.145.787	1.820.885.521.789	1.253.216.200.610	4.802.105.868.186
Số dư cuối kỳ				
1. Tài sản bộ phận	26.303.416.443.712	23.681.076.177.457	74.204.400.000	50.058.697.021.169
2. Tài sản phân bổ	1.199.591.354.189	1.471.361.562.148	501.443.561.738	3.172.396.478.075
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	13.040.320.950
Tổng tài sản	27.503.007.797.901	25.152.437.739.605	575.647.961.738	53.244.133.820.194
4. Nợ phải trả bộ phận	186.717.550.611	30.358.344.178	439.153.754.606	656.229.649.395
5. Nợ phân bổ	13.640.158.616.499	11.813.397.361.870	30.246.787.647	25.483.802.766.016
6. Nợ không phân bổ	-	-	-	807.129.128.105
Tổng công nợ	13.826.876.167.110	11.843.755.706.048	469.400.542.253	26.947.161.543.516

(i): Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay ký quỹ, doanh thu tư vấn đầu tư và doanh thu lưu ký.

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý
Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

39.3 Cam kết với hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các Nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho Nhà đầu tư để mua chứng khoán.

39.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chứng quyền, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Cho mục đích giảm thiểu rủi ro tiền tệ, Công ty áp dụng biện pháp phòng ngừa rủi ro thông qua việc ký kết các hợp đồng phái sinh ngoại tệ với các ngân hàng thương mại.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản vay gốc ngoại tệ của Công ty có tổng giá trị là 330.000.000 USD (tương ứng 8.456.650.000.000 VND). Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro bởi hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo bằng ngoại tệ, hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ với các ngân hàng thương mại cho các khoản vay bằng USD nói trên.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Các cổ phiếu, trái phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu, trái phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính, kinh doanh của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo tài chính. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tổn đọng và kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có tín nhiệm cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5 và Thuyết minh số 7.3. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước tiền bán cho khách hàng, cũng như định năm kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng. Bên cạnh đó, Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ đối với các chứng khoán uy tín, thỏa mãn các điều kiện về khẩu vị rủi ro (rủi ro về tín dụng, rủi ro về thị trường, rủi ro về thanh khoản) của Công ty và đảm bảo tuân thủ yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ có tính thanh khoản cao hoặc các tổ chức phát hành có xếp hạng tín nhiệm tốt. Việc đo lường và giám sát rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư này được lượng hóa và báo cáo thường xuyên liên tục tới Ban Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng Quản trị của Công ty.

Đơn vị tính: VND								
Quá hạn nhưng không bị suy giảm								
	Tổng cộng	Không quá hạn và đã bị suy giảm	Đã quá hạn và đã bị suy giảm	Không quá hạn và không bị suy giảm	Đến 90 ngày	Từ 91 – 180 ngày	Từ 181 - 360 ngày	Trên 360 ngày
Số cuối năm								
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.108.078.221.717	-	-	3.108.078.221.717	-	-	-	-
Các khoản cho vay	43.859.732.477.143	415.959.247	15.303.985.472	43.843.470.482.865	542.049.559	-	-	-
Các khoản đầu tư HTM	3.657.418.739.619	-	-	3.657.418.739.619	-	-	-	-
Tài sản tài chính AFS (chứng khoán nợ)	23.509.455.480.435	-	-	23.509.455.480.435	-	-	-	-
Các khoản phải thu	727.654.098.295	378.014	3.291.409.478	717.342.251.403	7.020.059.400	-	-	-
Tổng cộng	74.862.339.017.209	416.337.261	18.595.394.950	74.835.765.176.039	7.562.108.959	-	-	-
Số đầu năm								
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.864.601.041.636	-	-	2.864.601.041.636	-	-	-	-
Các khoản cho vay	25.911.246.001.189	189.300.717	15.303.594.980	25.891.834.174.412	3.918.931.080	-	-	-
Các khoản đầu tư HTM	2.732.105.785.348	-	-	2.732.105.785.348	-	-	-	-
Tài sản tài chính AFS (chứng khoán nợ)	16.549.132.173.955	-	-	16.549.132.173.955	-	-	-	-
Các khoản phải thu	656.768.929.458	254.718	1.187.238.476	624.037.379.418	31.544.056.846	-	-	-
Tổng cộng	48.713.853.931.586	189.555.435	16.490.833.456	48.661.710.554.769	35.462.987.926	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

39.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)
Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày kết thúc năm tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Đơn vị tính: VND					
	Quá hạn (Bao gồm số dư đã trích lập dự phòng)	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ trên 01 đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	3.108.078.221.717	-	-	-	3.108.078.221.717
Các khoản đầu tư HTM	-	-	3.657.418.739.619	-	-	3.657.418.739.619
Các khoản cho vay	15.846.035.031	-	43.843.886.442.112	-	-	43.859.732.477.143
Tài sản tài chính FVTPL	-	38.923.020.900	-	-	-	38.923.020.900
Tài sản tài chính AFS	-	1.708.987.332.261	1.124.858.047.593	19.794.059.884.890	2.590.537.547.952	25.218.442.812.696
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	3.610.268.431.824	-	3.610.268.431.824
Phải thu khác	10.311.468.878	-	715.290.382.842	2.052.246.575	-	727.654.098.295
Tài sản cố định	-	-	940.077.802	58.601.364.369	47.639.764.535	107.181.206.706
Chi phí trả trước	-	-	14.873.485.358	15.514.973.790	-	30.388.459.148
Tài sản khác	-	231.296.290.955	55.829.188.684	-	-	287.125.479.639
Tổng cộng	26.157.503.909	5.087.284.865.833	49.413.096.364.010	23.480.496.901.448	2.638.177.312.487	80.645.212.947.687
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	31.079.695.096.211	-	-	31.079.695.096.211
Trái phiếu phát hành	-	-	1.504.310.847.194	1.509.970.833.337	-	3.014.281.680.531
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	51.121.802.352	-	-	51.121.802.352
Chi phí phải trả	-	-	265.828.841.247	-	-	265.828.841.247
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	1.384.739.664.586	-	-	1.384.739.664.586
Phải trả, phải nộp khác	-	352.289.105.355	378.977.476.370	5.743.148.982	-	737.009.730.707
Tổng cộng	-	352.289.105.355	34.664.673.727.960	1.515.713.982.319	-	36.532.676.815.634
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	26.157.503.909	4.734.995.760.478	14.748.422.636.050	21.964.782.919.129	2.638.177.312.487	44.112.536.132.053

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

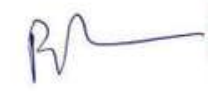
B09-CTCK

40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 02 năm 2026


Bà Trần Thị Lan Anh
Người lập


Bà Phạm Thúy Vân
Kế toán trưởng


Bà Trần Thị Thu Trang
Phó Tổng Giám đốc

Phụ lục: Bảng tham chiếu các chỉ tiêu báo cáo Phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI

Tiêu chuẩn GRI & Thông tin công bố	Vị trí trong báo cáo	Số trang
GRI 2 – Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung		
2-1 Thông tin chi tiết về Tổ chức	Chương 02 – Về chúng tôi > I. Thông tin doanh nghiệp	14-15
2-2 Các Đơn vị được bao gồm trong báo cáo Phát triển bền vững	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > I. Thông tin chung	112-119
2-3 Kỳ báo cáo, tần suất và thông tin liên hệ	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > I. Thông tin chung	112-119
2-4 Trình bày lại thông tin	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > I. Thông tin chung	112-119
2-5 Đảm bảo số liệu từ Đơn vị bên ngoài	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > I. Thông tin chung	112-119
2-6 Các hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh khác	Chương 02 – Về chúng tôi > I. Thông tin doanh nghiệp	14-15
2-7 Nhân viên	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > II. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội > 2. Tác động xã hội	120-129
2-8 Người lao động không phải là nhân viên công ty	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > II. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội > 2. Tác động xã hội	120-129
2-9 Cơ cấu và thành phần quản trị	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 1. Mô hình quản trị	88-95
2-10 Đề cử và lựa chọn cơ quan quản trị cao nhất	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 1. Mô hình quản trị	88-95

Tiêu chuẩn GRI & Thông tin công bố	Vị trí trong báo cáo	Số trang
GRI 2 – Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung		
2-11 Chủ tịch cơ quan quản trị cao nhất	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 1. Mô hình quản trị	88-95
2-12 Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc quản trị/giám sát hoạt động quản lý các tác động của Công ty	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 1. Mô hình quản trị	88-95
2-13 Sự phân chia trách nhiệm về việc quản lý các tác động	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 1. Mô hình quản trị	88-95
2-14 Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong báo cáo phát triển bền vững	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 1. Mô hình quản trị	88-95
2-15 Xung đột lợi ích	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 2. Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng	96-98
2-16 Truyền đạt các mối quan tâm chính	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 2. Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng	96-98
2-17 Kiến thức chung của cơ quan quản trị cao nhất	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 1. Mô hình quản trị	88-95
2-18 Đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan quản trị cao nhất	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 2. Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng	96-98
2-19 Chính sách thù lao	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 2. Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng	96-98

Tiêu chuẩn GRI & Thông tin công bố	Vị trí trong báo cáo	Số trang
GRI 2 – Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung		
2-20 Quy trình xác định thù lao	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 2. Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng	96-98
2-21 Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 2. Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng	96-98
2-22 Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > I. Thông tin chung	112-119
2-23 Cam kết chính sách	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > I. Thông tin chung	112-119
2-24 Triển khai cam kết chính sách	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > II. Quản trị rủi ro	100-109
2-25 Các quy trình khắc phục tác động tiêu cực	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 2. Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng	96-98
2-26 Cơ chế tư vấn và báo cáo các quan ngại	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 2. Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng	96-98
2-27 Tuân thủ luật pháp và quy định	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 2. Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng	96-98
2-28 Hiệp hội thành viên	Chương 02 – Về chúng tôi > I. Thông tin doanh nghiệp	14-15
2-29 Phương pháp tiếp cận sự tham gia của các bên liên quan	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > I. Thông tin chung	112-119
2-30 Thỏa ước lao động tập thể	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > II. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội > 2.Tác động xã hội	120-129

Tiêu chuẩn GRI & Thông tin công bố	Vị trí trong báo cáo	Số trang
GRI 3 – Lĩnh vực trọng yếu		
3-1 Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > I. Thông tin chung	112-119
3-2 Danh sách lĩnh vực trọng yếu	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > I. Thông tin chung	112-119
3-3 Quản lý lĩnh vực trọng yếu	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > I. Thông tin chung	112-119
GRI 201 – Hiệu quả kinh tế		
201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	Chương 03 – Báo cáo hoạt động > III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	46-74
GRI 203 – Tác động kinh tế gián tiếp		
203-2 Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > II. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội > 2. Tác động xã hội	120-129
GRI 205 – Chống tham nhũng		
205-1 Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 2. Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng	96-98
205-2 Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 2. Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng	96-98

Tiêu chuẩn GRI & Thông tin công bố	Vị trí trong báo cáo	Số trang
GRI 206 – Hành vi cản trở cạnh tranh		
206-1 Các chế tài đối với hành vi cản trở cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > I. Báo cáo quản trị > 2. Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng	96-98
GRI 413 – Cộng đồng địa phương		
413-1 Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > II. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội > 2. Tác động xã hội	120-129
GRI 417 – Tiếp thị và nhãn hiệu		
417-1 Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	Chương 05 – Phát triển bền vững cùng Techcom Securities > II. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội > 2. Tác động xã hội	120-129
GRI 418 – Quyền bảo mật thông tin khách hàng		
418-1 Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	Chương 04 – Quản trị doanh nghiệp > II. Quản trị rủi ro	100-109



TECHCOMSECURITIES



TECHCOMSECURITIES

Báo cáo thường niên 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương

Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Đường
Trần Duy Hưng, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 1900 232 366

Website: www.tcbs.com.vn